HĐ XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN, □
GIẢNG VIÊN NĂM 2025

SỞ NỘI VỤ TỈNH BẮC NINH

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN VÒNG 1, DỰ THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH VÒNG 2
XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 25 /TB-HĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng)

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
I	**XÃ, PHƯỜNG**													
1	**XÃ XUÂN LƯƠNG**													
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 07													
1	Nông Thị Thủy	Nương	Nữ	24/01/2003	Xã Quang Trung, Cao Bằng	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,73	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
2	Lục Thị Lan	Anh	Nữ	01/3/1998	Xã Cầm Giàng, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	TB	2,29	DT	5	Xã Tiên Lục	
3	Hoàng Thị	Anh	Nữ	19/05/1990	Xã Trại Cau, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	TB	2,20	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
4	Ninh Thị Phương	Thùy	Nữ	14/10/2003	Xã Đông Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,93			Xã Mỹ Thái	
5	Trần Thị Như	Hoa	Nữ	28/04/2003	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,33			Xã Hoàng Vân	
6	Loan Thị	Hiền	Nữ	10/02/1994	Xã Quảng Hà, Quảng Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,90	DT	5	Phường Tự Lạn	
7	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	03/07/1998	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,36	DT	5	Xã Đồng Việt	
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Chu Mạnh	Tuấn	Nam	02/4/1994	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	CNTT	TBK	2,35			Xã Yên Thế	CCNVSP
2	**XÃ YÊN THẾ**													
	GIÁO VIÊN THCS													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Trần Thị	Thùy	Nữ	19/5/2000	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tin học	Khá	2,86			Xã Xuân Lương	
2	Hoàng Thị Thúy	Hường	Nữ	25/02/2000	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tin học	Khá	3,05			Xã Hiệp Hòa	
3	**XÃ TAM TIẾN**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	02/8/1990	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	TXQM	CNTT	TBK	6,68			Xã Xuân Cẩm	CCNVSP
2	Vũ Thị	Thu	Nữ	07/02/2000	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tin học	Khá	3,00			Xã Nam Dương	
3	Đinh Thị	Trang	Nữ	24/9/2000	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	TX	CNTT	Giỏi	3,24			Xã Nam Dương	CCNVSP
4	Hoàng Thị	Quang	Nữ	10/9/1984	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	TXQM	CNTT	TBK	6,29	DT	5	Xã Nam Dương	CCNVSP
4	**XÃ TÂN YÊN**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 05, đăng ký: 24													
1	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	17/7/2004	Yên Giả, Chi Lăng, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,46			Ngọc Thiện	
2	Trần Thị	Diệp	Nữ	31/01/2002	Yên Thế, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,16				
3	Phí Thị	Linh	Nữ	26/02/1999	Cao Xá, Tân Yên, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,80			Quang Trung	
4	Tạ Thị	Khương	Nữ	26/11/1996	Tân Yên, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,46			Quang Trung	
5	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	29/8/2004	Yên Phòng, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,24			Ngọc Thiện	
6	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	Nữ	13/12/2004	Tân Yên, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,13			Mỹ Thái	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
7	Nguyễn Thanh	Quý	Nữ	08/12/1985	Nhã Nam, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,86			Ngọc Thiện	
8	Nguyễn Thị	Xâm	Nữ	16/02/1987	Tân Yên, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,70			Ngọc Thiện	
9	Trần Thị	Phương	Nữ	21/6/2004	Tân Yên, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,33			Mỹ Thái	
10	Trần Thị	Phương	Nữ	13/5/2001	Việt Lập, Tân Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,29			Việt Yên	
11	Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	25/5/2004	Ngọc Lý, Tân Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,21				
12	Hoàng Thị	Lan	Nữ	08/6/2003	Ngọc Lý, Tân Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,25	CTB	5		
13	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	04/4/2003	Minh Đức, Việt Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,26			Việt Yên	
14	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	29/01/1993	Tân Yên, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,05	CTB	5	Ngọc Thiện	
15	Ngô Thị Thanh	Quý	Nữ	25/10/1998	Liên Chung, Tân Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,77			Ngọc Thiện	
16	Nguyễn Kiều	Trinh	Nữ	09/11/1997	Thọ Ngọc, Thanh Hóa	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,00			Mỹ Thái	
17	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	02/03/2002	Tân Yên, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,30			Việt Yên	
18	Phan Thị Tường	Vy	Nữ	29/12/2003	An Thượng, Yên Thế	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,28			Quang Trung	
19	Giáp Hà	My	Nữ	23/6/2001	Phượng Sơn, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,94			Mỹ Thái	
20	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	20/11/2002	Hợp Đức, Tân Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,31			Quang Trung	
21	Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	27/8/2002	Nhã Nam, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,77			Quang Trung	
22	Chu Thị	Đạo	Nữ	10/7/1994	Việt Yên, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,14	DT	5	Việt Yên	
23	Lương Thị	Điều	Nữ	10/6/2000	Ngọc Lý, Tân Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,04			Việt Yên	
24	Giáp Thị	Hậu	Nữ	24/9/1980	Việt Lập, Tân Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,27			Ngọc Thiện	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	24/11/2001	Him Lam, Green Park, Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,98			Phường Nếnh	
5	**XÃ QUANG TRUNG**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 14, đăng ký: 104													
1	Thân Thị Hương	Chi	Nữ	09/05/2004	Đa Mai, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,89			Mỹ Thái	
2	Ngọc Thị	Huyền	Nữ	12/12/1988	Dương Hưu, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,00			Mỹ Thái	
3	Vi Thị	Lượng	Nữ	22/11/1990	Dương Hưu, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,17	DT	5	Mỹ Thái	
4	Nguyễn Hồng	Khánh	Nữ	29/04/2002	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	XS	3,74			Ngọc Thiện	
5	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	15/11/2003	Phúc Hoà, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,09			Tân Yên	
6	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	16/01/2001	Quang Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,98			Ngọc Thiện	
7	Đỗ Thị	Duyên	Nữ	01/03/1996	Tân Yên, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,00			Mỹ Thái	
8	Vũ Thị	Chung	Nữ	10/06/1984	Quang Trung, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	7,60				
9	Đỗ Thị	Duyên	Nữ	15/07/1994	Xuân Lương, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,32	CBB	5	Hiệp Hoà	
10	Hoàng Thị Thuỳ	Dương	Nữ	14/05/2003	Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	GDMN	Khá	2,85			Ngọc Thiện	
11	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	09/12/2000	Bắc Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,91			Ngọc Thiện	
12	Dương Thị Phương	Loan	Nữ	14/11/1992	Xã Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	7,47				
13	Ngọc Thị	Thuỷ	Nữ	08/05/1996	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,24	DT	5	Kiên Lao	
14	Trần Thuý	Dung	Nữ	15/03/2001	Yên Thế, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,19			Tiên Lục	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
15	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	18/04/1996	Bắc Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,27			Tân Yên	
16	Vương Thị	Phượng	Nữ	29/09/1979	Quang Trung, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	7,51				Trùng NV1
17	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	08/10/2004	Hợp Đức, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,20			Hiệp Hoà	
18	Thân Thị Như	Quỳnh	Nữ	02/07/2002	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Khá	2,99			Ngọc Thiện	
19	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	01/04/2003	Hạp Lĩnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,10			Xuân Cẩm	
20	Trần Thị	Đào	Nữ	14/01/1986	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Giỏi	3,48				
21	Hà Thị	Trang	Nữ	19/04/2003	Đồng Tâm, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	2,91			Xuân Cẩm	
22	Lưu Thị	Hậu	Nữ	16/12/2000	Ngọc Vân, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,89				Trùng NV1
23	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	02/06/1999	Phúc Hoà, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,89			Tân Yên	
24	Nguyễn Thuý	Hường	Nữ	27/12/2004	Nhã Nam, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,57			Xuân Cẩm	
25	Trần Thị	Thương	Nữ	25/02/1991	Quang Tiến, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Giỏi	3,45			Ngọc Thiện	
26	Liễu Thị	Hậu	Nữ	12/11/1991	Tân Yên, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,01	DT	5	Hiệp Hoà	
27	Trần Thị	Khanh	Nữ	17/03/1989	Quế Võ, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Giỏi	3,39			Hợp Thịnh	
28	Mã Thị	Bày	Nữ	13/01/1998	Ba Bể, Bắc Cạn	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,24	DT	5	Hiệp Hoà	
29	Hoàng Thị	Cẩm	Nữ	20/06/2002	Ba Bể, Bắc Cạn	ĐH	CQ	GDMN	Khá	3,17	DT	5	Hiệp Hoà	
30	Vi Thị	Huế	Nữ	10/07/2002	Tân Hoa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,99	DT	5	Hợp Thịnh	
31	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	15/07/1990	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,06			Xuân Cẩm	
32	Lương Thị	Lan	Nữ	01/08/1990	Đào Viên, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	XS	3,67			Hợp Thịnh	
33	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	24/04/2003	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Giỏi	3,25				

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
34	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	04/03/1990	Phù Lãng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	2,92			Tân Yên	
35	Nguyễn Thị	Sen	Nữ	01/03/1991	Tam Tiến, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	8,08			Tân Yên	
36	Hoàng Thị	Quỳnh	Nữ	14/04/1997	Tam Tiến, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,04	DT	5	Ngọc Thiện	
37	Trần Thị	Hà	Nữ	17/04/1995	Yên Định, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,13			Ngọc Thiện	
38	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	14/06/1989	Bắc Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,18			Ngọc Thiện	
39	Hoàng Thị Lan	Hương	Nữ	09/10/1995	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	2,87	DT	5	Hiệp Hoà	
40	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	05/07/1996	Tân Thành, Lạng Sơn	CĐ	VLVH	GDMN	Giỏi	3,34	DT	5	Mỹ Thái	
41	Hoàng Thị	Hương	Nữ	14/11/1999	Quang Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,96			Tân Yên	
42	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	04/11/2002	Bố Hạ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,16				
43	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	25/07/1995	Nhã Nam, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,71				
44	Hoàng Thị	Thiều	Nữ	15/06/1996	Bắc Sơn, Lạng Sơn	CĐ	CQ	GDMN	TBK	6,77	DT	5	Ngọc Thiện	
45	Dương Thị	Hường	Nữ	23/03/1996	Bắc Sơn, Lạng Sơn	CĐ	CQ	GDMN	TBK	6,95	DT	5	Ngọc Thiện	
46	Nông Thị	Oanh	Nữ	12/06/1996	Dân Tiến, Thái Nguyên	CĐ	CQ	GDMN	Khá	7,12	DT	5	Hiệp Hoà	
47	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	24/09/1996	An Dương, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,18			Tân Yên	
48	Hoàng Thị	Giang	Nữ	21/07/2002	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Giỏi	3,33				
49	Tô Thị	Thanh	Nữ	24/08/1995	Lục Ngạn, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Giỏi	3,30	DT	5		
50	Ngô Thị Thanh	Hoàn	Nữ	12/09/2004	Nhã Nam, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	XS	3,64			Tân Yên	
51	Lường Thị	Điền	Nữ	15/09/1987	Chi Lăng, Lạng Sơn	CĐ	CQ	GDMN	Khá	7,96	DT	5	Tân Yên	
52	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	08/10/2003	Tân Yên, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,27			Ngọc Thiện	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
53	Tống Khánh	Chi	Nữ	17/11/1995	Quang Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	7,94				
54	Nông Thị	Huyền	Nữ	05/09/1994	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,14	DT	5	Xuân Cẩm	
55	Vũ Thị Hồng	Ngát	Nữ	31/05/2002	Chũ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,14	DT	5	Phượng Sơn	
56	Trần Thị Thuỳ	Trang	Nữ	21/03/1999	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	TB	2,33			Tân Yên	
57	Hoàng Thị	Thương	Nữ	23/06/1995	Tân Hiệp, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,15			Tân Yên	
58	Bàng Thị	Hợi	Nữ	19/10/1989	Biển Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	TBK	6,67	DT	5	Ngọc Thiện	
59	Lê Thị	Thuỷ	Nữ	11/06/1990	Hữu Lũng, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,08	DT	5	Mỹ Thái	
60	Phùng Thị	Hương	Nữ	22/02/1996	Phúc Hoà, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,33				
61	Tống Thị	Vân	Nữ	20/02/1994	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	2,95			Mỹ Thái	
62	Trần Thị	Quyên	Nữ	06/07/1991	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,22			Mỹ Thái	
63	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	05/7/2002	Chũ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,94			Mỹ Thái	
64	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	20/11/2002	Phương Liễu, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,33			Xuân Cẩm	
65	Lê Thị Hương	Giang	Nữ	28/04/2003	Quang Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,81			Ngọc Thiện	
66	Phạm Thị	Xuyên	Nữ	11/04/2001	Đào Viên, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,85			Ngọc Thiện	
67	Nguyễn Minh	Thảo	Nữ	01/05/2003	Đào Viên, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,11			Ngọc Thiện	
68	Vũ Ngọc	Anh	Nữ	13/09/1996	Nhã Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,19			Ngọc Thiện	
69	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	10/12/1996	Quang Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	7,30				
70	Lương Thị	Huyên	Nữ	04/08/1988	Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	XS	3,62			Hiệp Hoà	
71	Bàn Thị	Ban	Nữ	25/11/1993	Thiện Thuật, Lạng Sơn	CĐ	CQ	GDMN	Khá	7,83	DT	5	Tân Dĩnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
72	Tô Thị	Hạnh	Nữ	10/10/1990	Bình Gia, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,33	DT	5	Tân Dĩnh	
73	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	23/11/1999	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	2,70				
74	Nông Thị	Bút	Nữ	27/04/2002	Quang Sơn, Lạng Sơn	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,96	DT	5	Hiệp Hoà	
75	Trần Thanh	Hoa	Nữ	08/11/1993	Bố Hạ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	7,66				
76	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	27/07/2003	Lục Nam, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,98			Nghĩa Phương	
77	Phạm Thị	Xuân	Nữ	14/10/1994	Đại Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	8,20			Xuân Cẩm	
78	Ngô Thu	Huyền	Nữ	15/11/2003	Tam Tiến, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,35			Ngọc Thiện	
79	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	31/12/2004	Bắc Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	XS	3,64			Mỹ Thái	
80	Lưu Thị	Tiện	Nữ	10/09/1991	Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Giỏi	8,01	DT	5		
81	Lê Thị	Ngọc	Nữ	26/07/1995	Hữu Lũng, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	2,66			Mỹ Thái	
82	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	03/05/1995	Đông Cứu, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	2,91			Ngọc Thiện	
83	Lê Thị Khánh	Ly	Nữ	20/07/2002	Quang Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,13			Ngọc Thiện	
84	Dương Thị Thiên	Nhi	Nữ	24/07/2003	Mỹ An, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,00			Hiệp Hoà	
85	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	13/06/2004	Nhân Hoà, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,27			Nếnh	
86	Hà Thị	Bích	Nữ	06/12/1998	Quang Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,03	DT	5	Mỹ Thái	
87	Nguyễn Điệp Hoàng	Khánh	Nữ	16/09/2003	Yên Định, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,00			Mỹ Thái	
88	Phạm Thị	Nga	Nữ	05/09/1997	Giao Thuỷ, Nam Định	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,89			Ngọc Thiện	
89	Nguyễn Thị	Lành	Nữ	18/08/1987	Việt Hùng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	7,23			Ngọc Thiện	
90	Phạm Thị	Ánh	Nữ	03/09/2003	Tân Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,52			Tân Yên	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
91	Đinh Thị	Vững	Nữ	03/02/2003	Trí Quả, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Khá	2,90			Xuân Cẩm	
92	Ong Thị Thu	Thảo	Nữ	23/09/2003	Bố Hạ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,51	DT	5	Xuân Cẩm	GCNTN
93	Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	22/08/2003	Quế Võ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,47			Xuân Cẩm	
94	Ngô Hoàng	Phương	Nam	06/10/2003	Quang Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,68			Ngọc Thiện	
95	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	29/10/2003	Tam Đa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,36			Tân Yên	
96	Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	04/05/1999	Ngọc Châu, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	XS	3,82			Ngọc Thiện	
97	Trịnh Thuỳ	Trang	Nữ	15/01/2003	Tân Yên, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	XS	3,74			Tân Yên	
98	Nguyễn Thị Quế	Anh	Nữ	10/11/2001	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Giỏi	3,40			Tân Yên	
99	Trần Thị Thuý	Hường	Nữ	03/07/2002	Quang Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,17			Tân Yên	
100	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	14/09/1984	Yên Thế, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	8,43			Xuân Cẩm	
101	Nguyễn Thị Ngọc	Thiện	Nữ	30/12/2004	Quang Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,44			Ngọc Thiện	
102	Vũ Thanh	Trà	Nữ	19/08/2002	Biển Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,41			Xuân Cẩm	
103	Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	30/09/1996	Tây Mỗ, Hà Nội	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	8,25			Hoàng Vân	
104	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	03/01/1996	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,38			Ngọc Thiện	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 06, đăng ký: 08													
1	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	07/09/1997	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,99			Mỹ Thái	
2	Nguyễn Thị Thuý	Toàn	Nữ	06/09/2002	Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,99	DT	5	Phúc Hoà	
3	Lưu Thị Hải	Yến	Nữ	18/07/2001	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23			Tự Lạn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
4	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	24/01/2001	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	TB	2,41			Ngọc Thiện	
5	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	17/07/2001	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Tự Lạn	
6	Thạch Mỹ	Duyên	Nữ	01/08/2003	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,07			Phúc Hoà	
7	Lê Thu	Trang	Nữ	08/10/2003	Tam Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,14			Ngọc Thiện	
8	Vi Hải	Ninh	Nam	16/07/2001	Phúc Hoà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,68			Phúc Hoà	
	Giáo viên Mỹ thuật: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Ngọc Thị	Loan	Nữ	16/11/1992	Tam Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	7,40	DT	5	Yên Dũng	
2	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	28/05/1991	Nhã Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Mỹ thuật	Giỏi	3,20			Sa Lý	
3	Tô Thị	Nhàn	Nữ	12/12/1987	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	7,80			Yên Dũng	
4	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	19/10/1988	Việt Lập, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	7,53			Yên Dũng	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Hoàng Thị Dương	Ánh	Nữ	07/09/2001	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,96	DT	5	Xã Kép	
2	Đỗ Dương Thảo	Vi	Nữ	14/06/2001	Phúc Hoà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	3,00			Tiên Lục, Lạng Giang	CCSP
3	Nguyễn Thanh	Dung	Nữ	25/02/2002	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,66	DT	5	Tiên Lục, Lạng Giang	
4	Nguyễn Thị	Xuyên	Nữ	04/05/1993	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,80			Tự Lạn, Việt Yên	
6	**XÃ PHÚC HÒA**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 02													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Ninh Thị	Mai	Nữ	10/9/1984	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	7,50			Kép	
2	Tô Thị Thu	Hà	Nữ	23/11/2002	Đồng Hưu, Yên Thế, BG	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,43	DT	5	Ngọc Thiện	
7	**XÃ NGỌC THIỆN**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 08, đăng ký: 44													
1	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	12/07/2002	An Lập, Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,08			Tân Yên	
2	Dương Thị Thanh	Lam	Nữ	04/08/2002	Song Vân, Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,46			Hoàng Vân	
3	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	12/04/1999	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,23				
4	Nguyễn Phương	Huệ	Nữ	02/05/1996	Quang Trung, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,10			Đa Mai	
5	Hà Thị	Phượng	Nữ	22/10/1996	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,23			Quang Trung	
6	Quách Thị	Ly	Nữ	10/10/1992	Đa Mai, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,64	DT	5	Việt Yên	
7	Trần Thị Minh	Tuyết	Nữ	05/03/1996	Ngọc Thiện, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,28				
8	Chu Thị	Lệ	Nữ	03/08/1996	Cao Thượng, Tân Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,96			Tân Yên	
9	Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	25/06/2001	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi		DT	5	Quang Trung	
10	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	02/05/1994	Ngọc Thiện, BN	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,85			Quang Trung	
11	Hà Thị	Hương	Nữ	22/11/2003	Độc Lập, Cao Bằng	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,29	DT	5	Hoàng Vân	
12	Vũ Hồng	Hạnh	Nữ	31/07/2003	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,53			Quang Trung	
13	Trần Thị Thanh	Hiền	Nữ	22/11/2002	Cao Thượng, Tân Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,98				
14	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	29/04/1995	Song Vân, Tân Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	TBK	6,59			Quang Trung	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
15	Hoàng Thị	Lườn	Nữ	06/04/1988	Tân Sơn, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,26	DT	5	Hoàng Vân	
16	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	20/11/1994	Ngọc Thiện, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,28			Hoàng Vân	
17	Nguyễn Kiên	Giang	Nữ	04/02/2000	Cao Xá, Tân Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,28			Đa Mai	
18	Nguyễn Thị Hường	Châm	Nữ	29/06/1995	Ngọc Thiện, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,32			Hoàng Vân	
19	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	01/04/2003	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,30			Hoàng Vân	
20	Nguyễn Thị	Nhan	Nữ	11/07/1997	Võ Cường, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,98			Quang Trung	
21	Trần Thị	Liên	Nữ	16/10/1999	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,92			Kép	
22	Dương Thị	Trang	Nữ	17/10/1990	Ngọc Thiện, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,47			Hiệp Hòa	
23	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/11/1994	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,80			Quang Trung	
24	Phạm Thị	Trang	Nữ	10/09/1995	Ngọc Thiện, BN	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	TBK	6,91			Quang Trung	
25	Đỗ Thị	Mai	Nữ	07/05/2004	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,29			Quang Trung	
26	Ngọc Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	09/07/2003	Tân Yên, BN	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,39	DT	5	Tân Yên	
27	Nguyễn Ngân	Hà	Nữ	13/09/2000	Ngọc Thiện, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,76			Quang Trung	
28	Nguyễn Thị Hồng	Minh	Nữ	17/07/2000	Ngọc Thiện, BN	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,10			Quang Trung	
29	Nguyễn Thị	Ngát	Nữ	03/03/2004	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,40			Hiệp Hòa	
30	Phạm Thị	Thư	Nữ	31/08/2003	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,19			Hợp Thịnh	
31	Lê Thị Thu	Linh	Nữ	01/10/2003	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,02			Hiệp Hòa	
32	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	15/02/2003	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,10			Quang Trung	
33	Lê Thị	Thanh	Nữ	21/12/1992	Tự Lạn, BN	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,45			Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
34	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	26/06/1983	Ngọc Thiện, BN	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,17				
35	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	Nữ	23/04/1995	Ngọc Thiện, BN	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,16			Quang Trung	
36	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	23/10/1993	Ngọc Vân, Tân Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,53			Quang Trung	
37	Trần Thị	Lý	Nữ	11/06/1990	Quang Trung, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,56			Tân Yên	
38	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	15/05/1993	Ngọc Thiện, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,09			Tân Yên	
39	Giáp Thị	Huyên	Nữ	11/07/1997	Liên Chung, Tân Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,75			Đa Mai	
40	Trịnh Thu	Thảo	Nữ	25/03/1997	Phường Việt Yên, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,65			Việt Yên	
41	Nguyễn Thị Phương	Loan	Nữ	19/01/2004	Thượng Lan, Việt Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,92			Vân Hà	
42	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	19/08/1990	Ngọc Lý, Tân Yên	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	XS	3,70			Tân Yên	
43	Thân Thị	Tiện	Nữ	29/12/1991	Ngọc Thiện, BN	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,33			Quang Trung	
44	La Lệ	Hằng	Nữ	29/12/1998	Hòa An, Cao Bằng	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,37	DT	5	Xuân Cẩm	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 10, đăng ký: 34													
1	Giáp Thị	Ngọc	Nữ	25/10/2001	Tân Yên, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,28			Tân Yên	
2	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	16/9/2001	Tân Yên, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,00			Quang Trung	
3	Giáp Thị	Thư	Nữ	29/7/2000	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,29			Hiệp Hòa	
4	Bùi Thị	Việt	Nữ	25/12/1990	Mường Vong, Phú Thọ	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,12				
5	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	21/04/2002	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,11			Tân Yên	
6	Vũ Thị Hoài	Nha	Nữ	10/3/2002	Nghĩa Hưng, Lạng Giang	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,06			Tiên Lục	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
7	Giáp Ngọc	Hân	Nam	12/02/2001	Ngọc Thiện, Tân Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Tự Lạn	
8	Ngô Thị Thúy	Huyền	Nữ	10/8/2003	Việt Lập, Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,36			Quang Trung	
9	Nguyễn Thị Huệ	Hà	Nữ	13/7/1997	Tân Yên, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,41			Tiên Lục	
10	Nguyễn Kim	Dung	Nữ	12/9/2001	Tân Yên, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,38			Việt Yên	
11	Lê Thị Linh	Chi	Nữ	11/11/2002	Tân Sỏi, Yên Thế	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,28			Tân Yên	
12	Hoàng Thị Phương	Anh	Nữ	25/8/2003	Ngọc Thiện, Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,40			Hiệp Hòa	
13	Hoàng Thị Kiều	Trang	Nữ	30/9/2002	Ngọc Vân, Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,01			Quang Trung	
14	Đỗ Thị Phương	Thanh	Nữ	28/01/2003	Ngọc Châu, Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,01			Hiệp Hòa	
15	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	Nữ	03/6/2003	Ngọc Vân, Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,90			Phúc Hòa	
16	Nguyễn Thị	Huyên	Nữ	21/10/2003	Ngọc Thiện, Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,99			Hiệp Hòa	
17	Trần Thị Bích	Hậu	Nữ	14/9/2003	Tân Yên, BN	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,87			Phúc Hòa	
18	Nguyễn Thị Thanh	Huế	Nữ	15/6/2003	Hợp Đức, Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,00			Tân Tiến	
19	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	17/08/2003	Ngọc Thiện, Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,97			Hiệp Hòa	
20	Đỗ Thị	Luyện	Nữ	31/03/2003	Tân Yên, BN	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,05			Tự Lạn	
21	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	14/9/2003	Tân Yên, BN	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,95			Đa Mai	
22	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	01/8/1997	Ngọc Vân, Tân Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,37	DT	5	Phúc Hòa	
23	Lê Thị Thanh	Thúy	Nữ	04/8/2001	Ngọc Thiện, Tân Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,24			Quang Trung	
24	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	06/9/1995	Ngọc Thiện, Tân Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,27			Tự Lạn	
25	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	15/5/2001	Tân Yên, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,20			Nếnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
26	Bùi Khánh	Linh	Nữ	23/12/2003	Tân Lạc, Hòa Bình	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,45	DT	5	Xuân Cẩm	
27	Vũ Trung	Sơn	Nam	09/12/2002	Xuân Lương, BN	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,93			Mỹ Thái	
28	Đào Hương	Ly	Nữ	21/10/2000	Linh Sơn, Thái Nguyên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học-SPTA	Giỏi	3,38			Xuân Cẩm	
29	Thân Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/02/1983	Ngọc Thiện, BN	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,21			Phúc Hòa	
30	Vi Thị Tuyết	Thanh	Nữ	03/3/2002	Phúc Hòa, Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,39				
31	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	13/9/1999	Quang Trung, Tân Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,31			Quang Trung	
32	Tống Thị Quỳnh	Hương	Nữ	21/12/2001	Ngọc Thiện, Tân Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,29			Quang Trung	
33	Diêm Thị	Ngọc	Nữ	21/6/2001	Tân Trung, Tân Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Quang Trung	
34	Nguyễn Thị	Hinh	Nữ	01/9/1997	Sơn Đồng, Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,77			Quang Trung	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/10/1992	Đồng Kỳ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Văn-Sử	Khá	2,91			Đồng Việt	
2	Ngô Thị	Thảo	Nữ	02/12/2002	Ngọc Vân, Tân Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,31			Hiệp Hòa	
3	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	04/12/1999	Phúc Hòa, BN	ĐH	CQ	Văn học	Khá	3,33			Đồng Việt	CCNVSP
4	Trần Ngọc	Ánh	Nữ	02/11/1993	Tân Yên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,69				
	Giáo viên Địa lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													Đã trừ 01 chỉ tiêu NĐ 179
1	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	16/02/2002	Dương Sơn, Nhã Nam	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	Khá	2,92			Hiệp Hòa	
2	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	28/7/1998	Tân Hiệp, Yên Thế	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	Khá	2,73	DT	5	Hiệp Hòa	
3	Nguyễn Thị	Châu	Nữ	15/10/1998	An Khánh, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	Giỏi	3,26			Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
8	**PHƯỜNG VIỆT YÊN**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 20													
1	Thân Thị	Tâm	Nữ	05/10/1998	Me, P. Việt Yên, T.Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,24			xã Ngọc Thiện	
2	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	Nữ	09/9/1994	Kiểu, P. Bích Động, T.	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	TBK	6,42			Phường Vân Hà	
3	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	05/10/1998	Khu phố Liễu Thượng, P. Nhân Hòa, T. Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,87			Phường Nếnh	
4	Lê Thanh	Loan	Nữ	03/01/1993	Khu phố Phù Khê Đông, Phường Phù Khê, TP Từ	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,39			xã Hiệp Hòa	
5	Trần Thị	Hải	Nữ	17/08/1987	Khu Phố Hùng Lãn 3, Hồng Thái, Phường Việt	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,42			Phường Nếnh	
6	Hà Hồng	Hạnh	Nữ	30/03/1998	Thôn Nghĩa Vũ, P. Việt Yên. T. Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,86			xã Mỹ Thái	
7	Vương Thị	Hoa	Nữ	08/05/2003	Khu Trần, P. Hạp Lĩnh, T. Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,79			Xã Tân Yên	
8	Dương Thu	Trang	Nữ	18/10/1992	Số 16 Ngõ 152 đường Lương Văn Can, P. Đa	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,39			Xã Tân Yên	
9	Nông Thị	Liên	Nữ	15/12/1997	Xóm Cây Hồng 2, xã Phú Lương, T. Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,32	DT	5	Phường Nếnh	
10	Ngô Thị Hương	Mai	Nữ	28/09/2003	Náng, Tây Yên Tử, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,09			xã Mỹ Thái	
11	Diêm Thị	Nhàn	Nữ	19/7/1998	Thôn Đồng Tích, xã Tự Lạn, T. Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,19				
12	Đào Thị	Hảo	Nữ	24/06/1993	TDP Tự, P. Việt Yên, T. Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,36			xã Hiệp Hòa	
13	Dương Thị	Hằng	Nữ	20/4/2003	Thôn An Ninh, xã Yên Phụ, Yên Phong, T. Bắc	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,83			xã Hợp Thịnh	
14	Giáp Dạ	Thương	Nữ	15/6/1995	TDP 3, Phường Bích Động, TX Việt Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,23			Phường Nếnh	
15	Lê Thị Thu	Hường	Nữ	26/7/2004	Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,21			Phường Nếnh	
16	Phạm Thị	An	Nữ	10/12/1998	Tiến Bào, Phù Khê, Từ Sơn	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,34			xã Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
17	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	09/06/2002	Thiết Nham, Minh Đức, Việt Yên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,02			Phường Nếnh	
18	Nguyễn Thị	Yên	Nữ	21/10/1991	TDP Liễu Nhâm. Phường Yên Dũng, Tỉnh Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,04			xã Tự Lạn	
19	Nguyễn Thị Lệ	Chi	Nữ	17/11/2002	Thôn Sấu, Liên Chung, Tân Yên, Bắc Giang	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,52			Xã Tân Yên	
20	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	15/10/1990	Vân Hà, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Giỏi	3,30			Nếnh	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 17, đăng ký: 53													
1	Giáp Thị Hồng	Chuyên	Nữ	31/10/2003	Thôn Kim Tràng, xã Tân Yên, T. Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	XS	3,61			xã Tân Yên	
2	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	08/06/2000	Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Phường Nếnh	
3	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	20/10/1999	Thanh Nhàn, Đồng Nguyên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,20			Phường Nếnh	
4	Nguyễn Hoài	Bắc	Nữ	29/11/2001	Khu Phố Nghè, Đồng Nguyên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,28			Phường Nếnh	
5	Lò Trần Thùy	Dương	Nữ	06/09/2003	Bản Thịnh Lang 1, Mường Cơi, Sơn La	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,53	DT	5	xã Hiệp Hòa	
6	Nguyễn Hoài	Phương	Nữ	11/02/2002	Phượng Trì, Thị trấn Thứa, Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,70			Phường Nếnh	
7	Vũ Thị	Nga	Nữ	09/04/2000	Khu 2, Thị cầu, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,24			Phường Nếnh	
8	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	21/01/2003	Mơ Thổ, Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,40			Phường Nếnh	
9	Nguyễn Thị Hà	Anh	Nữ	20/06/2003	TDP Thượng, Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,32			Phường Nếnh	
10	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	20/8/2003	Xóm Đội 5, xã Đại Đồng, tỉnh Phú Thọ	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,69			xã Bảo Đài	
11	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	23/01/2003	Khu Phố Yên Nho, Phường Thuận Thành, tỉnh Bắc	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,85			Phường Yên Dũng	
12	Nguyễn Phương	Lan	Nữ	26/10/2001	TDP Đề Năm. Xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,78	DT	5	Phường Đa Mai	
13	Thân Thị Hồng	Nghĩa	Nữ	13/01/1999	Bích Động, Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,44			Phường Nếnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
14	Dương Thị	Thủy	Nữ	15/09/2000	An Ninh, Văn Môn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,32			Vân Hà	
15	Phạm Thị	Hằng	Nữ	18/8/2000	Đội 3, xã Bình An, Ninh Bình	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,03			Bảo Đài	
16	Chu Thị	Thương	Nữ	13/4/2001	Thôn Ngoẹn, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,27			Xã Tiên Lục	
17	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	16/9/2001	Ngọc Trì, phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,31			Phường Vân Hà	
18	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	24/04/2001	Thôn Quán Tranh, phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,03			Phường Nếnh	
19	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	01/11/1986	Hoàng Mai 1, phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	XS	3,68			Xuân Cẩm	
20	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/10/2003	TDP Kẹm, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,72			Phường Tự Lạn	
21	Đỗ Việt	Hà	Nữ	18/05/2001	Thôn Chiềng, xã Nhã Nam, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,91			Xã Ngọc Thiện	
22	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	17/11/1999	An Lã, Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học - Tiếng Anh	Khá	3,13			Phường Nếnh	
23	Phạm Thị Hương	Trinh	Nữ	21/11/2001	Thôn Kiều, Hiên Vân, Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,09			Phường Nếnh	
24	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	Nữ	06/11/2003	Xuân Ô A, phường Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,82			Phường Nếnh	
25	Trần Thị Kim	Dung	Nữ	09/06/2000	Thông Trang Giữa, xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,20			Xã Ngọc Thiện	
26	Tạ Khánh	Linh	Nữ	18/11/2000	Khu phố Nội Trung, phượng Trạm Lộ, Thuận	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,35			Phường Bắc Giang	
27	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	24/4/1995	Mỏ Thổ, phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			xã Tân Yên	
28	Vi Thị	Tuyền	Nữ	27/10/1999	TDP Kép 2A, phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	XS	3,87			Phường Tự Lạn	
29	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	12/04/2002	Xuân Lai, Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,13	CTB	5	Xã Vân Hà	
30	Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	04/10/2002	Cào Treo, Minh Đức, Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,24			Phường Tự Lạn	
31	Trương Lý	Linh	Nữ	01/05/1997	Khu phố Yên Lã, phường Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,29			Phường Nếnh	
32	Nguyễn Thị	San	Nữ	06/07/2000	Thôn Đông, xã Đại Đồng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23			Phường Nếnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
33	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Nữ	11/05/1999	Vân Điền, Thư Lâm, TP Hà Nội	ĐH	LT	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Phường Tự Lạn	
34	Dương Thị	Hoa	Nữ	18/02/1994	Thôn Đồng Váng, xã Nhã Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,13			Xã Ngọc Thiện	
35	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	16/9/2001	TDP Râm, phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,26			Phường Tự Lạn	
36	Hoàng Văn	Hiền	Nam	07/08/1997	Bản Lìn, xã Thái Sơn, huyện Bảo Lâm, Cao Bằng	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,27	DT	5	Xã Lục Ngạn	
37	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	26/02/1997	An Phú, xã Trung Kênh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,92			Phường Nếnh	
38	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	21/11/2003	Thôn Cầu, phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,02			Phường Tự Lạn	
39	Nguyễn Thị	Sen	Nữ	04/10/2003	thôn Kẹm, phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,26			Phường Tự Lạn	
40	Trần Thúy	Ngân	Nữ	10/03/2001	thôn Trung, phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,16			Phường Tự Lạn	
41	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	02/10/2002	Dục Quang, phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,17			Phường Vân Hà	
42	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	18/4/2002	Đài Sơn, phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,42			Phường Tự Lạn	
43	Thân Thị	Hà	Nữ	19/6/2002	Hồng Thái, phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,33			Phường Tự Lạn	
44	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	22/12/2001	TDP Kép 2A, phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,87			Phường Chũ	
45	Phạm Hồng	Nhung	Nữ	16/6/2003	69 Nguyễn Khắc Nhu, phường Bắc Giang, Bắc	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,41			Phường Tân Tiến	
46	Bùi Gia	Linh	Nữ	13/9/1997	TDP số 2, phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Phường Tự Lạn	
47	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	28/8/2002	Ngoại Trang, Thống Nhất, Hưng Hà, Thái Bình	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,29			Xã Kép	
48	Trần Thị Thủy	Tiên	Nữ	03/09/1997	Thông Trung, Nghĩa Trung, Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,28			Phường Nếnh	
49	Lý Ngọc	Châm	Nữ	04/12/2003	Thôn Đền Giếng, xã Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,33	DT	5	Phường Nếnh	
50	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Nữ	20/9/2001	Thôn Tân Lập, xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,15			Phường Nếnh	
51	Chử Thị Phương	Thanh	Nữ	30/01/2001	Số 36 Đồng Tiến, Đồng Nguyên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,88			Phường Tự Lạn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
52	Nông Thị	Tú	Nữ	30/8/2003	Làng Chẽ, Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,11	DT	5	Xã Lục Ngạn	
53	Nguyễn Thị Yến	Linh	Nữ	08/08/2000	Lũng Khê, xã Trí Quả, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,56			Phường Vân Hà	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 15													
1	Trần Văn	Nhàn	Nam	08/01/2000	Xã Quang Trung, Tân Yên, BG	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	3,17	CTB	5		
2	Từ Thị	Hà	Nữ	16/7/1986	Phường Tiền Phong, BN	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	7,33			Phường Nếnh	
3	Lê Ánh	Thư	Nữ	24/9/2002	Yên Trung, BN	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Giỏi	3,31			Phường Nếnh	
4	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	02/09/1997	Yên Phong, BN	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	2,94			Phường Vân Hà	
5	Hà Văn	Tâm	Nam	05/08/1994	Đại Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	TB	2,16			Phường Nếnh	
6	Cao Phương	Linh	Nữ	28/5/2001	Việt Lập, Tân Yên, BG	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	3,13			Phường Nếnh	
7	Nguyễn Ngọc	Tiến	Nam	16/11/1977	Xuân Cẩm, BN	ĐH	TC	Sư phạm GD thể chất	TBK	6,66	BĐXN	2,5	Phường Vân Hà	
8	Công Quý	Thao	Nam	11/10/1997	Đại Đồng, BN	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	2,90				
9	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	10/11/1986	Minh Đức, Việt Yên, BG	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Giỏi	8,20			Phường Nếnh	
10	Đàm Công	Tuyền	Nam	08/12/1997	Hương Mã, Từ Sơn, BN	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	2,92			Phường Tân An	
11	Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	07/12/2001	Xã Tân Yên, BN	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Giỏi	3,44			Phường Nếnh	
12	Ma Văn	Huy	Nam	21/7/1989	Xã Vũ Lễ, Lạng Sơn	ĐH	CQ	SP GDTC và GDQP	TBK	6,22	DT	5	Phường Tự Lạn	
13	Đặng Thái	Giang	Nam	06/10/1994	Xã Phương Giao, Võ Nhai, Thái Nguyên	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	TB	2,42			Phường Bắc Giang	
14	Tống Hoàng	Minh	Nam	03/09/2003	Lục Nam, BN	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Giỏi	3,40			Phường Vân Hà	
15	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	19/6/2000	Phường Đồng Nguyên, BN	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	3,17			Phường Nếnh	
	GIÁO VIÊN THCS													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 14													
1	Nguyễn Thị	Chuyên	Nữ	30/7/1991	Hữu, Bằng, xã Đào Viên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	TB	2,33			Xã Tự Lạn	
2	Tạ Hồng	Đức	Nam	01/04/2000	TDP Khả Lý Hạ, phường Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,67			Xã Tự Lạn	
3	Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	03/12/2003	Khu Trần, phường Hạp Lĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	3,11			Xã Tiên Lục	
4	Nguyễn Thị	Năm	Nữ	16/6/1986	TDP Phùng Hưng, phường Cảnh Thụy, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	7,35			Xã Hiệp Hòa	
5	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	02/10/2003	Tạ Xá, phường Tam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,20			Phường Tự Lạn	
6	Đinh Thị Mai	Phương	Nữ	25/8/2003	Tổ 6 Ngô Quyền, phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,90			xã Mỹ Thái	
7	Vũ Phương	Thảo	Nữ	02/12/2001	Đền Quan, Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,22				
8	Hoàng Thị	Chinh	Nữ	24/02/1995	TDP Nam Tiến, phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,57			Xã Hiệp Hòa	
9	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	29/3/1993	Thôn Ngọc Cục, xã Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	3,01			Phường Vân Hà	
10	Phạm Thị Mỹ	Linh	Nữ	04/12/1997	Thôn Phương Xá, xã Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Văn học	Giỏi	3,20			Xã Hợp Thịnh	CCSP
11	Nguyễn Thị Minh	Châm	Nữ	06/03/1997	Lê Lợi, phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,21			Xã Đồng Việt	
12	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	Nữ	21/10/2002	xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,79			Phường Tự Lạn	
13	Phan Thị	Lành	Nữ	06/09/2003	Phường Bồng Lai, Quế Võ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	XS	3,79			Xã Hiệp Hòa	
14	Nguyễn Thị	Vẻ	Nữ	14/10/1990	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,75			Xuân Cẩm	
	Giáo viên Lịch sử: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 09													
1	Đào Bích	Hạnh	Nữ	13/5/1997	Nhã Nam,BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Khá	2,72				
2	Trần Thị	Dịu	Nữ	21/11/1994	Châu Phong, Quế Võ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Sử	Khá	2,56			Xã Hiệp Hòa	
3	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	10/10/1997	Phường Tân Tiến, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	3,36			Xã Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
4	Nguyễn Văn	Triều	Nam	27/8/1997	Quỳnh Phú, Gia Bình, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Khá	2,70			Phường Nếnh	
5	Thân Thị	Ngọc	Nữ	16/4/1995	Phường Tiền Phong, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Khá	2,55			Phường Nếnh	
6	Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	29/10/1990	Xã Tân Yên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Khá	2,86	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
7	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	29/02/1992	xã Mỹ Thái, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Khá	2,64			Phường Nếnh	
8	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	23/6/2000	Phường Bồng Lai, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Khá	3,07			Xã Hiệp Hòa	
9	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	14/11/2001	Phường Bắc Giang, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Khá	2,88			Phường Nếnh	
	Giáo viên GDCD: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 05													
1	Đỗ Cẩm	Nhung	Nữ	15/10/2001	Xã Bảo Đài, BN	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị	Giỏi	3,50			xã Hiệp Hòa	
2	Đoàn Ngọc	Anh	Nữ	16/4/1999	Đặng Xá, Gia Lâm HN	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	XS	3,61			Phường Vân Hà	
3	Thân Thanh	Thủy	Nữ	11/12/2003	Phường Việt Yên, BN	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	Khá	3,07			Phường Vân Hà	
4	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	06/11/2001	Phường Việt Yên, BN	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	Khá	3,13			xã Hiệp Hòa	
5	Vì Thu	Hoan	Nữ	07/04/1996	Hua Păng, Mộc Châu, Sơn La	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị	Khá	3,08	DT	5	Phường Vân Hà	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Nguyễn Văn	Nhật	Nam	22/12/1998	Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	3,10	NVQS	2,5	Vân Hà	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 24													
1	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	16/3/1996	TDP Nghĩa Trung, phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,29			Phường Tự Lạn	
2	Trần Thị Minh	Phương	Nữ	19/6/1999	Lệ Đô, Quế Tân, xã Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,64			Xã Xuân Cẩm	
3	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	17/5/1999	Mỏ Thổ, Minh Đức, Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	3,11			Phường Tự Lạn	CCSP
4	Nguyễn Trần Gia	Khánh	Nữ	25/6/2003	TDP 1, phường Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,37			Phường Nếnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
5	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	Nữ	26/02/2003	Phố Vôi, phường Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,88			Phường Nếnh	
6	Vũ Ngọc	Anh	Nữ	26/3/1999	Ngọc Nội, phường Trạm Lộ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,66			Phường Tự Lạn	
7	Chu Huyền	Trang	Nữ	02/07/1999	Khả Lý Hạ, Quảng Minh, Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,96			Phường Nếnh	
8	Đỗ Thị	Oanh	Nữ	10/01/1997	Phường Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,95			Xã Hiệp Hòa	
9	Nguyễn Huy Tuấn	Dương	Nam	30/9/2003	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,23			Xã Xuân Cẩm	
10	Trần Thị Lan	Anh	Nữ	22/8/1998	Phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,14			Phường Tự Lạn	
11	Phạm Thị Hạnh	Phương	Nữ	15/5/2002	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,76			Phường Nếnh	
12	Giáp Thị	Thoa	Nữ	04/06/1995	Minh Đức, phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,55	CTB	5	Phường Tự Lạn	
13	Vũ Thị Bích	Đào	Nữ	08/12/1990	Phường Vũ Ninh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Ngôn ngữ Anh	Khá	7,40			Phường Nếnh	CCSP
14	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	22/01/2002	Phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,15			Phường Nếnh	
15	Trần Thị Minh	Châu	Nữ	23/9/1992	Phường Đồng Nguyên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	7,50			Phường Nếnh	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh
16	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	16/6/1985	Bích động, Việt Yên, BG	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	7,54			Phường Nếnh	
17	Nguyễn Yến	Hoa	Nữ	11/07/2002	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,94			xã Hiệp Hòa	
18	Nguyễn Kiều	Loan	Nữ	17/11/2000	xã Mão Điền, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,31			Phường Tự Lạn	
19	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	27/4/1995	Phường Bác Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,95			Phường Nếnh	CCSP
20	Chu Thị	Anh	Nữ	24/01/2001	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,11			Phường Hợp Thịnh	
21	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	23/3/2002	Phường Hạp Lĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,37			Xã Tiên Lục	
22	Ngô Thị	Huyền	Nữ	20/02/1998	Phường Hương Mạc, Từ Sơn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh		3,27			Xã Xuân Cẩm	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh
23	Trần Thị	Nga	Nữ	01/02/2000	Phường Nam Sơn, BN	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,74			Xã Vân Hà	CCSP

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
24	Thân Thị	Hoan	Nữ	18/9/1999	Phường Việt Yên, BN	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,89			Xã Xuân Cẩm	CCSP
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 34													
1	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	07/01/1995	Xã Liên Bão, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán	Giỏi	3,25	CTB	5	Phường Nếnh	
2	Đỗ Thị Lan	Hương	Nữ	12/04/2001	Phường Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Giỏi	3,21				
3	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	26/5/1997	Tân Chi, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	3,07			xã Hiệp Hòa	
4	Thân Thị Thùy	Linh	Nữ	16/6/1999	Phường Việt Yên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,78			Xã Hoàng Vân	
5	Nguyễn Văn	Tân	Nam	26/10/1998	Nam Đồng, Ninh Bình	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán	Khá	2,88			Phường Nếnh	
6	Phạm Cao	Lương	Nam	08/12/2002	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,84			Phường Nếnh	
7	Phan Thị Minh	Huế	Nữ	28/01/1999	Chung Nghĩa, Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Toán học		3,24				Thạc sĩ Toán - giải tích
8	Phạm Ngọc	Mai	Nữ	03/12/2003	Phường Việt Yên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	3,14			Phường Vân Hà	
9	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	15/6/1990	Phường Việt Yên, BN	ĐH	CQ	Toán học (tin học)	Khá	2,50			Xã Hiệp Hòa	CCSP
10	Lê Diễm	Quỳnh	Nữ	14/8/2003	Thuận Thành, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Giỏi	3,36			Phường Nếnh	
11	Vũ Thùy	Linh	Nữ	31/01/2000	Phường Việt Yên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	khá	2,94			Phường Nếnh	
12	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	28/3/2001	Phù Lãng, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,63			Phường Vân Hà	
13	Vũ Thị	Dung	Nữ	03/04/1999	Phường Bắc Giang, BN	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán	Giỏi	3,38			Xã Hoàng Vân	
14	Nguyễn Ngọc	Chiến	Nữ	21/8/2002	Phường Việt Yên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,67			Xã Tân Dĩnh	
15	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	18/12/2002	Phường Thuận Thành, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,99			Phường Vân Hà	
16	Nguyễn Thị	Lợi	Nữ	11/07/1993	Phường Đồng Nguyên, BN	ĐH	LT	Sư phạm Toán	Khá	3,15			Xã Hiệp Hòa	
17	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	12/06/1993	Phường Thuận Thành, BN	ĐH	CQ	Toán học	Khá	2,67			Phường Nếnh	CCSP

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
18	Lê Thị	Huệ	Nữ	09/06/1994	Đại Xuân, Quế Võ, BN	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán	Khá	3,02			Phường Nếnh	
19	Lê Hà	Vi	Nữ	18/3/2003	Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,88			Xã Hoàng Vân	
20	Nguyễn Thị Hải	Vân	Nữ	03/12/2002	Đại Đồng, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Giỏi	3,27			Phường Nếnh	
21	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	08/02/1995	Phường Thuận Thành, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,54			Xã Hiệp Hòa	Thạc sĩ Toán giải tích
22	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	20/8/1998	Khoái Châu, Hưng Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Giỏi	3,40			Xã Xuân Cẩm	
23	Nguyễn Minh	Phượng	Nữ	'07/04/2003	Phường Đào Viên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,59			Phường Nếnh	
24	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	28/02/1999	Phường Việt Yên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,99			Phường Vân Hà	
25	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	29/10/2003	Xã Hưng Hà, Hưng Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,90			Phường Yên Dũng	
26	Nguyễn Đình	Việt	Nam	13/10/2001	Mão Điền, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	3,11			Xã Hiệp Hòa	
27	Lê Thị	Minh	Nữ	11/04/2002	Phù Lãng, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Giỏi	3,25			Xã Hiệp Hòa	
28	Vũ Thị Lâm	Anh	Nữ	25/11/2003	Xã Liên Minh, Ninh Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Giỏi	3,32			Xã Hiệp Hòa	
29	Trần Văn	Tuyến	Nam	12/04/1996	Phường Việt Yên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,61			Phường Vân Hà	
30	Trương Thị	Phượng	Nữ	18/6/1990	Phường Tăng Tiến, TX Việt Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,59	DT	5	Phường Nếnh	
31	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	18/4/1994	Việt Hùng, Quế Võ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,90			Xã Vân Hà	
32	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	25/12/1998	Tam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Giỏi	3,21			Xã Hiệp Hòa	
33	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	24/8/1976	Kim Bảng, Hà Nam	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	7,54			Xã Vân Hà	
34	Dương Thị	Huyền	Nữ	01/08/1995	Nội Hoàng, Yên Dũng, BG	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	Khá	2,69			Xã Mỹ Thái	
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	12/08/1995	Xã Đông Cứu, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Vật Lý	Khá	2,90			Phường Nếnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	28/3/2003	Phường Việt Yên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm KHTN	Khá	2,86				
	Giáo viên Hoá học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 13													
1	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	19/02/1994	Phường Nếnh, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	TB	2,30			Phường Tự Lạn	
2	Trương Ninh	Giang	Nữ	21/4/2003	Phường Kinh Bắc, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Giỏi	3,42			Phường Tự Lạn	
3	Vũ Phương	Hoa	Nữ	07/03/2003	Phường Vũ Ninh, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Giỏi	3,25			Phường Cảnh Thụy	
4	Trịnh Bùi Hải	Yến	Nữ	08/09/2003	Hữu Lũng, Lạng Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	2,94			Xã Xuân Cẩm	
5	Hoàng Thị	Nhuân	Nữ	11/03/1990	Phường Võ Cường, BN	ĐH	CQ	Hóa học	Khá	2,63			Xã Đồng Việt	CCSP
6	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	20/8/1996	Xã Tiên Lục, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	2,54			Xã Xuân Cẩm	
7	Chu Thị	Huyền	Nữ	26/3/1995	Phường Vân Hà, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	3,16			Phường Tự Lạn	
8	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	05/04/1997	Trung Kênh, Lương Tài, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	2,61			Phường Tự Lạn	Thạc sĩ Hóa hữu cơ
9	Đặng Thị	Vân	Nữ	06/01/1997	Phường Hạp Lĩnh, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	2,92			Xã Xuân Cẩm	
10	Trịnh Minh	Tài	Nam	25/02/2003	Xã Ngọc Thiện, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	XS	3,61			Xã Hoàng Vân	
11	Đào Thị Bích	Ngọc	Nữ	09/03/2003	Xã Phật Tích, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Giỏi	3,38			Phường Tự Lạn	
12	Chu Thị	Lụa	Nữ	17/11/1996	Phường Vân Hà, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Giỏi	3,59			Phường Cảnh Thụy	
13	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	11/11/1996	Trạm Lộ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	2,89			Phường Tự Lạn	
	Giáo viên Công nghệ: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Định Thị	Duyên	Nữ	16/02/1990	Phường Việt Yên, BN	ĐH	CQ	SP Kỹ thuật NN	Khá	2,98			Phường Nếnh	
2	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	05/10/1997	Xã Yên Thế, BN	ĐH	CQ	SP kỹ thuật điện tử	Khá	2,82			Xã Hiệp Hòa	
9	**PHƯỜNG NẾNH**													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 39													
1	Đỗ Thị	Nhi	Nữ	04/08/2003	Phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,25			Phường Tự Lạn	
2	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	23/12/1995	Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,90			Phường Việt Yên	
3	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	21/5/1988	Xã Hồng Thái, Việt Yên, Bắc Giang	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,85			Phường Việt Yên	
4	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	05/10/1990	Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,21				
5	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	04/11/1991	Phường Tăng Tiến, TX Việt Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,56				
6	Lương Thị	Hằng	Nữ	19/4/1996	Phường Tăng Tiến, TX Việt Yên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,28				
7	Nguyễn Thị	Ngà	Nữ	10/9/1982	Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	TBK	6,82			Phường Việt Yên	
8	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	06/07/1993	Thị trấn Bích Động, TX Việt Yên	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,08			Phường Việt Yên	
9	Nguyễn Thị Bích	Hợp	Nữ	23/02/1999	Đào Viên, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,54			Mỹ Thái	
10	Ngô Thị Thu	Uyên	Nữ	15/10/2003	Hòa Long, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,30				
11	Ngô Thị	Minh	Nữ	05/06/1989	Hòa Long, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,23			Phường Việt Yên	
12	Đoàn Thị	Hoa	Nữ	20/7/1996	Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,35			Phường Việt Yên	
13	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	14/02/2000	Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,03			Phường Việt Yên	
14	Bùi Thị	Tuyết	Nữ	20/4/1998	Vân Trung, Việt Yến, Bắc Giang	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,35			Phường Việt Yên	
15	Nguyễn Thị Thúy	Anh	Nữ	16/11/2003	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,95				
16	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	23/08/1993	Hồng Thái, Việt Yên, Bắc Giang	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,86			Phường Vân Hà	
17	Nguyễn Thị	Lại	Nữ	05/02/1989	Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,10			xã Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
18	Nguyễn Thị Liên	Hương	Nữ	18/8/1990	Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,61			Phường Việt Yên	
19	Vương Thị	Hới	Nữ	18/01/1990	Xã Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,36	DT	5	xã Quang Trung	
20	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	29/07/2001	Phường Tam Đa, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,15			Phường Việt Yên	
21	Lò Thị	Kim	Nữ	07/12/2002	Xã Huổi Một, tỉnh Sơn La	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,01	DT	5	Phường Việt Yên	
22	Hoàng Thị Trang	Thành	Nữ	18/06/1989	Phường Vân Trung, TX Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,99				
23	Nguyễn Thị	Lành	Nữ	08/06/1997	Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,55			xã Hiệp Hòa	
24	Lò Thị	Giang	Nữ	13/01/1996	Phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,37	DT	5	Phường Việt Yên	
25	Hà Thị	Thắm	Nữ	28/9/1988	xã Nhân Thắng, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,33			Phường Việt Yên	
26	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	10/08/1991	Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,17			Phường Việt Yên	
27	Nguyễn Thị	Khánh	Nữ	02/9/1994	Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	TBK	6,51			xã Quang Trung	
28	Nguyễn Hồng	Ánh	Nữ	13/08/2003	Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,87			Phường Vân Hà	
29	Nông Thị	Huệ	Nữ	13/01/1992	Phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	XS	3,75	DT	5	Phường Đa Mai	
30	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	18/02/1997	Phường Nhân Hòa, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,14				
31	Trần Thu	Thảo	Nữ	07/12/2003	Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,38			Phường Việt Yên	
32	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	08/05/1983	Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,25			Phường Vân Hà	
33	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	18/01/2001	Phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,99			Phường Vân Hà	
34	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	14/08/1994	Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,14			Phường Việt Yên	
35	Tống Thị	Hương	Nữ	10/03/1995	Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,75			Quang Châu	
36	Trịnh Thị	Quyên	Nữ	06/10/1992	Phường Nhân Hòa, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,38			Phường Việt Yên	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
37	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	14/4/1993	Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,22			Phường Tự Lạn	
38	Lê Kim	Yến	Nữ	17/09/1994	Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,97			Phường Việt Yên	
39	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	24/6/2004	Quế Võ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	XS	3,78			Xuân Cẩm	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 22, đăng ký: 95													
1	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	26/08/1997	Xã Cẩm Lý, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,10	DT	5	Phường Tiền Phong	
2	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	01/01/2001	Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,89			Phường Vân Hà	
3	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	20/9/2003	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,13			Phường Việt Yên	
4	Hoàng Thị	Lưu	Nữ	16/4/1995	Đàm Thủy, Cao Bằng	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	XS	3,75	DT	5	Phường Tự Lạn	
5	Lương Thị	Huyền	Nữ	20/4/2002	Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,26			Phường Việt Yên	
6	Hoàng Hải	Yến	Nữ	26/5/2000	Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,19			Phường Vân Hà	
7	Giáp Thị Hải	Yến	Nữ	21/6/2001	Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23			Phường Bắc Giang	
8	Đặng Vương Hà	My	Nữ	14/9/1999	Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,89			Phường Yên Dũng	
9	Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	01/01/1992	Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	8,70			xã Xuân Cẩm	
10	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	03/06/2002	xã Sơn Động, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,14			Xã Lục Ngạn	
11	Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	01/02/1998	Phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,05				
12	Nguyễn Thị	Lành	Nữ	07/08/2002	xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,21			Xã Bảo Đài	
13	Vương Thị	Thảo	Nữ	14/04/2003	Phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Phường Vân Hà	
14	Nguyễn Thị Hà	Thương	Nữ	15/11/2002	Phường Hạp Lĩnh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Phường Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
15	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	21/12/2003	Phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,54			Phường Việt Yên	
16	Nguyễn Văn	Hải	Nam	21/08/2001	Phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,71			Phường Việt Yên	
17	Hoàng Thị Anh	Trinh	Nữ	22/8/1998	Xã Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,49			Phường Tự Lạn	
18	Tạ Phương	Thúy	Nữ	20/08/2001	Xã Liên Bão, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,05			Phường Việt Yên	
19	Nguyễn Thị Phương	Thắm	Nữ	16/10/1999	Phường Hạp Lĩnh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,21			Phường Vân Hà	
20	Đỗ Thị	Nga	Nữ	23/07/2003	Xã Phúc Hòa, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,13			Xã Phúc Hòa	
21	Nguyễn Kiều	Oanh	Nữ	29/01/1998	Xã Phù Lãng, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,05			Phường Tự Lạn	
22	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	27/12/2003	Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,21			Phường Việt Yên	
23	Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	22/9/1991	Phường Hạp Lĩnh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Phường Việt Yên	
24	Nguyễn Thị Hải	Huyền	Nữ	20/12/1992	Bồng Lai, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,86			Xã Xuân Cẩm	
25	Chu Thu	Thảo	Nữ	03/11/2003	Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,20			Phường Việt Yên	
26	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	19/04/2000	Phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,44			Phường Việt Yên	
27	Lê Thị	Xuân	Nữ	19/02/1994	Phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,28			Phường Việt Yên	
28	Nguyễn Thị Bích	Huệ	Nữ	18/04/2000	Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,09			Phường Việt Yên	
29	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	01/9/2003	Phường Nhân Hòa, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Phường Cảnh Thụy	
30	Nguyễn Hồng	Phi	Nam	24/06/1995	Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Phường Việt Yên	
31	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	24/01/2000	Xã Phúc Hòa, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Phường Việt Yên	
32	Chu Thị Hồng	Liên	Nữ	22/7/2003	Phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	TB	2,45			Phường Việt Yên	
33	Nguyễn Bảo	Linh	Nữ	06/01/2002	Phường Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,21			Phường Tân An	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
34	Giáp Đặng Hòa	Trang	Nữ	25/04/2003	Phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,29			Xã Xuân Cẩm	
35	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	09/11/2001	Phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,43			Phường Vân Hà	
36	Dương Thị Thúy	Nga	Nữ	09/09/2000	Phường Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,19			Phường Yên Dũng	
37	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	02/06/2003	Phường Tam Sơn, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,47			Phường Việt Yên	
38	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	17/08/1999	Xã Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,26			Xã Bảo Đài	
39	Lê Hồng	Thơm	Nữ	09/08/1999	Phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,40			Xã Xuân Cẩm	
40	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	30/06/2001	xã Phật Tích, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	XS	3,65			Phường Vân Hà	
41	Đỗ Thị	Anh	Nữ	27/01/2001	Phường Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Xã Bảo Đài	
42	Lê Phương	Ngọc	Nữ	24/06/2003	Xã Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,16			Phường Việt Yên	
43	Dương Thị Phương	Thanh	Nữ	19/10/1999	Xã Liên Bão, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,26			Phường Việt Yên	
44	Hoàng Thị	Chúc	Nữ	06/12/1996	Phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,20			Phường Tân Tiến	
45	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	23/7/1993	Phường Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Phường Đa Mai	
46	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	15/01/1998	Xã Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,94			Xã Xuân Cẩm	
47	Vương Thị Ngọc	Điệp	Nữ	27/01/2003	Phường Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Phường Vân Hà	
48	Trịnh Thu	An	Nữ	30/11/2003	Vũ Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,13			Phường Việt Yên	
49	Bùi Thị	Thảo	Nữ	03/04/2003	xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,36			xã Tự Lạn	
50	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	08/03/2000	Phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,19			Phường Việt Yên	
51	Đinh Thị	Nga	Nữ	01/11/1997	xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,29			Phường Vân Hà	
52	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	02/07/2003	Xã Đại Lai, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,14			Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
53	Nguyễn Thị Phương Hồng	Nhung	Nữ	25/03/1999	Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Vân Hà	
54	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	01/02/2001	Phúc Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,29			Phúc Hòa	
55	Dương Quỳnh	Anh	Nữ	30/12/2000	Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,39			Việt Yên	
56	Trịnh Thị	Nghĩa	Nữ	31/12/1993	Đông Anh, Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,36			Vân Hà	
57	Bùi Thị	Thơm	Nữ	17/12/2000	Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Vân Hà	
58	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	23/09/1991	Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Vân Hà	
59	Đồng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	14/9/2001	Tuấn Đạo, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,33	DT	5	Cảnh Thụy	
60	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	26/04/2003	Vũ Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,48			Việt Yên	
61	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	03/02/1989	Vân Trung, Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,13			Tân An	
62	Hoàng Thị	Ngân	Nữ	07/06/2003	Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,32	DT	5	Hiệp Hòa	
63	Nguyễn Thị	Châm	Nữ	08/08/1997	Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,44				
64	Trịnh Thị Trà	My	Nữ	20/4/2003	Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	TB	2,46			Bảo Đài	
65	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	10/06/2002	Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Tân An	
66	Hà Phương	Huyền	Nữ	15/08/1994	Đông Cứu, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,46			Yên Dũng	
67	Bùi Thị	Nga	Nữ	19/05/1996	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23			Việt Yên	
68	Trần Vân	Anh	Nữ	01/09/2000	Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,36			Tự Lạn	
69	Đỗ Thị Kiều	Linh	Nữ	08/08/2002	Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,14			Vân Hà	
70	Lã Phương	Thảo	Nữ	27/05/2003	Dương Hưu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,96	DT	5	Hiệp Hòa	
71	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	07/06/1998	Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,98			Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
72	Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	08/11/2001	Phù Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,16			Hiệp Hòa	
73	Vi Thị	Ngọc	Nữ	24/9/1996	Sơn Hải, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,12	DT	5	Tân Sơn	
74	Hoàng Thị	Hòa	Nữ	30/11/2002	Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,21			Tự Lạn	
75	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	03/04/2001	Hạp Lĩnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,83			Tiền Phong	
76	Trương Thị Thanh	Tâm	Nữ	12/06/2001	Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,83			Tiền Phong	
77	Phạm Thị	Nga	Nữ	06/09/2003	Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,90	DT	5	Quang Trung	
78	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	26/03/2003	Liên Chung, Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,79			Xuân Cẩm	
79	Đỗ Hồng	Nhung	Nữ	06/08/2000	Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,29	DT	5	Tự Lạn	
80	Nguyễn Kim	Anh	Nữ	04/06/2003	Bồng Lai, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,87			Cảnh Thụy	
81	Dương Thị	Hạnh	Nữ	10/02/2001	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,17			Đa Mai	
82	Phan Thị	Loan	Nữ	13/09/2003	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,16			Đa Mai	
83	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	12/10/1992	Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,32			Vân Hà	
84	Hà Văn	Đức	Nam	17/05/1990	Đại Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,92			Tự Lạn	
85	Lê Hoài	Thương	Nữ	28/03/1999	Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,37				
86	Trần Thị	Chinh	Nữ	30/11/1998	Liên Bão, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,68			Việt Yên	
87	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	26/11/2003	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,04			Tân An	
88	Nguyễn Thạch	Thảo	Nữ	01/10/1997	Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,80			Kép	
89	Khổng Lam	Giang	Nữ	05/06/2002	Lập Thạch, Phú Thọ	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,97			Tự Lạn	
90	Lại Thu	Hiền	Nữ	21/06/2001	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23			Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
91	Đỗ Thị Diệu	Linh	Nữ	16/11/2001	Ninh Xá, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,38			Vân Hà	
92	Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	23/11/2003	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,99			Mỹ Thái	
93	Lục Văn	Huỳnh	Nam	02/01/1996	Trùng Khánh, Cao Bằng	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,67	DT	5	Xuân Cẩm	
94	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	13/4/1996	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	2,79			Xuân Cẩm	
95	Trần Thị	Vân	Nữ	23/3/2002	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,84			xã Tự Lạn	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 05													
1	Nguyễn Văn	Phiên	Nam	15/4/1992	Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	Giáo dục Thể Chất	Giỏi	8,05			Vân Hà	
2	Lê Đức	Giang	Nam	13/04/2003	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Thể Chất	Khá	2,54	DT	5	Tân An	
3	Thân Đỗ	Mười	Nam	25/12/2001	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Thể Chất	Khá	3,08			Vân Hà	
4	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	03/07/2002	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Thể Chất	Giỏi	3,46			Hợp Thịnh	
5	Bùi Văn	Thăng	Nam	05/04/1994	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Thể Chất	Khá	2,72			Bảo Đài	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Lịch sử: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 20													
1	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	08/12/1994	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Lịch sử	Khá	2,66			Hiệp Hòa	Có CC nghiệp vụ SP
2	Nguyễn Phương	Lam	Nữ	08/10/1997	Lục Nam, Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Khá	2,57			Việt Yên	
3	Trần Thị	Thúy	Nữ	10/10/1997	Đào Viên, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Khá	2,59			Việt Yên	
4	Lê Quang	Sơn	Nam	13/12/2003	Nhân Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Khá	3,10			Vân Hà	
5	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	25/7/1995	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Khá	2,81			Vân Hà	
6	Lý Thị Lan	Anh	Nữ	23/01/1998	Tam Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Khá	2,96			Tân An	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
7	Diêm Thị	Hường	Nữ	24/01/1993	Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Khá	2,70			Vân Hà	
8	Vi Thị	Lại	Nữ	26/3/1988	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	TBK	6,78	DT	5	Vân Hà	
9	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	20/07/2002	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Khá	2,96			Tân An	
10	Ngô Thị Huyền	Trang	Nữ	16/04/2003	Ngọc Châu, Tân Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Khá	2,76			Hiệp Hòa	
11	Thạch Thị	Tuyết	Nữ	11/4/2003	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Giỏi	3,41	DT	5	Việt Yên	
12	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	15/06/1992	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Khá	2,53			Vân Hà	
13	Hoàng Thị Bích	Hạnh	Nữ	18/01/2002	Kiên Lao, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Giỏi	3,28	DT	5	Hoàng Vân	
14	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	03/09/2001	Đại Hoàng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Khá	2,93			Việt Yên	
15	Trần Thị Thanh	Vân	Nữ	06/11/1995	Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm lịch sử	Khá	3,12			Việt Yên	
16	Hoàng Thị	Viên	Nữ	13/03/1987	Thái Đào, Lạng Giang, Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Khá	7,10	DT	5	Tân An	
17	Dương Thúy	Hương	Nữ	30/3/2001	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Giỏi	3,22			Việt Yên	
18	Mã Thị	Giang	Nữ	10/08/1993	An Lạc, Sơn Động, Bắc Giang	ĐH	CQ	Lịch sử	Khá	2,61	DT	5		Có CC nghiệp vụ SP
19	La Thị	Uyên	Nữ	16/08/2003	An Lạc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm lịch sử	Khá	2,71	DT	5	Hiệp Hòa	
20	Trương Văn	Mạnh	Nam	06/03/1996	Sơn Hải, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Khá	2,98	HT NVCA NN	2,5	Xã Hợp Thịnh	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 04													
1	Ngô Thị	Phong	Nữ	02/11/1994	Phú Lâm, Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	7,00			Vân Hà	Có CC nghiệp vụ SP
2	Nguyễn Thái	Sơn	Nam	09/4/1990	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP TDTT		7,30			Cảnh thụy	Thạc sĩ Khoa học giáo dục
3	Nguyễn Văn	Chuẩn	Nam	03/5/1992	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP TDTT	TBK	6,61				
4	Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	03/02/2002	Lục Sơn, Lục Nam, Bắc Giang	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Giỏi	3,25	DT	5	Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 08													
1	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	12/11/1995	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng anh	Khá	2,57			Kép	
2	Nguyễn Thị Khánh	Hạ	Nữ	01/02/1999	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng anh	Khá	2,57			Tiên Lục	
3	Ngô Thùy	Dương	Nữ	04/01/2001	Ninh Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng anh	Khá	2,95			Vân Hà	
4	Tống Thị	Huế	Nữ	16/05/2001	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng anh	Khá	3,05			Kép	
5	Lưu Thị Hằng	Nga	Nữ	12/09/2000	Việt Hưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Ngôn ngữ anh	Giỏi	3,20			Việt Yên	Có CC nghiệp vụ SP
6	Đỗ Minh	Nguyệt	Nữ	30/8/1999	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng anh	Khá	2,94			Việt Yên	
7	Nguyễn Thị Hồng	Giang	Nữ	28/02/2001	Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng anh	Giỏi	3,42			Hoàng Vân	
8	Vương Thị Lan	Anh	Nữ	17/01/1999	Cao Đức, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng anh	TB	2,21			Việt Yên	
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 08													
1	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	22/04/1995	Phường Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,16			Phường Vân Hà	
2	Bùi Thị	Oanh	Nữ	01/03/2000	Phường Đại Phúc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Toán học	Khá	2,60			Xã Nghĩa Phương	Có CC nghiệp vụ SP
3	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	27/06/1993	Phường Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	7,71			Phường Việt Yên	
4	Ngô Bảo	Loan	Nữ	19/10/2003	Xã Thuận An, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,75			Xã Xuân Cẩm	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	08/12/1999	Phường Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,69			Phường Việt Yên	
6	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	10/11/2002	Phường Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,97			Xã Hoàng Vân	
7	Dương Thị Phương	Hà	Nữ	21/11/2003	Phường Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,46			Phường Việt Yên	
8	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	01/04/1996	Xã Hợp Đức, Tân Yên, BG	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	TB	2,17			Xã Lục Ngạn	
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 22													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Phạm Khánh	Linh	Nữ	20/10/2002	Xã Ngọc Lặc, Thanh Hoá	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,78			Phường Vân Hà	
2	Lương Thị	Hạnh	Nữ	27/02/2002	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,66			Xã Mỹ Thái	
3	Nguyễn Thị Phương	Mai	Nữ	11/3/1998	Phường Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	3,04			Phường Vân Hà	
4	Nguyễn Thị Lệ	Thu	Nữ	17/11/2003	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	3,08			Phường Vân Hà	
5	Phạm Anh	Văn	Nam	08/02/1987	Xã Cẩm Giàng, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	SP Khoa học tự nhiên	Khá	2,98	DT	5	Phường Vân Hà	
6	Trần Thanh	Quỳnh	Nữ	08/03/1997	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,59			Xã Mỹ Thái	
7	Ngô Thanh	Huyền	Nữ	26/08/1997	Xã Tam Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý		3,42			Xã Hiệp Hoà	Thạc sĩ Lí luận và PPDH bộ môn Vật lý
8	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	12/11/2002	Phường Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	3,12			Phường Việt Yên	
9	Giáp Thị Lương	Thanh	Nữ	01/08/2002	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,88			Phường Việt Yên	
10	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	10/08/1999	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý		3,63			Xã Hoàng Vân	Thạc sĩ Vật lý chất rắn
11	Nguyễn Tiến	Sỹ	Nam	27/11/2001	Phường Ninh Xá, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,79			Phường Vân Hà	
12	Dương Thị	Hương	Nữ	02/10/1998	Phường Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	XS	3,63			Phường Việt Yên	
13	Trần Thị	Huyền	Nữ	22/02/1998	Phường Tam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,67			Phường Việt Yên	
14	Trần Vân	Quyên	Nữ	20/07/1999	Xã Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,66			Xã Mỹ Thái	
15	Nguyễn Thuỳ	Dương	Nữ	11/04/2003	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Khoa học tự nhiên	Giỏi	3,32			Phường Việt Yên	
16	Đỗ Anh	Thư	Nữ	31/12/2002	Phường Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Giỏi	3,21			Phường Vân Hà	
17	Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	08/01/1991	Xã Đại Đồng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý		7,18				Thạc sĩ Vật lý lý thuyết và vật lý toán
18	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	26/03/1994	Sơn Đồng, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Vật lý	Giỏi	3,43			Phường Việt Yên	
19	Hoàng Nhật	Ngọc	Nữ	02/03/2003	Phường Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,95			Xã Mỹ Thái	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
20	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	07/02/1996	Xã Xuân Lâm, Nghệ An	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	3,13			Xã Tiên Lục	
21	Nguyễn Thị	Vượng	Nữ	02/10/1997	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Giỏi	3,27			Phường Vân Hà	
22	Nghiêm Thị	Ngát	Nữ	19/04/2002	Xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,72			Xã Hiệp Hoà	
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Lê Thị Thanh	Tuyền	Nữ	02/12/1993	Xã Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,66			Phường Tự Lạn	
2	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	06/11/1995	Phường Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	3,11			Phường Tự Lạn	
	Giáo viên Công nghệ: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 08													
1	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	18/10/1991	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Kỹ thuật Công	TB	2,08				
2	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	27/8/1995	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Kỹ thuật Công	Giỏi	3,40			Phường Việt Yên	
3	Trần Thị	Phương	Nữ	20/9/1988	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Kỹ thuật	Khá	7,21			Phường Việt Yên	
4	Thân Thị	Xuyên	Nữ	20/9/1988	Xã Đồng Nguyên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Kỹ thuật	Khá	7,49			Phường Việt Yên	
5	Dương Thị	Thanh	Nữ	02/01/1988	Xã Đồng Nguyên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Kỹ thuật	Khá	7,52			Xã Vân Hà	
6	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	21/02/1988	Xã Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Kỹ thuật Nông	Khá	2,97			Xã Vân Hà	
7	Ngô Vân	Trang	Nữ	18/02/2003	Xã Cẩm Giang, Hải Dương	ĐH	CQ	Sư phạm Công nghệ	Khá	3,00			Phường Việt Yên	
8	Ngô Thu	Trang	Nữ	01/10/1989	Phường Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Kỹ thuật Nông	Khá	2,91			Xã Hiệp Hòa	
10	**PHƯỜNG TỰ LẠN**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 07													
1	Chu Thị Như	Phong	Nữ	11/01/1995	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	Giỏi	3,31			Phường Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	16/8/1994	Phường Kinh Bắc, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	Giỏi	8,00			Phường Nếnh	
3	Dương Thị Tuyết	Mai	Nữ	17/8/2002	Phường Võ Cường, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	Khá	2,68			Phường Nếnh	
4	Đỗ Thị Thanh	Huệ	Nữ	20/8/1989	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Mầm non	Khá	2,65			Phường Việt Yên	
5	Dương Phương	Ly	Nữ	11/7/2002	Phường Tiền Phong, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	Khá	2,99			Xã Ngọc Thiện	
6	Lê Thị	Hường	Nữ	18/4/2000	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	XS	3,62			Xã Quang Trung	
7	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	19/02/1985	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục Mầm non	Khá	7,59			Phường Việt Yên	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 20, đăng ký: 42													
1	Đỗ Thị	An	Nữ	03/01/2001	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,28			Phường Việt Yên	
2	Lương Thị	Thìn	Nữ	02/9/2000	Xã Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,23	DT	5	Xã Phúc Hòa	
3	Giáp Thị	Mai	Nữ	23/11/2000	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,28			Phường Nếnh	
4	Vi Thị	Thảo	Nữ	06/5/1992	Xã Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Khá	2,83			Xã Tiên Lục	
5	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	23/7/1990	Phường Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Khá	3,09			Phường Vân Hà	
6	Đào Hải	Yên	Nữ	23/5/2003	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,21			Xã Xuân Cẩm	
7	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	25/6/2002	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,35			Phường Vân Hà	
8	Nguyễn Công Tuấn	Vinh	Nam	05/5/1996	Phường Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Khá	3,16	NVQS	2,5	Xã Xuân Cẩm	
9	Tạ Thị	Hiên	Nữ	29/01/1998	Phường Hạp Lĩnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Khá	3,02			Phường Nếnh	
10	Ninh Ngọc	Anh	Nữ	28/4/2003	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,20			Phường Tiền Phong	
11	Trịnh Tuyết	Mai	Nữ	27/10/2002	Xã Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,31			Phường Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
12	Ngô Thị	Thương	Nữ	28/6/2001	Xã Tân Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,20			Xã Sa Lý	
13	Hoàng Thị	Quyên	Nữ	11/4/2003	Xã Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,24	DT	5	Phường Nếnh	
14	Lục Khánh	Vân	Nữ	05/4/2001	Xã Nhã Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,28			Xã Quang Trung	
15	Dương Thùy	Linh	Nữ	10/09/1998	Phường Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,25			Phường Vân Hà	
16	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	24/8/1999	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,39			Phường Việt Yên	
17	Lê Thị Thùy	Dung	Nữ	21/10/1995	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Khá	2,91			Phường Vân Hà	
18	Nguyễn Thị Như	Trang	Nữ	06/11/1988	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,24			Xã Hoàng Vân	
19	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	23/8/2001	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,28			Phường Việt Yên	
20	Vũ Thị Lan	Hương	Nữ	29/11/2001	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,20			Phường Yên Dũng	
21	Hoàng Mĩ	Duyên	Nữ	18/10/2000	Phường Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Khá	3,14			Xã Xuân Cẩm	
22	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	13/12/2002	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Khá	3,16			Phường Việt Yên	
23	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	18/02/2000	Xã Chi Lăng, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,22			Phường Nếnh	
24	Dương Thị	Trinh	Nữ	03/11/1996	Nghĩa Tá, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Khá	3,10	DT	5	Phường Tân Tiến	
25	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	10/3/1995	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,35			Phường Việt Yên	
26	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/6/2002	Xã Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,27			Xã Hoàng Vân	
27	Nguyễn Ngọc	Trụ	Nam	06/02/1997	Xã Phúc Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,26			Phường Nếnh	
28	Giáp Thị Diệu	Thu	Nữ	29/12/2000	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,57			Xã Ngọc Thiện	
29	Cao Thị	Nhung	Nữ	27/5/2002	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,31			Xã Tân Dĩnh	
30	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	10/5/1991	Giao Thủy, Ninh Bình	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,25			Phường Nếnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
31	Vũ Bích	Phượng	Nữ	22/01/2003	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,38			Xã Xuân Cẩm	
32	Trần Thị	Loan	Nữ	25/10/1989	Phường Đồng Nguyên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	XS	3,68			Phường Vân Hà	
33	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	27/5/2002	Phường Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,27			Phường Nếnh	
34	Đỗ Hồng	Hạnh	Nữ	26/5/2003	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Khá	2,72			Phường Việt Yên	
35	Bùi Thị	Hoa	Nữ	31/10/2002	Xã Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,24			Phường Vân Hà	
36	Nguyễn Thị	Khánh	Nữ	17/6/1999	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,39			Xã Kép	
37	Lê Uyển	Nhi	Nữ	10/02/1999	Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,24			Phường Nếnh	
38	Thân Thị	Nga	Nữ	17/10/2002	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,33			Phường Nếnh	
39	Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	01/02/1999	Xã Tam Tiến, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,28			Xã Sơn Hải	
40	Phạm Lan	Anh	Nữ	04/9/1992	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,37			Xã Hiệp Hòa	
41	Hoàng Thái	Ngân	Nữ	28/9/2003	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	3,10	DT	5	Tiền Phong	
42	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	14/01/1998	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,74			Xã Vân Hà	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 04													
1	Dương Thị	Nga	Nữ	24/12/1984	Xã Ngọc Thiện	ĐH	CQ	SP Thể dục thể thao	TBK	6,70	CBB	5	Phường Việt Yên	
2	Vi Văn	Độ	Nam	29/6/2003	Xã Vân Sơn	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Giỏi	3,30	DT	5	Xã Đồng Việt	
3	Trần Thị	Hòa	Nữ	12/9/1990	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất - Giáo dục	Khá	2,52			Phường Việt Yên	
4	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	19/11/1998	Xã Tân Yên	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	2,89			Phường Vân Hà	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 51													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	17/4/2000	Xã Dương Hưu	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	2,96			Xã Sa Lý	
2	Trần Thị	Thoan	Nữ	02/9/2000	Phường Quế Võ	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,43			Phường Vân Hà	
3	Vũ Hồng	Nhung	Nữ	21/11/2003	Xã Lục Nam. Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	2,70			Xã Hợp Thịnh	
4	Dương Thị Hoài	Thu	Nữ	09/10/2001	Phường Tự Lạn	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,43			Xã Hoàng Vân	
5	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	05/10/2003	Xã Tây Yên Tử	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,30			Phường Vân Hà	
6	Nguyễn Thị	Luyên	Nữ	06/9/1989	Phường Hạp Lĩnh	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	XS	3,61			Phường Vân Hà	
7	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	01/01/1996	Phường Vũ Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3,17			Xã Xuân Cẩm	
8	Nguyễn Mai	Đào	Nữ	26/10/2001	Phường Việt Yên	ĐH	CQ	Cử nhân Văn học	Giỏi	3,49			Phường Việt Yên	Có CC nghiệp vụ SP
9	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	25/9/1998	Phường Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,24			Xã Đồng Việt	Thạc sĩ Văn học Việt Nam
10	Nguyễn Thị	Viên	Nữ	30/9/1997	Phường Quế Võ	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,34			Phường Vân Hà	
11	Lã Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	09/8/2003	Xã Yên Định	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,44	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
12	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	08/6/2000	Phường Đa Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3,16			Xã Hiệp Hòa	
13	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	08/01/2001	Phường Vũ Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3,13			Xã Ngọc Thiện	
14	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	13/9/2003	Xã Tây Yên Tử	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,50			Phường Vân Hà	
15	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	08/7/2003	Phường Kinh Bắc	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,22			Phường Việt Yên	
16	Phạm Thị	Luyến	Nữ	02/12/1991	Phường Quế Võ	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	2,80			Phường Vân Hà	
17	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	03/7/2001	Xã Tân Chi	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,28			Phường Việt Yên	
18	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	01/12/2003	Phường Thuận Thành	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,20			Phường Vân Hà	
19	Vũ Hồng	Khanh	Nữ	08/02/1997	Phường Việt Yên	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	2,90			Phường Việt Yên	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
20	Phạm Thị	Hằng	Nữ	07/02/1993	Phường Phù Khê	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,29			Xã Hợp Thịnh	
21	Thân Thị Thu	Huyền	Nữ	17/11/2002	Xã Lục Ngạn	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,53			Xã Sa Lý	
22	Nguyễn Thị Thanh	Lâm	Nữ	23/7/1998	Phường Bồng Lai	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3,15			Xã Hợp Thịnh	
23	Lương Thị Thu	Hương	Nữ	01/01/2002	Xã Lục Ngạn	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3,17			Xã Mỹ Thái	
24	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	22/9/2003	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3,09			Xã Hiệp Hòa	
25	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	19/12/1995	Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,21			Phường Vân Hà	Thạc sĩ Lý luận văn học
26	Phạm Thị	Thu	Nữ	05/8/1990	Xã Đồng Kỳ	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3,10			Phường Vân Hà	
27	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	12/02/1984	Phường Yên Dũng	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	TBK	6,70			Xã Đồng Việt	
28	Đỗ Thanh	Vân	Nữ	06/11/2001	Phường Kinh Bắc	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,44			Phường Vân Hà	
29	Phạm Thị	Tuyền	Nữ	25/4/1993	Phường Việt Yên	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,33			Phường Việt Yên	
30	Nguyễn Hoàng	Hà	Nữ	23/12/2002	Phường Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3,16			Phường Vân Hà	
31	Lương Thị	Hảo	Nữ	15/02/1999	Tân Thành, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,32	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
32	Trần Mai	Hương	Nữ	24/9/2001	Phường Quế Võ	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,20			Phường Việt Yên	
33	Hà Thị Minh	Thư	Nữ	06/3/2001	Phường Quế Võ	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,46			Phường Việt Yên	
34	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	16/12/1998	Phường Bồng Lai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,27			Xã Hiệp Hòa	Thạc sĩ Văn học Việt Nam
35	Cao Thi Lan	Anh	Nữ	30/9/1999	Xã Nhân Thắng	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,28			Xã Hiệp Hòa	Thạc sĩ Văn học Việt Nam
36	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	08/7/1994	Xã Yên Phong	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,34			Xã Hợp Thịnh	
37	Thân Thu	Lương	Nữ	25/9/2000	Phường Tự Lạn	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3,19			Xã Hiệp Hòa	
38	Hoàng Thị	Lan	Nữ	03/02/1992	Phường Nam Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	2,69	DT	5	Phường Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
39	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	26/11/1996	Xã Văn Môn	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,34			Phường Vân Hà	
40	Nguyễn Thị	Tình	Nữ	05/7/1990	Phường Nhân Hòa	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	7,03				
41	Lưu Thu	Thủy	Nữ	06/05/2003	Phường Vũ Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,32			Phường Việt Yên	
42	Phan Thị	Khuyên	Nữ	20/7/1993	Phường Quế Võ	ĐH	CQ	Sư phạm Văn-Địa	Khá	2,99			Phường Vân Hà	
43	Nguyễn Thị Bích	Phương	Nữ	20/3/2001	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,41			Xã Ngọc Thiện	
44	Ngô Phương	Thảo	Nữ	16/02/2003	Phường Đa Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,39			Xã Hợp Thịnh	
45	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	17/12/1990	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Sư phạm Văn-Sử	Khá	2,85			Xã Xuân Cẩm	
46	Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	20/9/1995	Xã Nhã Nam	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	3,09	DT	5	Phường Việt Yên	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy
47	Dương Thị	Thủy	Nữ	08/8/1996	Phường Việt Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	2,71			Phường Vân Hà	
48	Trần Thị Hồng	Diễm	Nữ	27/02/2002	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,22			Xã Hiệp Hòa	
49	Thân Thị Thanh	Hòe	Nữ	09/4/2002	Phường Đa Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,32			Phường Vân Hà	
50	Trần Thị	Hường	Nữ	06/9/2002	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	3,20			Xã Hiệp Hòa	
51	Hoàng Thị	Hương	Nữ	17/4/1991	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Văn - Sử	Khá	2,80	DT	5	Xã Mỹ Thái	
	Giáo viên Địa lý: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 03													
1	Nguyễn Thị	Hòe	Nữ	21/12/1992	Xã Đồng Việt	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	Khá	3,12			Xã Xuân Cẩm	
2	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	04/9/1997	Phường Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	TB	2,45			Xã Hiệp Hòa	
3	Vi Thị	Lịch	Nữ	20/6/2003	Xã Biên Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	Giỏi	3,56	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 13													
1	Phạm Minh	Ánh	Nữ	06/11/2003	Phường Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,13			Xã Tiên Lục	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	14/4/2001	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	XS	3,73			Phường Nếnh	Có CC nghiệp vụ sư phạm
3	Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	20/3/2003	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,27			Phường Vân Hà	
4	Ngô Thị	Trang	Nữ	03/10/1997	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,83			Xã Xuân Cẩm	
5	Lê Thị Minh	Anh	Nữ	08/11/2002	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	XS	3,61			Phường Việt Yên	
6	Chu Thị Hồng	Thủy	Nữ	28/9/2002	Phường Việt Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,01			Phường Vân Hà	
7	Giáp Thị Ngọc	Ngân	Nữ	27/01/2000	Xã Tân Yên	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,25			Phường Việt Yên	
8	Nhữ Hải	Yến	Nữ	16/8/1999	Xã Ngọc Thiện	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,79			Phường Việt Yên	
9	Nguyễn Thị	Lựu	Nữ	17/9/2000	Xã Tam Đa	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,25			Phường Việt Yên	
10	Nguyễn Minh	Phượng	Nữ	14/10/2000	Phường Tự Lạn	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,19			Xã Xuân Cẩm	
11	Dương Thị	Luyến	Nữ	07/11/2000	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,05			Phường Việt Yên	
12	Phạm Nhật	Lệ	Nữ	27/8/2001	Xã Ngọc Thiện	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,73			Phường Vân Hà	
13	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	01/01/1973	Phường Quế Võ	ĐH	CQ	Tiếng Anh	TBK	6,51			Phường Việt Yên	Có CC nghiệp vụ sư phạm
	Giáo viên Hoá học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 05													
1	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	27/9/2003	Phường Kinh Bắc	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Giỏi	3,55			Phường Việt Yên	
2	Nguyễn Thị Tú	Uyên	Nữ	05/6/2000	Xã Tam Tiến	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Giỏi	3,20			Phường Việt Yên	
3	Phạm Ngân	Hạnh	Nữ	25/7/2001	Phường Vạn An	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	2,75			Phường Việt Yên	
4	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	10/11/1996	Xã Yên Trung	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Giỏi	3,22			Xã Hoàng Vân	
5	Đinh Thị Thanh	Trà	Nữ	05/8/1988	Xã Ngọc Thiện	ĐH	CQ	Hóa học	Khá	3,14	CBB	5	Xã Hiệp Hòa	
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 08													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Nguyễn Thị	Biên	Nữ	01/12/1996	Xã Đào Viên	ĐH	VLVH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	3,40			Xã Mỹ Thái	
2	Dương Thị	Hương	Nữ	04/02/1996	Xã Tân Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	Khá	2,73			Phường Nếnh	
3	Thân Thị	Vân	Nữ	05/9/1987	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh-Địa	TBK	6,75				
4	Đặng Thị	Thêu	Nữ	11/6/1997	Phường Vân Hà	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	Khá	2,70			Xã Hiệp Hòa	
5	Trần Thị	Hà	Nữ	21/02/1996	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	Khá	2,94			Phường Nếnh	
6	Vũ Thị	Yến	Nữ	07/8/1992	Phường Võ Cường	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	Khá	2,52			Xã Hiệp Hòa	
7	Dương Thị	Huệ	Nữ	27/9/1981	Phường Vân Hà	ĐH	CQ	Sinh-KTNN	TBK	6,41			Phường Nếnh	Đại học Sư phạm
8	Lương Thúy	Mùi	Nữ	09/12/1990	Phường Tự Lạn	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	Khá	7,41	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
11	**PHƯỜNG VÂN HÀ**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 20													
1	Dương Thị Vân	Anh	Nữ	26/11/1994	Tiên Sơn, Việt Yên	CĐ	CQ	GD Mầm non	Giỏi	3,45			Nếnh	
2	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	30/10/2002	Kinh Bắc, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Giỏi	3,26			Việt Yên	
3	Đặng Thị Kim	Tuyến	Nữ	29/9/1991	Kinh Bắc, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	7,24			Nếnh	
4	Nguyễn Thị	Huyên	Nữ	02/8/1984	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Giỏi	3,26			Việt Yên	
5	Cáp Thị Khánh	Huyền	Nữ	11/7/2003	Vân Hà, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,82			Việt Yên	
6	Trần Lệ	Xuân	Nữ	30/01/1990	Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	GD Mầm non	XS	3,72			Việt Yên	
7	Ngọc Thị	Ngân	Nữ	21/11/1994	Ninh Sơn, Việt Yên	ĐH	CQ	GD Mầm non	Khá	2,51			Nếnh	
8	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	19/4/2004	Kinh Bắc, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Giỏi	3,52			Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
9	Vũ Thị	Hà	Nữ	23/12/1996	Vân Hà, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	3,37			Việt Yên	
10	Lê Phương	Nga	Nữ	31/12/2001	Kinh Bắc, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,09			Nếnh	
11	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	07/9/1987	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Giỏi	3,26				
12	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	17/12/2003	Trung Sơn, Việt Yên	ĐH	CQ	GD Mầm non	Khá	3,10			Nếnh	
13	Nguyễn Thị	Chính	Nữ	24/9/1997	Vân Hà, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,94				
14	Nguyễn Thị	Luyện	Nữ	24/3/2000	Trung Sơn, Việt Yên	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	3,06			Việt Yên	
15	Nguyễn Bích	Huệ	Nữ	16/4/1993	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	2,65			Nếnh	
16	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	12/01/2000	Tam Đa, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Giỏi	3,43			Việt Yên	
17	Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	20/9/1994	Tự Lạn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,72			Tự Lạn	
18	Tống Thị Thu	Hà	Nữ	11/3/1990	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	2,78			Nếnh	
19	Phan Thị	Vui	Nữ	01/4/1996	Đồng Kỳ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,90			Hợp Thịnh	
20	Nguyễn Kim	Anh	Nữ	10/05/1998	Đại Lâm, Tam Đa, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,80			xã Hiệp Hòa	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 20, đăng ký: 53													
1	Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	04/6/1997	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,37			Xuân Cẩm	
2	Lê Vân	Anh	Nữ	19/11/1993	Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	XS	3,68			Việt Yên	
3	Vũ Thị	Dung	Nữ	07/10/1999	Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,25			Tự Lạn	
4	Đinh Trúc	Anh	Nữ	01/6/2002	Tô Múa, Sơn La	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Giỏi	3,24	DT	5	Kép	
5	Ngô Thị	Tâm	Nữ	15/7/1996	Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,36			Nếnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
6	Bùi Minh	Hải	Nữ	20/8/1996	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,22			Nếnh	
7	Ngô Thị	Trang	Nữ	25/11/2002	Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	2,97			Nếnh	
8	Lê Thị	Thêu	Nữ	09/3/2002	Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	2,88			Nếnh	
9	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	25/10/1993	Tiền Ninh Vệ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Giỏi	3,24			Tự Lạn	
10	Tiêu Thị	Huyền	Nữ	11/10/2003	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	2,87			Nếnh	
11	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	07/02/2003	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	2,80			Nếnh	
12	Võ Thị Thu	Hà	Nữ	05/5/2000	Cao Dương, Phú Thọ	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,25			Việt Yên	
13	Bùi Vũ Vân	Anh	Nữ	11/01/2003	Tam Đảo, Phú Thọ	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Giỏi	3,43			Nếnh	
14	Ngô Thị	Ngọc	Nữ	07/12/2002	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Giỏi	3,34			Nếnh	
15	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	05/7/2003	Tân Chi, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	2,76			Nếnh	
16	Lưu Lan	Hương	Nữ	30/8/1999	Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	GD Tiểu học SPTA	XS	3,60			Tự Lạn	
17	Diêm Thị	Dung	Nữ	18/10/2003	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	3,13			Nếnh	
18	Bùi Thị Thùy	Linh	Nữ	20/9/1987	Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	TBK	6,69			Việt Yên	
19	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	03/8/2001	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	3,15			Nếnh	
20	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	01/11/1997	Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,26			Nếnh	
21	Trần Thị Ngọc	Trưng	Nữ	16/11/1996	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,25			Hợp Thịnh	
22	Trần Thị	Linh	Nữ	10/01/1994	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,28			Nếnh	
23	Nguyễn Thị Hương	Thảo	Nữ	24/10/2002	Phương Liễu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Giỏi	3,53			Bảo Đài	
24	Lê Thị	Nhài	Nữ	15/7/1992	Nhân Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	3,04			Bảo Đài	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
25	Tống Thị Khánh	Linh	Nữ	19/3/1995	Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,43			Việt Yên	
26	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	01/10/2003	Ninh Xá, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Giỏi	3,31			Nếnh	
27	Nguyễn Công	Minh	Nam	01/04/2001	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,35			Tự Lạn	
28	Nguyễn Thị	Thi	Nữ	20/02/2003	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	2,95			Hoàng Vân	
29	Đỗ Mai	Linh	Nữ	06/10/2002	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	XS	3,60			Nếnh	
30	Phạm Thị	Chinh	Nữ	03/12/2003	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Giỏi	3,33			Nếnh	
31	Nguyễn Ngọc	Thu	Nữ	29/01/2000	Nam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	2,97			Nếnh	
32	Ngô Thị	Hồng	Nữ	16/02/1999	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,24			Tự Lạn	
33	Vũ Thị	Thuần	Nữ	14/5/1990	Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,33			Hoàng Vân	
34	Lê Thị	Hoài	Nữ	12/4/1993	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	2,50	DT	5	Nếnh	
35	Hoàng Dương Ngọc	Thuyết	Nữ	21/12/2003	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	3,01			Nếnh	
36	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	02/7/2001	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	3,16			Tự Lạn	
37	Trần Hương	Ly	Nữ	03/11/2002	Ninh Xá, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Giỏi	3,33			Nếnh	
38	Trần Thị Hoài	Anh	Nữ	30/12/1997	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,44			Tự Lạn	
39	Trịnh Thu	Hà	Nữ	26/9/2001	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	2,89			Nếnh	
40	Tạ Thùy	Linh	Nữ	07/8/2003	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Giỏi	3,44			Tự Lạn	
41	Phạm Thị	Hoài	Nữ	12/01/1999	Tiền Ninh Vệ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	3,01			Việt Yên	
42	Nguyễn Phương	Dung	Nữ	01/10/2002	Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	3,17			Nếnh	
43	Cao Thị	Dung	Nữ	13/5/1995	Tân Chi, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,29			Tự Lạn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
44	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	24/4/2003	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	2,92			Nếnh	
45	Đỗ Thị	Hoa	Nữ	27/6/2003	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Giỏi	3,31			Tự Lạn	
46	Nguyễn Thị Yến	Linh	Nữ	20/5/2000	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	3,00			Việt Yên	
47	Đặng Thị	Nhung	Nữ	13/7/1993	Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,26			Nếnh	
48	Tạ Thị Hồng	Quyên	Nữ	14/3/2003	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Tiểu học	Khá	3,18			Nếnh	
49	Bùi Thanh	Thúy	Nữ	30/5/1997	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	3,02			Nếnh	
50	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	12/10/2000	Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	2,99			Tự Lạn	
51	Dương Thị	Mai	Nữ	17/11/2000	Đồng Nguyên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Giỏi	3,38			Nếnh	
52	Đàm Thị	Liệu	Nữ	18/9/1996	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	3,07			Nếnh	
53	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	28/4/1998	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	3,19			Tự Lạn	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 07													
1	Nguyễn Trần	Tùng	Nam	10/12/1997	Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	2,79			Việt Yên	
2	Nguyễn Đăng	Quang	Nam	13/05/2001	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	2,89			Nếnh	
3	Nguyễn Văn	Quang	Nam	20/11/1995	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Giỏi	8,14			Nếnh	
4	Nguyễn Hữu	Yên	Nam	26/12/1991	Mão Điền, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	TBK	6,84	CTB	5	Nếnh	
5	Nguyễn Văn	Phong	Nam	18/07/2003	Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	3,03			Việt Yên	
6	Nguyễn Quang	Huy	Nam	19/07/1987	Lập Thạch, Phú Thọ	ĐH	CQ	GDTC	TB	2,38	NVQS	2,5	Việt Yên	
7	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	28/10/1988	Vũ Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP TDTT	Khá	7,42			Tân An	
	GIÁO VIÊN THCS													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 22													Đã trừ 01 chỉ tiêu NĐ 179
1	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	03/01/1999	Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,61			phường Tự Lạn	
2	Đinh Thị Thu	Thảo	Nữ	01/12/1996	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,04			phường Việt Yên	
3	Lương Thị	Tình	Nữ	20/04/1990	Vạn An, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,20			xã Tự Lạn	
4	Hà Thị	Ngọc	Nữ	24/09/2001	Biển Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,61	CTB	5	xã Hiệp Hòa	
5	Nông Thúy	Thu	Nữ	23/01/2002	Tam Kim, Cao Bằng	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,39	DT	5		
6	Trần Thị Kiều	Trang	Nữ	03/09/2002	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,19			Phường Tự Lạn	
7	Nguyễn Thị Thảo	Lan	Nữ	31/07/1997	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,22			phường Tự Lạn	
8	Nông Thị	Thư	Nữ	24/8/2002	phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,41			phường Tự Lạn	
9	Hồ Thị Kim	Oanh	Nữ	03/7/2003	Quỳnh Tam, Nghệ An	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,44			Tự Lạn	
10	Ngô Thị	Vân	Nữ	19/10/1989	Tân Mỹ, Bắc Giang	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,22			Hợp Thịnh	
11	Đỗ Thị	Dung	Nữ	18/02/1997	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,95			Tự Lạn	
12	Hoàng Thị	Linh	Nữ	04/06/2003	Cẩm Giàng, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,53	DT	5	Tự Lạn	
13	Trịnh Thị	Duyên	Nữ	08/03/2002	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,42				
14	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	11/10/1993	Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,11			Hợp Thịnh	
15	Vũ Thị Hoài	Linh	Nữ	13/12/2001	Tam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,13			Tự Lạn	
16	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	30/12/2002	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,63			Hợp Thịnh	
17	Nguyễn Thảo	Ngân	Nữ	29/01/2002	Vũ Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,19			Tự Lạn	
18	Nguyễn Trà	Giang	Nữ	23/01/1996	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Văn học	Khá	2,56			Tự Lạn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
19	Nguyễn Lương Sao	Mai	Nữ	05/02/2002	Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,22			Tự Lạn	
20	Hoàng Thị Thanh	Bình	Nữ	19/09/2002	Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	XS	3,64			Bảo Đài	
21	Trần Thị	Hảo	Nữ	15/05/1998	Quang Châu, Việt Yên	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	2,94			Việt Yên	
22	Đồng Ngọc	Vân	Nữ	10/11/1992	Việt Tiến, Việt Yên	ĐH	CQ	SP Văn - Sử	Khá	2,72	DT	5	Tự Lạn	
	Giáo viên Lịch sử: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 05													
1	Nguyễn Như	Biển	Nam	07/12/2000	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Giỏi	3,47			Nếnh	
2	Nguyễn Hải	Thu	Nữ	19/04/1990	Tiền Ninh Vệ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	7,41			Nếnh	
3	Lý Linh	Hậu	Nữ	23/07/1996	Tuấn Đạo, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	3,11			Hợp Thịnh	
4	Trương Xuân	Nam	Nam	02/05/1998	Yên Từ, Ninh Bình	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,96			Hiệp Hòa	
5	Nguyễn Thế	Thành	Nam	29/09/2003	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	3,01			Hiệp Hòa	
	Giáo viên Địa lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	10/12/1994	Vĩnh An, Sơn Động	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,52	DT	5	Mỹ Thái	
	Giáo viên GDCD: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Nguyễn Thị	Vy	Nữ	11/11/2000	Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDCD	Khá	2,97			Việt Yên	
2	Đỗ Văn	Lượng	Nam	23/7/1999	Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDCD	Khá	2,89			Việt Yên	
3	Nông Thị Linh	Chi	Nữ	24/4/2002	Quang Long, Cao Bằng	ĐH	CQ	GDCD	Giỏi	3,31	DT	5		
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 01													
1	Nguyễn Ngọc	Hòa	Nam	20/10/1990	Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SPTDTT	Khá	7,24			Nếnh	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 11													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Trịnh Thị	Phượng	Nữ	04/12/2001	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,99				
2	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	03/06/2001	Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Giỏi	3,44				
3	Nguyễn Linh	Chi	Nữ	30/12/2002	Tiền Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Giỏi	3,45			Hợp Thịnh	
4	Hán Thị Minh	Châu	Nữ	19/02/2002	Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	3,26			Việt Yên	
5	Nguyễn Thị Hồng	Thanh	Nữ	25/06/1998	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,08			Việt Yên	
6	Nguyễn Hoài	Linh	Nữ	04/02/2003	Đại Đồng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	XS	3,70			Việt Yên	
7	Chu Thị	Hảo	Nữ	03/02/2002	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	XS	3,78				
8	Dương Kiều	Linh	Nữ	06/12/2003	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Giỏi	3,55			Xuân Cẩm	
9	Tống Thu	Phương	Nữ	05/07/2003	Trung Sơn, Việt Yên	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,18			Việt Yên	
10	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	04/09/2000	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Khá	3,03			Việt Yên	
11	Trịnh Thị Thu	Phương	Nữ	10/09/2001	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,00			Việt Yên	
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 09													
1	Dương Thị Ánh	Tuyết	Nữ	23/10/1993	Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán Tin	Khá	2,55			Hiệp Hòa	
2	Ngô Thị	Dung	Nữ	29/5/1997	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,56			Nếnh	
3	Đặng Đình	Ngọc	Nam	15/02/1997	Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,22			Nếnh	
4	Hoàng Thị Hà	Ngọc	Nữ	04/5/2001	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	3,17			Hiệp Hòa	
5	Trần Thanh	Huyền	Nữ	18/11/2003	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,31			Tiên Lục	
6	Mẫn Thị	Bắc	Nữ	12/7/1996	Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,06			Hiệp Hòa	Thạc sĩ
7	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	01/02/1986	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TBK	6,80			Việt Yên	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
8	Ngọ Minh	Phụng	Nam	19/6/1997	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,78			Nếnh	Thạc sĩ
9	Nguyễn Thị	Chúc	Nữ	21/5/1990	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,16			Nếnh	
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	27/9/2002	Yên Lư, Yên Dũng	ĐH	CQ	SP Vật lý	Giỏi	3,50			Xuân Cẩm	
2	Nguyễn Văn	Đạt	Nam	27/02/1989	Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	7,53			Nếnh	Thạc sĩ
3	Hoàng Thị	Lan	Nữ	03/03/1998	Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,51			Nếnh	
	Giáo viên Công nghệ: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 0													
12	**XÃ HIỆP HÒA**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 12, đăng ký: 100													
1	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	02/01/2004	Phường Khắc Niệm, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,45			Phường Nếnh	
2	Đỗ Hà	Linh	Nữ	22/12/1999	Phường Bồ Đề, Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,58			Xã Xuân Cẩm	
3	Trần Thị	Quyền	Nữ	21/7/1992	Xã Lương Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,10			Xã Hoàng Vân	
4	Lộc Thị	Thao	Nữ	19/5/2002	Xã Yên Định, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,07	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
5	Trương Thị	Hương	Nữ	10/8/2002	Xã Ngọc Sơn, BắcNinh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,41			Xã Hoàng Vân	
6	Trần Thị	Hồng	Nữ	02/10/1987	Xã Lương Phong, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,26			Xã Hợp Thịnh	
7	Diêm Thị Thu	Thủy	Nữ	26/01/2002	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,23			Phường Tự lạn	
8	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	27/7/1986	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,28			Xã Xuân Cẩm	
9	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	26/7/1994	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,00			Xã Ngọc Thiện	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
10	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	31/10/1996	Phường Phương Liễu, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,10			Xã Xuân Cẩm	
11	Lê Thị	Thảo	Nữ	01/4/2003	Xã Gia Bình, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,28			Xã Xuân Cẩm	
12	Giáp Thị	Hoa	Nữ	14/5/1991	Xã Tân Yên,Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,10			Xã Ngọc Thiện	
13	Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	05/8/1997	Phường Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,99			Xã Xuân Cẩm	
14	Đào Thị	Thùy	Nữ	21/12/2003	Xã Nhân Thắng, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,32			Xã Xuân Cẩm	
15	Ma Thị	Thạch	Nữ	23/12/1998	Xã Nà Phặc, Thái Nguyên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,77	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
16	Lâm Thị	Ngợi	Nữ	22/8/1993	Xã Tân Hòa, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,92			Xã Quang Trung	
17	Trần Thị Bích	Phương	Nữ	26/6/2000	Xã Việt Tiến, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,21			Xã Xuân Cẩm	
18	Lý Thị	Nga	Nữ	14/3/2000	Phường Đồng Quang, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,80	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
19	Nguyễn Thị Nguyệt	Hằng	Nữ	01/3/2003	Xã Mai Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,94			Xã Hợp Thịnh	
20	Hoàng Thị	Lan	Nữ	22/9/1989	Xã Côn Minh, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,25	DT	5	Xã Quang Trung	
21	Đỗ Thị	Hường	Nữ	12/8/1993	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,09				
22	Trương Thị	Kiều	Nữ	14/10/2004	Xã Đồng Thịnh, Nam Định	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,73			Xã Tân Dĩnh	
23	Dương Thanh	Lan	Nữ	01/10/1999	Phường Tiền Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,03			Xã Ngọc Thiện	
24	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	02/7/1996	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,31				
25	Ngô Thị Hà	Giang	Nữ	14/5/1993	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,95				
26	Đỗ Thị	Trang	Nữ	15/11/2001	Xã Đông Phong, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,35			Xã Xuân Cẩm	
27	Lê Thị	Hoa	Nữ	23/10/1984	Phường Sông Công, Thái Nguyên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,67	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
28	Nghiêm Thị	Trang	Nữ	15/7/1992	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,30			Phường Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
29	Phạm Thảo	Hương	Nữ	02/8/2003	Phường Phù Khê, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,10			Xã Hợp Thịnh	
30	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	04/6/2000	Xã Việt Hùng, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,82			Xã Mỹ Thái	
31	Trần Thị	Ngọc	Nữ	21/11/1993	Xã Việt Hùng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,23			Xã Mỹ Thái	
32	Nguyễn Thị	Điệp	Nữ	22/12/1998	Xã Phật Tích, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,93			Xã Hợp Thịnh	
33	Phùng Thị	Hằng	Nữ	28/02/1990	Phường Đông Kinh, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,51	DT	5	Xã Kép	
34	Ngô Quỳnh	Nga	Nữ	05/9/1992	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,28			Xã Hợp Thịnh	
35	Triệu Thị	Hà	Nữ	19/12/1993	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,27	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
36	Ngô Kiều	Huế	Nữ	06/9/2003	Xã Sa Lý, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,57			Phường Phượng Sơn	
37	Dương Thị	Liên	Nữ	02/01/1992	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,62				
38	Hoàng Thị	Điệp	Nữ	25/8/2004	Xã Sa Lý, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,24	DT	5	Phường Phượng Sơn	
39	Chu Khánh	Nhung	Nữ	19/10/1996	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,81			Xã Xuân Cẩm	
40	Đặng Thị	Bình	Nữ	13/3/1996	Xã Tam Kim, Cao Bằng	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,15	DT	5	Xã Quang Trung	
41	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	06/12/1992	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,53				
42	Khổng Khánh	Linh	Nữ	15/12/2004	Xã Yên Trung, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,66			Xã Xuân Cẩm	
43	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	04/12/1999	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,30			Xã Xuân Cẩm	
44	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	29/5/2004	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,12			Phường Việt Yên	
45	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	27/9/2002	Xã Nghĩa Phương, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,19			Phường Phượng Sơn	
46	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	11/5/2004	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,82			Xã Hoàng Vân	
47	Trần Thị	Thảo	Nữ	18/8/1994	Xã Danh Thắng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,07				

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
48	Ngô Ngọc	Huyền	Nữ	03/9/1997	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,02			Xã Hợp Thịnh	
49	Vị Thị	Bằng	Nữ	21/4/1997	Xã Lương Phong, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,89	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
50	Trương Thị	Nhung	Nữ	03/9/2003	Xã Hòa Tiến, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,35			Xã Xuân Cẩm	
51	Ngô Thị	Nhung	Nữ	13/3/1995	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,90			Xã Xuân Cẩm	
52	Tạ Phương	Linh	Nữ	29/10/1997	Phường Tân An, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,32			Xã Quang Trung	
53	Trần Thị	Nhung	Nữ	06/02/1995	Phường Vân Dương, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,18			Xã Xuân Cẩm	
54	Phùng Thị	Cảnh	Nữ	24/8/1994	Phường Vân Hà, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	TBK	6,77	DT	5	Xã Tân Yên	
55	Bế Thị	Cải	Nữ	24/6/1991	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,48	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
56	Nông Thị	Linh	Nữ	27/12/1996	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,09	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
57	Chu Thị Hải	Xuân	Nữ	03/3/2003	Xã Yên Định, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,34	DT	5	Phường Nếnh	
58	Nguyễn Thị	Tư	Nữ	25/12/1989	Xã Nam An Phụ, Hải Phòng	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,53			Xã Xuân Cẩm	
59	Ngô Thị Thu	Hà	Nữ	23/3/2000	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,27			Xã Hợp Thịnh	
60	Đàm Thị	Định	Nữ	02/10/1998	Xã Phủ Thông, Thái Nguyên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,52	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
61	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	04/9/1993	Phường Bích Động, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,40			Xã Quang Trung	
62	Lại Thị	Hạnh	Nữ	08/3/1988	Xã Dũng Liệt, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,03			Xã Hoàng Vân	
63	Đinh Thị	Hương	Nữ	30/9/1998	Xã Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,22			Xã Hoàng Vân	
64	Quàng Thị	Tỉnh	Nữ	05/3/1994	Xã Hoàng Văn Thụ, Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,20	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
65	Lưu Thị	Mai	Nữ	14/10/1987	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,06			Xã Hoàng Vân	
66	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	21/7/2004	Xã Thụy Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,45			Xã Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
67	Đàm Thị	Hoa	Nữ	18/12/1988	Xã Tràng Xá, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,39	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
68	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	11/3/2003	Xã Nghĩa Phương, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,50			Xã Nghĩa Phương	
69	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	15/02/1990	Phường Vân Hà, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,95			Phường Vân Hà	
70	Lương Thị	Hòa	Nữ	05/9/1993	Xã Tân Hưng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,03			Xã Xuân Cẩm	
71	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	03/7/1996	Xã Tiên Dược, Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,24			Xã Xuân Cẩm	
72	Ngô Thị	Linh	Nữ	25/01/1995	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,24			Xã Hoàng Vân	
73	Hà Thị	Thoan	Nữ	09/10/1985	Xã Lương Phong, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,51				
74	Tô Thị	Sơn	Nữ	08/10/2004	Xã Văn Môn, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,28			Xã Xuân Cẩm	
75	Hoa Thị	Minh	Nữ	21/4/1989	Xã Xuân Dương, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,15	DT	5	Xã Quang Trung	
76	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	16/9/1988	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,48				
77	Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	23/8/2003	Xã Minh Đức, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,26			Phường Việt Yên	
78	Nông Thanh	Tú	Nữ	04/02/1994	Phường Tam Thanh, Lạng Sơn	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,86	DT	5	Xã Mỹ Thái	
79	Lê Thị Thu	Giang	Nữ	11/02/2004	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	TB	2,09			Xã Quang Trung	GCNTN
80	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	23/8/1995	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,72			Xã Hoàng Vân	
81	Lê Thị	Mai	Nữ	24/12/1992	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,52				
82	Ngô Thị	Nhung	Nữ	15/4/1994	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,93				
83	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	11/3/2003	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,84			Xã Hợp Thịnh	
84	Dương Thị Thanh	Chúc	Nữ	08/7/2003	Phường Phượng Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,14			Phường Phượng Sơn	
85	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	27/5/2003	Xã Văn Môn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,45			Xã Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
86	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	31/5/2004	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,33			Xã Hoàng Vân	
87	Trần Thị	Huyền	Nữ	01/3/2003	Xã Văn Môn, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,05			Xã Xuân Cẩm	
88	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	22/12/2003	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,80			Xã Hoàng Vân	
89	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	31/7/2004	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,01			Xã Hoàng Vân	
90	Chu Mai	Hương	Nữ	21/01/2003	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,45			Xã Hoàng Vân	
91	Trịnh Ngọc	Ánh	Nữ	04/9/1995	Xã Tân Thành, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	TBK	6,90			Xã Quang Trung	
92	Nông Thị Thu	Yêu	Nữ	25/02/2001	Xã Quang Long, Cao Bằng	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,55	DT	5	Xã Quang Trung	
93	Đặng Thị	Ngọc	Nữ	03/11/1981	Xã Yên Phong, Bắc Ninh	CĐ	CQ	SP Giáo dục mầm non	Khá	7,90			Phường Vân Hà	
94	Vũ Thị Ánh	Tuyết	Nữ	07/10/2003	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	SP mầm non	Khá	2,97	DT	5	Phường Phượng Sơn	GCNTN
95	Mông Kiều	Trang	Nữ	26/5/1997	Phường Trung Thành, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,26	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
96	Lê Thị Lam	Huế	Nữ	27/10/2002	Xã Bát Tràng, Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,11			Xã Xuân Cẩm	
97	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	01/11/2003	Xã Gia Bình, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,11			Xã Xuân Cẩm	
98	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	01/02/1989	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,49				
99	Dương Kim	Hương	Nữ	20/7/1990	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	TBK	6,74			Phường Tự Lạn	
100	Đặng Thị Bích	Hiếu	Nữ	31/12/2000	Xã Hiệp Hòa - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,00				
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 19, đăng ký: 70													
1	Ngô Thị Việt	Thương	Nữ	1/08/2003	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,53			Xã Xuân Cẩm	
2	Nguyễn Vân	Anh	Nữ	25/4/1992	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,35			Xã Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
3	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	11/10/2002	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,24			Xã Xuân Cẩm	
4	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	31/10/2001	Hoàng Vân, Hiệp Hòa	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,10			Xã Hoàng Vân	
5	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	04/11/2002	Đồng Tân, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,04			Xã Xuân Cẩm	
6	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	13/3/1986	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,04			Xã Hoàng Vân	
7	Hoàng Thị Thu	Trang	Nữ	18/4/2003	Hợp Thịnh, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,07			Xã Hợp Thịnh	
8	Nguyễn Trang	Nhung	Nữ	2/6/1997	Đồng Hỷ, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,87			Phường Nếnh	
9	Nguyễn Văn	Tú	Nam	9/11/1996	Vũ Lễ, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,76	DT	5	Phường Nếnh	
10	Dương Thị	Tuyến	Nữ	10/12/2000	Phú Bình,Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,33			Xã Xuân Cẩm	
11	Ngô Thu	Huyền	Nữ	11/12/2003	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,91			Xã Xuân Cẩm	
12	Hoàng Thị	Lương	Nữ	28/8/1999	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,12			Xã Xuân Cẩm	
13	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	10/5/1995	Hợp Thịnh, Hiệp Hòa	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,07			Xã Hợp Thịnh	
14	Phạm Hồng	Minh	Nữ	22/8/2003	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,78			Phường Tự Lạn	
15	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	9/11/2003	Tân Thành, Thái Nguyên	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,17			Xã Tân Yên	
16	Nguyễn Thị Vũ	Phương	Nữ	21/9/2002	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,19			Xã Xuân Cẩm	
17	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Nữ	26/7/2003	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,79			Phường Việt Yên	
18	Đào Hoài	An	Nữ	22/4/2001	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,45			Xã Xuân Cẩm	
19	Dương Thị	Thúy	Nữ	10/1/2000	Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,32			Xã Ngọc Thiện	
20	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/04/1997	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,70			Phường Tự Lạn	
21	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	25/3/2000	Hợp Thịnh, Hiệp Hòa	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,23			Xã Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
22	Lê Phương	Trang	Nữ	16/10/2001	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,20			Xã Hợp Thịnh	
23	Lưu Thị	Oanh	Nữ	27/6/2003	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,39			Phường Tự Lạn	
24	Bùi Thị	Phú	Nữ	26/12/1992	Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,09	DT	5	Xã Tân An	
25	Nguyễn Thị Ngọc	Ngà	Nữ	18/10/2002	Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,23			Phường Tự Lạn	
26	Phạm Thị	Hoa	Nữ	17/11/2003	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,06			Xã Kép	
27	Trương Ngọc	Lữ	Nữ	20/11/2002	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,95			Xã Xuân Cẩm	
28	Ngô Thùy	Châm	Nữ	26/11/1998	Tam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,27			Phường Nếnh	
29	Đặng Thị Huyền	Trang	Nữ	3/1/2003	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,47			Xã Xuân Cẩm	
30	Chu Thị	Phương	Nữ	9/6/2001	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,07			Xã Xuân Cẩm	
31	Trần Thị	Hoài	Nữ	24/7/1998	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,25			Xã Xuân Cẩm	
32	Nguyễn Thị Hồng	Minh	Nữ	26/10/2003	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,11			Xã Hợp Thịnh	
33	Thân Hải	Hồng	Nữ	05/12/2002	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,89			Xã Tân Yên	
34	Dương Thị Ngọc	Ngà	Nữ	23/2/2001	Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,17			Xã Hoàng Vân	
35	Mã Hồng	Ngọc	Nữ	1/11/2000	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,21	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
36	Nguyễn Thị Phương	Uyên	Nữ	26/2/2003	Biển Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,43			Phường Tân An	
37	Lê Thị Quỳnh	Trang	Nữ	27/52002	Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,14			Xã Xuân Cẩm	
38	Dương Thị Hoàng	Anh	Nữ	15/6/2003	Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,03	DT	5	Xã Tân Sơn	
39	Nông Thị	Hoa	Nữ	20/8/1994	Lam Cường, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,53	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
40	Hà Thị	Hạnh	Nữ	27/6/1996	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,23			Xã Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
41	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	23/1/2003	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,00			Xã Xuân Cẩm	
42	Nguyễn Thị	Thao	Nữ	28/7/2000	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,20				
43	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	Nữ	10/8/1995	Phù Lỗ, Hà Nội	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,22			Phường Việt Yên	
44	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	13/3/1999	Trung Giã, Hà Nội	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,28			Xã Hợp Thịnh	
45	Mùi Thị	Diễn	Nữ	28/2/1994	Trung Giã, Hà Nội	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,11	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
46	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	26/7/2003	Võ Lao, Lào Cai	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,27			Xã Hợp Thịnh	
47	Dương Thị Hồng	Yến	Nữ	29/10/1997	Kha Sơn, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,18			Xã Hoàng Vân	
48	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	14/2/2001	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,00			Xã Xuân Cẩm	
49	Thân Thị	Luyến	Nữ	11/11/1989	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,07			Xã Ngọc Thiện	
50	Phạm Đào Ngọc	Trang	Nữ	07/01/2002	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	XS	3,79			Phường Việt Yên	
51	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	20/7/2003	Văn Môn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,27			Xã Xuân Cẩm	
52	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	02/9/1996	Xuân Thu, Hà Nội	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,15			Phường Việt Yên	
53	Vũ Thị	Hương	Nữ	18/6/2003	Văn Môn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,28			Xã Xuân Cẩm	
54	Lê Thị Thanh	Thảo	Nữ	20/11/2002	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,09			Phường Tự Lạn	
55	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	1/11/1997	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,17			Xã Xuân Cẩm	
56	Đỗ Thị Hà	Vi	Nữ	08/12/2002	Phùng Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,46			Xã Xuân Cẩm	
57	Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	30/6/2003	Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,44			Xã Ngọc Thiện	
58	Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	6/11/2003	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,47			Xã Xuân Cẩm	
59	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	28/3/1999	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,35			Phường Yên Dũng	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
60	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	8/2/2002	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,76			Xã Hợp Thịnh	
61	Nguyễn Thị Kim	Cúc	Nữ	01/8/1989	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,25			Xã Xuân Cẩm	
62	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	18/10/2003	Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,36			Xã Xuân Cẩm	
63	Vũ Thị Hồng	Châm	Nữ	16/7/1994	Tân Cương, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,98			Xã Xuân Cẩm	
64	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	01/3/1985	Cường Lợi, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	7,54	DT	5	Phường Vân Hà	
65	Ngô Kiều	Trang	Nữ	25/4/2002	Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,26			Xã Xuân Cẩm	
66	Dương Thu	Hiền	Nữ	4/1/2001	Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,23			Xã Ngọc Thiện	
67	Trần Thị Kiều	Trang	Nữ	11/8/2001	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,27			Xã Hợp Thịnh	
68	Thạch Hà	Trang	Nữ	28/8/1995	Yên Trạch, Thái Nguyên	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,57	DT	5		
69	Nguyễn Thúy	Mừng	Nữ	13/2/1997	Vĩnh Thanh, Hà Nội	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,23			Xã Xuân Cẩm	
70	Trần Diệu	Chinh	Nữ	05/9/1997	Hùng Thái, Hiệp Hòa	ĐH	VLVH	GD tiểu học	Khá	3,14			Hợp Thịnh	
	Giáo viên Âm nhạc: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 0													
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 05, đăng ký: 41													
1	Trịnh Thị	Dung	Nữ	29/9/1991	Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Văn học	TBK	6,59			Việt Yên	
2	Vũ Thị	Tươi	Nữ	04/01/2002	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,60			Vân Hà	
3	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	25/11/1989	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	7,75				
4	Phạm Thị Nhật	Anh	Nữ	23/10/2003	Đào Viên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,56			Hợp Thịnh	
5	Đinh Thị	Viên	Nữ	09/12/1991	Hương Sơn, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,20			Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
6	Nguyễn Thị	Hòe	Nữ	09/6/1989	Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	CN Văn học	TBK	6,67			Vân Hà	CCSP
7	Hà	My	Nữ	08/9/2002	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,28			Xuân Cẩm	
8	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	03/12/1992	Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,90			Xuân Cẩm	
9	Dương Thị	Oanh	Nữ	09/02/1995	Dương Hưu, Sơn Động	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,63	DT	5		
10	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	20/5/1989	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	3,16			Hợp Thịnh	
11	Hà Thị Hồng	Thúy	Nữ	15/3/1997	Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	3,00			Xuân Cẩm	
12	Nguyễn Thu Thùy	Dương	Nữ	13/6/2003	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,01			Việt Yên	
13	Nguyễn Thị Thảo	Vân	Nữ	09/11/2002	Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,64			Hợp Thịnh	
14	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	18/02/1996	Kim Chân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,25			Xuân Cẩm	Thạc sĩ
15	Ngô Hải	Ngọc	Nữ	13/11/2001	Tam Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,91			Xuân Lương	
16	Dương Thị Lan	Hương	Nữ	08/9/2003	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,34			Hợp Thịnh	
17	Vũ Lam	Uyên	Nữ	16/9/2001	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,02			Xuân Cẩm	
18	Bùi Thị	Hường	Nữ	24/8/2001	Văn Môn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,10			Hợp Thịnh	
19	Trần Thị	Thơm	Nữ	25/11/2002	Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	XS	3,69			Hợp Thịnh	
20	Nông Thị Bích	Thu	Nữ	07/4/2003	Hạnh Phúc, Cao Bằng	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,05	DT	5	Việt Yên	
21	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	06/4/1994	Tân Thành, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	TB	2,09			Hợp Thịnh	
22	Giáp Thị	Hiền	Nữ	07/5/2003	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,20			Việt Yên	
23	Phạm Thị Hồng	Vân	Nữ	08/4/1999	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,05			Việt Yên	
24	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	24/6/2001	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,56			Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
25	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	30/7/2000	Thư Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,06			Hợp Thịnh	
26	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	22/9/1997	Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,43			Xuân Cẩm	
27	Tạ Minh	Phú	Nam	27/7/2001	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,99			Hợp Thịnh	
28	Quách Thị	Hồng	Nữ	24/9/1995	Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,09			Hợp Thịnh	
29	Đào Thu	Trang	Nữ	30/4/2001	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,81			Hợp Thịnh	
30	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	19/10/2003	Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,43			Việt Yên	
31	Tạ Thị	Thảo	Nữ	08/7/2003	Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,20			Hoàng Vân	
32	Đàm Thị Hồng	Minh	Nữ	18/7/1999	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	3,08			Xuân Cẩm	
33	Nguyễn Thị	Chuyển	Nữ	25/02/1986	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	7,66			Hoàng Vân	
34	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	02/7/1994	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,21			Ngọc Thiện	
35	Nguyễn Hữu	Dung	Nam	30/01/1994	Hương Lâm, Hiệp Hòa	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	3,09			Hợp Thịnh	
36	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	20/4/2002	Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,82			Hợp Thịnh	
37	Giáp Thị	Lan	Nữ	18/01/1995	Song Vân, Tân Yên	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,06			Hợp Thịnh	
38	Phạm Thị Thanh	Bình	Nữ	13/6/1994	Lập Thạch, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,16			Hợp Thịnh	
39	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	20/7/2002	Vũ Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,34			Mỹ Thái	
40	Trần Thu	Huyền	Nữ	24/3/2000	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,21			Hợp Thịnh	
41	Nguyễn Thị	Lanh	Nữ	12/12/1987	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	7,40			Xuân Lương	
	Giáo viên Lịch sử: Chỉ tiêu: 05, đăng ký: 26													
1	Lê Thị	Hoa	Nữ	01/02/1990	Tam Dương, Phú Thọ	ĐH	CQ	Lịch sử	Khá	3,26			Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Hoàng Thu	Hường	Nữ	05/01/1993	Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	TB	2,19	DT	5	Nếnh	
3	Nông Thị	Yến	Nữ	20/7/2000	Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	3,23	DT	5	Việt Yên	
4	Đỗ Thị	Huệ	Nữ	14/12/1993	Việt Tiến, Việt Yên	ĐH	CQ	SP Văn - Sử	Khá	2,76			Vân Hà	
5	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	31/8/2001	Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	3,16			Hợp Thịnh	
6	Nghiêm Phương	Thảo	Nữ	07/5/1996	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,79				
7	Lăng Thị	Thiện	Nữ	11/7/1994	Đồng Hỷ, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,72	DT	5	Xuân Cẩm	
8	Đào Thị Ngọc	Khánh	Nữ	12/7/1998	Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Giỏi	3,46			Hợp Thịnh	
9	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	12/10/1991	Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	3,13			Hoàng Vân	
10	Ninh Thị	Duyên	Nữ	09/10/1994	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,58	DT	5	Nếnh	
11	Phạm Văn	Tuyên	Nam	04/5/1993	Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,52			Xuân Cẩm	
12	Trịnh Hồng	Anh	Nữ	25/01/1996	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,74			Hợp Thịnh	
13	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	22/8/1991	Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Văn - Sử	Khá	3,05			Xuân Cẩm	
14	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	26/7/1996	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	3,13			Xuân Cẩm	
15	Nguyễn Văn	Thành	Nam	22/3/2003	Nam Dương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	3,00			Hoàng Vân	
16	Bùi Thị	Hồng	Nữ	18/12/1991	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	CN Lịch sử	Khá	2,71				
17	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	10/02/1993	Minh Châu, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Lịch sử	Giỏi	3,34			Việt Yên	
18	Nguyễn Việt	Cường	Nam	20/8/1993	Danh Thắng, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,59	CTB	5	Việt Yên	
19	Dương Thu	Phương	Nữ	27/11/2002	Hưng Vũ, Lạng Sơn	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	3,18	DT	5	Tân An	
20	Hoàng Thị	Hiên	Nữ	21/7/1987	Đức Lương, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	7,08	DT	5	Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
21	Tạ Thị	Dung	Nữ	09/5/1992	Thái Sơn, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,73	DT	5	Hợp Thịnh	
22	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	13/3/1993	Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,74			Nếnh	
23	Dương Thị	Trang	Nữ	26/5/1984	Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	CN Lịch sử	Khá	3,03			Xuân Cẩm	
24	Nguyễn Văn	Minh	Nam	06/7/2002	Dương Hưu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Giỏi	3,21	DT	5	Nếnh	
25	Đặng Thị Minh	Tâm	Nữ	30/8/1996	Sông Công, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,58	DT	5	Hợp Thịnh	
26	Đặng Thị	Lợi	Nữ	03/7/1994	Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	TB	2,45			Hợp Thịnh	
	Giáo viên Địa lý: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 18													Đã trừ 01 chỉ tiêu NĐ 179
1	Phạm Thị	Chiêm	Nữ	17/02/1998	Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,79			Xuân Cẩm	
2	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	02/9/1995	Dương Hưu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	3,00			Mỹ Thái	
3	Trần Thị	Tuyết	Nữ	01/9/2000	Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Giỏi	3,36	DT	5	Lạng Giang	
4	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	21/3/2000	Xuân Lương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,99	DT	5	Xuân Cẩm	
5	Phạm Bùi Hương	Diễm	Nữ	26/11/2003	Hoa Lư, Ninh Bình	ĐH	CQ	SP Địa lý	Giỏi	3,40			Xuân Cẩm	
6	Dương Đình	Hiền	Nam	19/01/1993	Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	3,11			Xuân Cẩm	
7	Nông Thị Phương	Nhã	Nữ	03/4/1995	Tân Thành, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,97	DT	5	Ngọc Thiện	Thạc sĩ
8	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	16/11/2001	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	3,12			Xuân Cẩm	
9	Hoàng Thị	Phượng	Nữ	17/6/1989	Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	7,63	DT	5	Lạng Giang	
10	Bế Thị	Thảo	Nữ	26/11/2003	Đình Lập, Lạng Sơn	ĐH	CQ	SP Lịch sử - Địa lý	Khá	3,05	DT	5	Xuân Cẩm	
11	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	25/02/2001	Đan Hội, Lục Nam	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	3,10			Tự Lạn	
12	Hứa Thị	Phương	Nữ	26/4/1994	Cao Ngạn, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	3,01	DT	5	Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
13	Hà Thị Tố	Uyên	Nữ	06/11/2002	Na Rì, Bắc Kạn	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	3,02	DT	5	Xuân Cẩm	
14	Lưu Phương	Anh	Nữ	07/4/2002	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	3,15			Mỹ Thái	
15	Đặng Thị	Nhâm	Nữ	04/4/1992	Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,83			Ngọc Thiện	
16	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	05/9/1991	Phù Lương, Thái Nguyên	ĐH	CQ	CN Địa lý	Khá	3,10	DT	5	Xuân Cẩm	
17	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	25/6/2000	Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	XS	3,61			Tự Lạn	
18	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	23/3/2003	Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Giỏi	3,28			Tự Lạn	
	Giáo viên GDCD: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 19													
1	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	01/6/1990	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDCD	Khá	7,15				
2	Vũ Thị Tuyết	Anh	Nữ	27/7/2001	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDCD	Giỏi	3,35			Xuân Cẩm	
3	Mạc Thị	Hằng	Nữ	25/12/1984	Tân Hiệp, Yên Thế	ĐH	CQ	SP GDCD	TBK	6,62	DT	5	Xuân Cẩm	
4	Vi Thị	Mưa	Nữ	28/11/2002	Thống Nhất, Lạng Sơn	ĐH	CQ	GDCD	Khá	2,91	DT	5	Xuân Cẩm	
5	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	02/4/1991	Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDCD	Khá	2,51			Vân Hà	
6	Trần Thị	Uyên	Nữ	10/12/1997	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị	Khá	2,64			Xuân Cẩm	
7	Nguyễn Thị	Quý	Nữ	04/10/1987	Điềm Thụy, Thái Nguyên	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị	Giỏi	8,32			Xuân Cẩm	
8	Dương Thị	Lan	Nữ	15/11/1989	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDCD-GDQP	Khá	7,40			Xuân Cẩm	
9	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	08/9/1985	Trường Sơn, Lục Nam	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị	Khá	7,42			Xuân Cẩm	
10	Ma Thị	Mới	Nữ	24/5/1996	Ba Bể, Bắc Kạn	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị	TB	2,10	DT	5	Xuân Cẩm	
11	Nguyễn Hải	Anh	Nam	18/8/2003	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDCD	Khá	2,99			Xuân Cẩm	
12	Lê Thị	Huệ	Nữ	01/01/1982	Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP GDCT	Khá	7,72			Xuân Cẩm	Thạc sĩ

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
13	Trần Thị Hà	My	Nữ	31/10/2002	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDCD	Giỏi	3,50			Xuân Cẩm	
14	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	17/3/2002	Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị	Khá	2,76			Vân Hà	
15	Thân Hương	Thảo	Nữ	28/12/2002	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị	Khá	2,96			Xuân Cẩm	
16	Trần Phương	My	Nữ	08/01/2003	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDCD	Giỏi	3,30			Xuân Cẩm	
17	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	27/02/2001	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDCD	Giỏi	3,35			Xuân Cẩm	
18	Dương Văn	Tuấn	Nam	03/8/1984	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP GDCT	Khá	7,51			Xuân Cẩm	
19	Thân Thị	Thủy	Nữ	10/6/1984	Hương Mai, Việt Yên	ĐH	CQ	SP GDCD	TBK	6,98	CĐHH	5	Việt Yên	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 03													
1	Hà Thị Hồng	Nhung	Nữ	03/9/2002	Ngọc Sơn, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	GDTC	Khá	3,02			Hợp Thịnh	
2	Trần Quốc	Toàn	Nam	07/5/1991	Xuân Lương, Yên Thế	ĐH	CQ	SP TDTT	Khá	2,61	DT	5	Vân Hà	
3	Trần Tuấn	Tú	Nam	07/12/1998	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	2,66			Vân Hà	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Tô Thị Ngọc	Huyền	Nữ	01/12/1989	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,72			Hoàng Vân	
2	Ngô Hoàng	Tâm	Nữ	01/6/2002	Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,01			Việt Yên	
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 06, đăng ký: 87													
1	Chu Thị Ngọc	Thảo	Nữ	06/5/1997	Tam Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,30			Xã Xuân Cẩm	
2	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/11/2003	xã Tam Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,95			Xã Xuân Cẩm	
3	Vũ Thị	Thơm	Nữ	06/08/2002	xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,04			Xã Việt Yên	
4	Trần Thị	Hà	Nữ	19/11/2000	xã Văn Môn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,86			Xã Hoàng Vân	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
5	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	5/4/1999	xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,24			Xã Hoàng Vân	
6	Đỗ Việt	Hoàng	Nam	28/9/1998	xã Phát Diện, Ninh Bình	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,28				
7	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	03/7/1993	phường Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	2,80			Phường Việt Yên	
8	Nguyễn Thị	Chín	Nữ	12/10/2002	phường Nam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,60			Phường Cảnh Thụy	
9	Dương Anh	Thư	Nữ	13/11/1999	xã Thư Lâm, thành phố Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,99			Xã Hoàng Vân	
10	Hoa Quốc	Phong	Nam	05/11/2002	xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,61			Xã Xuân Cẩm	
11	Nguyễn Thị	Chữ	Nữ	10/01/1994	phường Vạn An, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,38			Xã Việt Yên	
12	Đào Thị	Hạnh	Nữ	22/10/1998	xã Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,32			Xã Hoàng Vân	
13	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	11/11/1994	phường Đào Viên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,20			Xã Hoàng Vân	
14	Cao Thị	Tuyết	Nữ	30/7/1999	xã Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,70			Xã Hoàng Vân	
15	Đặng Thu	Hường	Nữ	15/2/1991	phường Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,13			Xã Xuân Cẩm	Thạc sĩ Toán học
16	Lê Thị Thu	Thúy	Nữ	17/5/2002	xã Kha Sơn, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,79			Xã Hoàng Vân	
17	Khuất Đăng	Dương	Nam	03/02/2002	xã Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,64			Phường Việt Yên	
18	Nguyễn Hương	Quỳnh	Nữ	14/3/1999	xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	XS	3,64			Xã Hoàng Vân	Thạc sĩ Toán học
19	Đào Thị	Loan	Nữ	15/09/1987	xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,31			Xã Hoàng Vân	
20	Đàm Thị Thu	Phương	Nữ	01/01/2002	phường Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,72			Xã Việt Yên	
21	Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	01/03/1997	xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,33			Xã Xuân Cẩm	
22	Lê Hồng	Linh	Nam	09/02/1996	xã Phù Lãng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,05			Xã Hoàng Vân	Thạc sĩ Toán học
23	Nguyễn Trường	Giang	Nữ	14/02/2003	xã Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,68			Xã Việt Yên	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
24	Nguyễn Hiền	Linh	Nữ	11/01/2002	xã Trung Giã, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,61			Xã Hoàng Vân	
25	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	01/09/1994	phường Tam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,62			Xã Hoàng Vân	
26	Nguyễn Xuân	Mai	Nữ	07/01/2001	xã Thư Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,22			Xã Hoàng Vân	
27	Mạc Thị	Tuyết	Nữ	24/12/1997	phường Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,35			Xã Xuân Cẩm	
28	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	02/04/1995	xã Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	3,19			Xã Hoàng Vân	
29	Nguyễn Thị Thanh	Hải	Nữ	09/01/1997	xã Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	3,12			Xã Xuân Cẩm	
30	Hoàng Thị	Hiên	Nữ	03/06/1999	phường Ninh Xá, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,50	CTB	5	Xã Hoàng Vân	
31	Kiều Thị Kim	Anh	Nữ	06/01/2002	xã Tam Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,30			Xã Xuân Cẩm	
32	Nguyễn Thúy	Ngân	Nữ	30/10/2001	xã Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,26			Xã Xuân Cẩm	
33	Nghiêm Thị	Nhung	Nữ	04/10/2000	xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,50			Xã Việt Yên	
34	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	01/4/2000	phường Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,55			Xã Xuân Cẩm	
35	Triệu Thị Thúy	Phương	Nữ	24/9/1996	xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,16			Xã Hợp Thịnh	
36	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	30/07/2002	xã Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,63			Xã Xuân Cẩm	
37	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	10/10/1997	thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,21	DT	5	Xã Xuân Cẩm	Thạc sĩ Toán giải tích
38	Ứng Thị Thùy	Linh	Nữ	14/3/1995	Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,09			Xã Hoàng Vân	
39	Nguyễn Phương	Thùy	Nữ	13/10/2003	xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,91			Xã Hoàng Vân	
40	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	17/9/2000	xã Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,40			Xã Xuân Cẩm	
41	Đoàn Thế	Hải	Nam	26/01/2002	xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,63			Xã Hợp Thịnh	
42	Nguyễn Thị Phương	Thùy	Nữ	24/01/2001	xã Nhân Thắng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,63			Xã Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
43	Ngô Thị	Phương	Nữ	06/10/1997	phường Tam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,32			Xã Xuân Cẩm	
44	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	25/04/2001	xã Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,21			Xã Xuân Cẩm	
45	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	16/12/2001	xã Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,14			Xã Hợp Thịnh	
46	Tạ Thị	Hoài	Nữ	23/02/2001	xã Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,06			Xã Xuân Cẩm	
47	Nguyễn Thị	Sinh	Nữ	02/01/1994	xã Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá				Xã Xuân Cẩm	
48	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	06/11/2000	xã Lập Thạch, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Toán học	Khá	3,06			Xã Hợp Thịnh	CCSP
49	Trần Thị	Nghĩa	Nữ	23/06/1996	xã Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,08			Phường Vân Hà	Thạc sĩ Toán giải tích
50	Trần Thị	Tuyến	Nữ	26/5/1994	xã Thiên Lộc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,60			Xã Hợp Thịnh	
51	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	30/08/2002	phường Hạp Lĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,03			Xã Đồng Việt	
52	Trần Thị	Phương	Nữ	04/06/1991	phường Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	7,21			Xã Hoàng Vân	
53	Trần Thị	Nga	Nữ	16/01/2002	xã Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,57			Xã Hoàng Vân	
54	Nguyễn Thị Bảo	Dung	Nữ	01/01/2000	xã Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,47			Xã Hoàng Vân	
55	Hán Văn	Đại	Nam	14/12/1994	xã Trung Kênh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	3,15			Xã Xuân Cẩm	
56	Nguyễn Anh	Minh	Nam	02/01/2001	xã Tân Yên, Bắc Giang	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	2,88			Xã Mỹ Thái	
57	Vũ Thị	Miền	Nữ	15/09/1993	xã Đông Thái Ninh, Hưng Yên	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,26			Xã Hoàng Vân	
58	Nguyễn Thị	Lừng	Nữ	21/05/1998	xã Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,56			Xã Việt Yên	
59	Phạm Thị	Thoa	Nữ	02/06/1997	xã Vạn Xuân, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,80			Xã Xuân Cẩm	
60	Phùng Thị Thu	Huyền	Nữ	18/10/1998	xã Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,32			Xã Xuân Cẩm	Thạc sĩ Toán học
61	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	21/02/2001	xã Nhân Thắng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,23			Xã Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
62	Phan Thị	Dương	Nữ	22/11/1994	xã Phật Tích, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,06			Xã Xuân Cẩm	Thạc sĩ Toán học
63	Nghiêm Thị	Thơm	Nữ	07/11/1999	xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,33			Xã Hoàng Vân	Thạc sĩ SP Toán học
64	Đỗ Thị	Ngà	Nữ	02/05/1989	xã Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	7,53			Xã Hoàng Vân	
65	Phạm Tú	Uyên	Nữ	17/07/2000	phường Trí Quả, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,65			Xã Hoàng Vân	
66	Đào Thị	Hằng	Nữ	17/08/1997	xã Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,12			Xã Xuân Cẩm	Thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Toán
67	Nguyễn Thị Hồng	Hà	Nữ	15/03/1994	xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,66				
68	Bùi Thị	Yến	Nữ	20/10/1992	xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Phúc	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	2,95			Xã Hoàng Vân	
69	Trịnh Bá	Du	Nữ	15/11/1986	xã Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Toán- Cơ	TBK	6,33			Xã Mỹ Thái	
70	Dương Phương	Thu	Nữ	18/12/2002	xã Thư Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,22			Xã Hoàng Vân	
71	Lý Văn	Kinh	Nam	27/7/1994	xã Cao Thăng, Cao Bằng	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	2,91	DT	5	Xã Vân Hà	
72	Vũ Minh	Chiến	Nam	29/04/1998	phường Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,52			Xã Hoàng Vân	
73	Hoàng Thị Thùy	Trang	Nữ	25/5/1996	xã Hòa Lạc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,52			Xã Hoàng Vân	
74	Lê Thành	Đạt	Nam	28/7/2003	xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,02			Xã Hợp Thịnh	
75	Nguyễn Thị Quỳnh	Diệp	Nữ	30/03/2003	xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,21			Xã Hợp Thịnh	
76	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	10/7/2002	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,65			Phường Việt Yên	
77	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	01/10/2002	Xã Chi Lăng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,69			Xã Xuân Cẩm	
78	Phạm Dương	Hưng	Nam	23/10/2002	Phường Trung Giã, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,02				
79	Nguyễn Thị Sao	Mai	Nữ	04/10/2002	xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,94			Xã Hoàng Vân	
80	Vi Viết	Sử	Nam	30/6/1989	xã Tân Chi, Lạng Sơn	ĐH	CQ	SP Toán- Lý	Khá	2,52	DT	5	Xã Mỹ Thái	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
81	Nghiêm Thị	Hồng	Nữ	12/6/1999	xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,77			Xã Lạng Giang	
82	Lê Thị	Nhường	Nữ	23/6/1999	xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,50			Xã Xuân Cẩm	
83	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	15/09/1992	xã Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Toán học	Khá	2,64			Xã Xuân Cẩm	CCSP
84	Đào Thị Mai	Phượng	Nữ	25/07/1996	xã Nội Bài, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,30			Xã Hoàng Vân	
85	Dương Thị	Thả	Nữ	21/10/2000	xã Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,86			Xã Hoàng Vân	
86	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	10/08/2000	xã Liên Bão, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,81			Xã Hoàng Vân	
87	Ngô Thị Hồng	Duyên	Nữ	20/9/1992	xã Thư Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,61			Xã Hoàng Vân	
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 06													
1	Phạm Thị	Nga	Nữ	6/5/1996	Lập Thạch, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	3,06			Xã Hoàng Vân	
2	Dương Thị	Huyền	Nữ	26/01/2000	xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,96			Xã Hoàng Vân	
3	Dương Thị	Lan	Nữ	18/11/2001	xã Kha Sơn, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	3,07			Xã Việt Yên	
4	Đặng Thùy	Trang	Nữ	13/5/2003	xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,95			Xã Xuân Cẩm	
5	Trần Thị Kim	Chi	Nữ	31/7/2003	phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Giỏi	3,23			Xã Xuân Cẩm	
6	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	27/8/1992	xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	TB	2,48			Xã Xuân Cẩm	
	Giáo viên Hoá học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Thị Sông	Hương	Nữ	21/06/2000	phường Đông A, Ninh Bình	ĐH	CQ	SP Hóa học	Giỏi	3,39			Phường Việt Yên	
2	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	18/03/1993	xã Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,51			Xã Xuân Cẩm	
3	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	28/01/2000	xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Giỏi	3,33			Xã Việt Yên	Thạc sĩ Công nghệ Hóa học
4	Vũ Thị	Phượng	Nữ	28/04/1997	phường Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Giỏi	3,44			Xã Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 26													
1	Bùi Thị	Phương	Nữ	18/4/1994	xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,82			Xã Hợp Thịnh	
2	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	18/11/2002	xã Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,78			Xã Tân Dĩnh	
3	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	30/12/1994	xã Đông Phú, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	3,11			Xã Hợp Thịnh	
4	Vũ Thị	Liễu	Nữ	7/5/1991	xã Tam Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,86	DT	5	Xã Tự Lạn	
5	Nguyễn Khắc	Bính	Nam	04/06/1989	xã Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Sinh học	Giỏi	3,55			Xã Hợp Thịnh	
6	Lê Thị Phương	Nam	Nữ	02/5/1991	xã Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,98			Xã Hợp Thịnh	
7	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	19/02/2002	xã Yên Bình, Lào Cai	ĐH	CQ	SP Sinh học	XS	3,70			Xã Tiên Lục	
8	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	13/5/1995	phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Sinh học	TB	2,45			Xã Hợp Thịnh	
9	Ngô Thị Nhật	Linh	Nữ	17/8/2000	xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Giỏi	3,34				
10	Dương Khánh	Linh	Nữ	11/5/2002	xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,54			Xã Hợp Thịnh	GCNTN
11	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	22/7/2001	phường Vĩnh Yên, Phú Thọ	ĐH	CQ	SP Sinh học	Giỏi	3,53			Xã Hợp Thịnh	
12	Lê Thu	Diễn	Nữ	8/11/1994	xã Thiên Lộc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Sinh học	Giỏi	3,20			Xã Xuân Cẩm	
13	Hoàng Thị	Việt	Nữ	29/7/1991	xã Ba Bể, Bắc Kạn	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,57	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
14	Trần Thị	Nga	Nữ	2/8/1990	Cổ Đô, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	7,11			Xã Xuân Cẩm	
15	Trần Thị	Trinh	Nữ	12/10/1990	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sinh học	Giỏi	3,24			Xã Xuân Cẩm	
16	Ngô Bích	Hằng	Nữ	17/9/1994	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,69			Xã Xuân Cẩm	
17	Lương Cẩm	Tú	Nữ	19/7/2003	Kha Sơn, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	3,01			Xã Xuân Cẩm	
18	Phạm Ngọc	Quyên	Nữ	20/8/1993	Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh- Hóa	Khá	2,50			Xã Tự Lạn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
19	Mai Thị Thùy	Quang	Nữ	13/3/1993	Phù Lãng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,84			Xã Xuân Cẩm	
20	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	23/10/1996	Trung Thành, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Sinh học	Giỏi	3,36			Xã Hợp Thịnh	
21	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	12/3/1994	Đoan Bái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,76			Xã Xuân Cẩm	
22	Bùi Thị	Thảo	Nữ	05/6/1991	Quế Nham, Tân Yên	ĐH	CQ	SP Sinh học	Giỏi	3,37	DT	5	Xã Tân Dĩnh	
23	Nguyễn Đình	Hiệp	Nam	04/4/1993	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,64			Xã Hợp Thịnh	
24	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	06/12/1997	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,85			Xã Mỹ Thái	
25	Đinh Thị	Mai	Nữ	05/02/2001	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	3,08			Xã Lạng Giang	
26	Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	01/12/1990	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,86			Xã Xuân Cẩm	
	Giáo viên Công nghệ: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 02													
1	Nguyễn Văn	Hai	Nam	12/12/1989	Đào Mỹ, Lạng Giang	ĐH	CQ	SP Kỹ thuật NN	Khá	2,65			Xuân Cẩm	
3	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	15/10/2003	Ninh Giang, Ninh Bình	ĐH	CQ	SP Công nghệ	Khá	2,92			Nếnh	
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24/11/1996	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Tin học	Khá	2,67			Yên Thế	
2	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	01/8/1984	Đại Đồng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	CNTT	Khá	7,21			Hợp Thịnh	
3	Phạm Hoàng	Trung	Nam	05/7/2003	Yên Từ, Ninh Bình	ĐH	CQ	SP Tin học	Khá	2,52			Xuân Cẩm	
4	Trần Thị	Thủy	Nữ	03/4/1988	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	CNTT	TBK	6,92			Xuân Cẩm	
	Giáo viên Mỹ thuật: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 07													
1	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	Nữ	13/6/1991	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Khá	7,81			Xuân Cẩm	
2	Trần Văn	Mạnh	Nam	10/9/1989	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Khá	7,70			Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
3	Dương Thu	Hoài	Nữ	29/7/1993	Mai Trung, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Khá	2,62			Xuân Cẩm	
4	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	30/4/2002	Suối Hai, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Khá	2,91			Lục Ngạn	
5	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	14/3/1986	Giảng Võ, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Mỹ thuật	Khá	7,75			Xuân Cẩm	
6	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	21/10/1990	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Khá	7,20				
7	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	02/9/1993	Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Khá	7,47			Xuân Cẩm	
13	**XÃ XUÂN CẨM**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 12, đăng ký: 115													
1	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	13/11/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,14			phường Vân Hà	
2	Nguyễn Thị Thanh	Chúc	Nữ	23/6/2003	Xã Đa Phúc - Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,04			Xã Hợp Thịnh	
3	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	12/10/2004	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,75			Xã Hiệp Hòa	
4	Đặng Thị Thùy	Linh	Nữ	19/11/1992	Phường Khắc Niệm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,24			Xã Quang Trung	
5	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	05/5/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,15			Xã Mỹ Thái	
6	Đỗ Ngọc	Hân	Nữ	25/9/1988	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,58			Xã Hợp Thịnh	
7	Hà Thị	Huyền	Nữ	20/12/1995	Xã Yên Định - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,53			Xã Hiệp Hòa	
8	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	25/6/2004	Xã Yên Trung - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,36			Xã Hợp Thịnh	
9	Nguyễn Thu	Hường	Nữ	19/5/1999	Xã Phật Tích - Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,44			Xã Hiệp Hòa	
10	Ngọ Thị Thanh	Thương	Nữ	11/2/1998	Phường Vân Hà - Bắc Ninh	CĐ	CQ	SP Giáo dục mầm non	Giỏi	3,21			phường Vân Hà	
11	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	20/01/1987	Phường Nam Sơn - Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	TBK	6,91	TB	5	Xã Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
12	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	20/7/2002	Xã Lục Sơn - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,03			Xã Quang Trung	
13	Ngô Thùy	Linh	Nữ	01/10/1989	Xã Trung Giã - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,55			Xã Hợp Thịnh	
14	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	06/03/1998	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,97				
15	Nguyễn Thị	Tiền	Nữ	28/01/1984	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,85	TB	5	Xã Hợp Thịnh	
16	Hà Thị	Ngọt	Nữ	29/11/1988	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,11			Xã Hợp Thịnh	
17	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	20/04/2002	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,96			Xã Hiệp Hòa	
18	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	06/05/1993	Phường Kinh Bắc - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,35			Xã Hiệp Hòa	
19	Hoàng Kim Vỹ	Hằng	Nữ	02/10/2004	Phường Đa Mai - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,23			Xã Quang Trung	
20	Nguyễn Thị	Nghĩa	Nữ	17/05/1985	Phường Phù Khê - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,02			Xã Hiệp Hòa	
21	Đỗ Thị	Thúy	Nữ	30/06/1999	Xã Yên Trung - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,84			Xã Hiệp Hòa	
22	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	09/07/1997	Xã Văn Môn - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,88			Xã Hiệp Hòa	
23	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	29/07/1993	Xã Hiệp Hòa - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,06			Xã Hiệp Hòa	
24	Vi Thị	Nguyệt	Nữ	14/04/1991	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,34	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
25	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	09/11/1997	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	TBK	6,67			Xã Hiệp Hòa	
26	Phùng Thị Hồng	Ánh	Nữ	24/07/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,70			Xã Hiệp Hòa	
27	Hoàng Thị	Hòa	Nữ	03/03/2003	Xã Thiện Thuật - Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,38			Xã Hợp Thịnh	
28	Ngô Thị	Thinh	Nữ	10/8/2000	Phường Vân Hà - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,29			Xã Hợp Thịnh	
29	Trần Thị Thanh	Hường	Nữ	04/08/1993	Xã Trung Giã - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,06			Xã Hợp Thịnh	
30	Triệu Thị	Thoa	Nữ	02/07/2001	Xã Tây Yên Tử - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,14	DT	5	Mỹ Thái	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
31	Lê Thị	Thoan	Nữ	02/12/1983	Phường Nhân Hòa - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,23			Xã Hiệp Hòa	
32	Âu Mỹ	Hoa	Nữ	01/04/1997	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,94			Xã Hiệp Hòa	
33	Hoàng Thị	Oanh	Nữ	07/11/2002	Xã Sa Lý - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,43	DT	5	Xã Nghĩa Phương	
34	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	19/08/1998	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	SP Mầm non	Giỏi	3,66				
35	Nguyễn Thị	Thao	Nữ	29/04/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,57			Xã Hiệp Hòa	
36	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	14/09/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,55			Xã Hợp Thịnh	
37	Ngô Thị	Vân	Nữ	07/04/1991	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,03			Xã Hiệp Hòa	
38	La Thị	Nga	Nữ	01/01/1994	Xã Vân Sơn - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,03			Phường Chũ	
39	Ngô Thị Thùy	Trang	Nữ	01/08/1997	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non - Công nghệ	Khá	2,56			Xã Hiệp Hòa	
40	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	20/06/2003	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,40			Xã Hiệp Hòa	
41	Nguyễn Thị Hương	Lan	Nữ	28/10/2003	Xã Hiệp Hòa - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,59			Xã Hiệp Hòa	
42	Đồng Thị	Ngọc	Nữ	01/01/1993	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,67				
43	Hoàng Thị	Hoàn	Nữ	21/11/2002	Xã Gia Bình - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,49			Xã Hiệp Hòa	
44	Nông Thảo	Nga	Nữ	09/10/2002	Xã Sơn Động - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,59	DT	5	Xã Đông Phú	
45	Phạm Thị	Phương	Nữ	03/03/1988	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,46			Xã Hợp Thịnh	
46	Hoàng Thị Minh	Liễu	Nữ	10/06/1996	Xã Bằng Thành - Thái Nguyên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,86	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
47	Ngô Thị Nha	Trang	Nữ	29/06/1986	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,16			Xã Hợp Thịnh	
48	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	27/07/1995	Xã Quế Võ - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,36			Xã Hiệp Hòa	
49	Liễu Thị Thu	Hường	Nữ	14/02/1994	Xã Sóc Sơn - Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	TB	2,29	DT	5	Xã Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
50	Nguyễn Thị Hoa Thiên	Lý	Nữ	02/01/2001	Phường Tân Tiến - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,11			Xã Mỹ Thái	
51	Ngọc Thị	Dung	Nữ	18/02/1994	Xã Dương Hưu - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,88	DT	5	Xã Trường Sơn	
52	Lương Thị	Thu	Nữ	16/08/1987	Phường Yên Dũng - Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,43				
53	Đinh Thị	Nghĩa	Nữ	26/12/2002	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,96			Phường Tự Lạn	
54	Hoàng Thị Nguyệt	Hà	Nữ	04/11/1996	Xã Sơn Động - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,29			Xã Hiệp Hòa	
55	Vi Thị	Loan	Nữ	03/12/1994	Xã Sơn Động - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,44			Xã Hợp Thịnh	
56	Hoàng Thị	Dung	Nữ	20/05/2002	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,07				
57	Ngô Thị Hà	Trang	Nữ	14/09/2004	Xã Yên Trung - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,45			Xã Hợp Thịnh	
58	Bế Khánh	Linh	Nữ	08/09/1998	Xã Thiện Tân - Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,09	DT	5	Xã Quang Trung	
59	Tạ Thị	Hằng	Nữ	22/02/1991	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,14			Xã Hiệp Hòa	
60	Nguyễn Thị Thảo	Vân	Nữ	08/07/2003	Phường Từ Sơn - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,14			Xã Hiệp Hòa	
61	Chu Thị	Thuyên	Nữ	26/06/1992	Phường Sóc Sơn - Hà Nội	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,52			Xã Hợp Thịnh	
62	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	30/03/2003	Phường Tam Tiến - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,63			Xã Quang Trung	
63	Phùng Thị	Chiên	Nữ	15/01/2003	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,38			Xã Hiệp Hòa	
64	Nguyễn Thị	Như	Nữ	03/08/1998	Xã Đa Phúc - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,22			Xã Hợp Thịnh	
65	Cao Thị	Yến	Nữ	20/12/2003	Xã Lục Nam - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,29				
66	Đồng Thị	Lệ	Nữ	15/06/2003	Xã Hiệp Hòa - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,31			Xã Hiệp Hòa	
67	Phạm Thị	Hương	Nữ	23/09/1989	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,21			Xã Hợp Thịnh	
68	Hoàng Thị	Ngát	Nữ	23/11/2004	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,63			Xã Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
69	Phạm Thanh	Thủy	Nữ	10/02/2004	Phường Quế Võ - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,46			Xã Hợp Thịnh	
70	Trần Thị Mai	Sao	Nữ	28/06/1990	Xã Tam Giang - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,16			Xã Hiệp Hòa	
71	Ngọ Thị	Huyên	Nữ	27/01/1987	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,07				
72	Phạm Thị	Lịch	Nữ	27/05/1992	Xã Tân Yên - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,03			Xã Hiệp Hòa	
73	Vũ Thị Hải	Linh	Nữ	22/10/2001	Xã Lục Nam - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,55			Xã Hiệp Hòa	
74	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	19/12/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,45			Xã Hiệp Hòa	
75	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	05/12/2002	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,94			Xã Hiệp Hòa	
76	Nguyễn Thị A	Hoài	Nữ	19/01/2002	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,86			Xã Hiệp Hòa	
77	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	24/03/1983	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,98			Xã Hợp Thịnh	
78	Lê Thị Kim	Tuyến	Nữ	22/02/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,58				
79	Ngô Thị Thùy	Anh	Nữ	12/10/1995	Phường Bắc Giang - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,31			Xã Hiệp Hòa	
80	Vi Ngọc	Bích	Nữ	20/12/2004	Xã Sa Lý - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,61			Xã Phượng Sơn	
81	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	06/08/2000	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non - Tiếng Anh	Giỏi	3,28			Xã Hiệp Hòa	
82	Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	18/12/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,13			Xã Hiệp Hòa	
83	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	11/09/2002	Xã Gia Bình - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,96			Xã Hiệp Hòa	
84	Ngọc Thị Thu	Uyên	Nữ	04/04/1996	Xã An Lạc - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,01			Xã Hiệp Hòa	
85	Hoàng Thị	Lan	Nữ	25/09/1994	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,93			Xã Hiệp Hòa	
86	Phạm Ngọc	Diễm	Nữ	21/07/2001	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,65			Xã Hiệp Hòa	
87	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	04/10/1998	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	TB	2,48			Xã Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
88	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	09/10/1997	Xã Yên Trung - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,80			Xã Hiệp Hòa	
89	Nguyễn Thị	Luyên	Nữ	12/07/1993	Xã Nam Dương - Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,63				
90	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	18/12/1991	Phường Kinh Bắc - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,36			Phường Vân Hà	
91	La Thị	Thu	Nữ	13/09/1999	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,24				
92	Nghiêm Thị	Lý	Nữ	07/02/1999	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,68			Xã Hiệp Hòa	
93	Hoàng Thị	Thương	Nữ	08/12/1996	Xã Sóc Sơn - Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,07	DT	5		
94	Đinh Thị	Nguyệt	Nữ	08/03/1992	Xã Sơn Động - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,07	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
95	Lê Thị	Phượng	Nữ	11/03/1993	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	SP Giáo dục mầm non	Khá	3,01			Xã Hợp Thịnh	
96	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	12/08/1982	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	SP Giáo dục mầm non	Giỏi	3,29			Xã Hiệp Hòa	
97	Thành Thị Thủy	Tiên	Nữ	16/06/1994	Phường Chũ - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,60			Xã Phượng Sơn	
98	Hà Thị	Nhung	Nữ	24/03/1993	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,05				
99	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	12/02/1999	phường Phù Khê - Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,51			Phường Nếnh	
100	Ngô Phương	Linh	Nữ	15/02/2002	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,14			Xã Mỹ Thái	
101	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	20/08/2004	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,33			Xã Hiệp Hòa	
102	Hoàng Hương	Giang	Nữ	13/11/1999	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,09			Xã Hiệp Hòa	
103	Nguyễn Thị	Lam	Nữ	09/01/1999	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non - SP Âm	Giỏi	3,24			Xã Hiệp Hòa	
104	Trần Thị	Gái	Nữ	28/08/1988	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,90			Xã Hiệp Hòa	
105	Ngô Thị	Thương	Nữ	28/02/2002	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,09			Xã Hiệp Hòa	
106	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	Nữ	24/04/2004	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,97			Xã Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
107	Chu Thị	Chang	Nữ	15/10/1990	Phường Sóc Sơn - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,22			Xã Hiệp Hòa	
108	Đào Thị	Thao	Nữ	07/10/1987	Xã Hiệp Hòa - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	28,60			Xã Hiệp Hòa	
109	Hoàng Thị	Trang	Nữ	05/10/2004	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,35			Xã Hợp Thịnh	
110	Nguyễn Thị Bích	Loan	Nữ	06/10/2000	Xã Hiệp Hòa - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,64			Xã Hợp Thịnh	
111	Kiều Thị Thu	Nga	Nữ	07/05/1996	Phường Tùng Thiện - Hà Nội	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,87			Xã Quang Trung	
112	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	06/06/2003	Phường Bắc Giang - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,11			Xã Quang Trung	
113	Ngọ Thị	Hòa	Nữ	15/03/1989	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,96			Xã Hiệp Hòa	
114	Bùi Thị	Hồng	Nữ	09/11/1992	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,78			Xã Hiệp Hòa	
115	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	03/05/1990	Xã Nghĩa Phương - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,97			Xã Hợp Thịnh	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 23, đăng ký: 103													Đã trừ 01 chỉ tiêu NĐ 179
1	Lục Thị	Thanh	Nữ	09/02/1991	Xã Sơn Động - Băc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,26	DT	5	Phường Nếnh	
2	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	13/02/1998	Gia Bình - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,84			Phường Nếnh	
3	Lê Thị	Chuyên	Nữ	26/06/2001	Yên Phong - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,96			Xã Hiệp Hòa	
4	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	06/08/2003	Xã Hoàng Vân - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,15			Xã Hiệp Hòa	
5	Nguyễn Ngọc	Cúc	Nữ	28/12/2002	Phường Sóc Sơn - Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,46			Xã Hợp Thịnh	
6	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	16/11/1996	Phường Sóc Sơn - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,33			Xã Hiệp Hòa	
7	Chu Thị Thanh	Huyền	Nữ	18/07/2002	Xã Hiền Quang - Phú Thọ	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,26			Xã Hiệp Hòa	
8	Trần Minh	Thúy	Nữ	25/08/2003	Xã Hiệp Hòa - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Phường Việt Yên	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
9	Vy Hồng	Chuyên	Nữ	17/08/1996	Xã Yên Phúc - Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25	DT	5	Phường Nếnh	
10	Nông Thị	Ánh	Nữ	11/10/1990	Xã Quảng Bạch - Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,35	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
11	Giáp Ngọc	Liên	Nữ	16/12/2003	Phường Chũ - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23			Phường Vân Hà	
12	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	11/6/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,06			Xã Hiệp Hòa	
13	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	02/10/1995	Phường Đa Phúc - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,37			Xã Hiệp Hòa	
14	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	22/07/2002	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,31			Phường Vân Hà	
15	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	02/10/2003	Phường Sóc Sơn - Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,83			Xã Hiệp Hòa	
16	Cao Phương	Linh	Nữ	03/11/2002	Xã Tam Nông - Phú Thọ	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,52			Phường Vân Hà	
17	Lê Hồng	Hạnh	Nữ	20/02/2003	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Xã Hiệp Hòa	
18	Dương Thị	Thảo	Nữ	20/12/1992	Xã Trại Cau - Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,28			Xã Hiệp Hòa	
19	Nguyễn Quỳnh	Dương	Nữ	15/02/2003	Xã Nghĩa Phương - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	TB	2,32			Xã Nghĩa Phương	
20	Trương Thị	Điểm	Nữ	15/11/1994	Xã Phúc Thịnh - Hà Nội	ĐH	LT	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,44			Xã Hiệp Hòa	
21	Nguyễn Thị	Trình	Nữ	24/01/1997	Xã Yên Bình - Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25	DT	5	Xã Bảo Đài	
22	Lê Thị	Hồng	Nữ	03/09/2000	Xã Tam Giang - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Xã Hiệp Hòa	
23	Đặng Thị	Mơ	Nữ	26/05/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,80			Xã Hiệp Hòa	
24	Vũ Hồng	Liên	Nữ	03/12/2003	Xã Yên Thế - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,85	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
25	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	28/09/2002	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,44			Xã Hiệp Hòa	
26	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	10/03/1990	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	7,09			Xã Hiệp Hòa	
27	Vũ Thị Trang	Nhung	Nữ	03/11/2003	Xã Lục Ngạn - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,19			Phường Tự Lạn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
28	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	25/11/2003	Xã Đa Phúc - Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,44			Xã Hiệp Hòa	
29	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	22/05/2000	Xã Tam Giang - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,08			Xã Hiệp Hòa	
30	Đinh Thị	Mến	Nữ	01/09/1996	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,00			Xã Kép	
31	Lê Thị Hồng	Hiệp	Nữ	20/05/2003	Xã Hợp Thịnh - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,22			Xã Hợp Thịnh	
32	Ngô Thị Thùy	Dung	Nữ	28/08/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,08			Xã Hiệp Hòa	
33	Ngô Thị	Hằng	Nữ	18/06/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,21			Xã Hiệp Hòa	
34	Nguyễn Thị	Luyện	Nữ	12/06/1996	Phường Mê Linh - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,21				
35	Trần Thị	Mơ	Nữ	08/06/1992	Xã Trung Giã - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,42			Xã Hợp Thịnh	
36	Trần Hà	Mi	Nữ	16/10/1999	Xã Sóc Sơn - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,26			Xã Hiệp Hòa	
37	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	18/04/1996	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25				
38	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	11/09/1996	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Xã Hiệp Hòa	
39	Vũ Thị	Luận	Nữ	10/03/2001	Xã Tân Yên - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,14			Phường Tự Lạn	
40	Luân Hoài	Phương	Nữ	25/12/2003	Xã Võ Nhai - Thái Nguyên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,16	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
41	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	24/10/2003	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,24			Xã Hiệp Hòa	
42	Nguyễn Ngọc	Lan	Nữ	20/09/2000	Phường Phù Khê - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,33			Phường Nếnh	
43	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	11/02/2000	Xã Văn Môn - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,42			Xã Hiệp Hòa	
44	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	04/07/2001	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,46			Xã Hiệp Hòa	
45	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	22/11/2000	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,32			Xã Hiệp Hòa	
46	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	15/11/2000	Xã Sóc Sơn - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Xã Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
47	Ngô Thị Thu	Hà	Nữ	04/07/2003	Xã Yên Trung - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,45			Xã Hiệp Hòa	
48	Chu Thị	Ngọc	Nữ	28/04/2001	Sơn Tây - Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,58			Phường Vân Hà	
49	Ngô Minh	Tâm	Nữ	03/04/1997	Xã Hợp Thịnh - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,28			Xã Hoàng Vân	
50	Trần Thị Thu	Phương	Nữ	14/08/2001	Xã Tam Giang - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,17			Xã Hiệp Hòa	
51	Chu Thị	Mơ	Nữ	04/11/1997	Xã Đa Phúc - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,11			Xã Hiệp Hòa	
52	Cao Thị	Thảo	Nữ	10/10/2000	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,32			Xã Hiệp Hòa	
53	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	17/10/1998	Xã Trung Giã - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,01			Xã Hiệp Hòa	
54	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/12/1997	Phường Tam Sơn - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,15			Phường Vân Hà	
55	Ngô Thùy	Trang	Nữ	06/07/2002	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,87			Xã Hiệp Hòa	
56	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	10/09/2002	Xã Hợp Thịnh - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,15			Xã Hợp Thịnh	
57	Trương Ngọc	Uyên	Nữ	08/12/2000	Phường Phù Khê - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,35			Phường Nếnh	
58	Đặng Hoàng	Hiệp	Nam	16/04/2001	Xã Yên Thế - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,96			Phường Nếnh	
59	Trần Thị Minh	Thúy	Nữ	24/3/1996	Phường Đồng Nguyên - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,13			Xã Hiệp Hòa	
60	Trần Thị	Hà	Nữ	13/01/2003	Xã Yên Thế - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,34			Phường Tiền Phong	
61	Nguyễn Thị Diệu	Hương	Nữ	06/02/2001	Phường Phù Khê - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,20			Phường Nếnh	
62	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	30/04/1993	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Xã Hợp Thịnh	
63	Nông Thị	Oanh	Nữ	18/09/2003	Xã Xuân Lương - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,11	DT	5	Xã Quang Trung	
64	Đàm Thị	Xuân	Nữ	30/10/1994	Xã Lâm Thao - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,01			Phường Vân Hà	
65	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	02/10/1999	Phường Phượng Sơn - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,56			Xã Kiên Lao	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
66	Ngô Thị	Trang	Nữ	21/10/2003	Phường Tam Sơn - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Phường Vân Hà	
67	Ngô Thị Hồng	Nhung	Nữ	30/06/1996	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,21			Xã Hợp Thịnh	
68	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	06/02/2003	Xã Bình Xuyên - Phú Thọ	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,01			Xã Hợp Thịnh	
69	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	10/01/2001	Phường Phù Khê - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Xã Hiệp Hòa	
70	Triệu Hương	Trầm	Nữ	07/09/2002	Xã Yên Thế - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	XS	3,63	DT	5	Xã Quang Trung	
71	Lê Thị	Thu	Nữ	21/10/2002	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,27			Xã Hiệp Hòa	
72	Nguyễn Thị	Lưu	Nữ	24/11/2000	Phường Sóc Sơn - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Xã Hiệp Hòa	
73	Dương Ngọc	Duyên	Nữ	18/09/1998	Phường Chũ - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,19			Xã Bảo Đài	
74	Nguyễn Thị	Như	Nữ	11/12/1993	Xã Yên Thế - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Xã Hiệp Hòa	
75	Hà Thị Diệu	Linh	Nữ	02/08/1998	Phường Trung Giã - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Xã Hiệp Hòa	
76	Nguyễn Thị Trang	Tân	Nữ	07/11/1993	Xã Phúc Thịnh - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,43			Xã Hiệp Hòa	
77	Nghiêm Thị	Định	Nữ	20/06/2002	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,12			Xã Hiệp Hòa	
78	Phạm Thị	Thảo	Nữ	08/12/1997	Xã Tam Giang - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	XS	3,68			Xã Hiệp Hòa	
79	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	19/02/2001	Phường Hạc Lĩnh - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,86			Xã Bảo Đài	
80	Ngô Thị	Ánh	Nữ	23/04/1994	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,09			Xã Hiệp Hòa	
81	Nguyễn Thanh	Nga	Nữ	28/06/2000	Phường Phù Khê - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Phường Nếnh	
82	Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	07/03/1995	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,98				
83	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	13/07/1991	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Xã Hiệp Hòa	
84	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	21/02/2001	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,31			Xã Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
85	Dương Thị Mai	Hạnh	Nữ	01/04/2003	Xã Cao Dương - Phú Thọ	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	TB	2,20	DT	5	Xã Bảo Đài	
86	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	05/08/1998	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,10			Xã Hiệp Hòa	
87	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	10/03/1995	Xã Tiên Du - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,55			Xã Hiệp Hòa	
88	Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	23/12/1999	Xã Bình Minh - Ninh Bình	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,91			Xã Hiệp Hòa	
89	Văn Thị	Chang	Nữ	04/03/2001	Xã Tiên Du - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,05			Xã Hiệp Hòa	
90	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	04/04/1998	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,40			Xã Hiệp Hòa	
91	Nguyễn Thị Bình	Minh	Nữ	19/05/2001	Xã Trung Giã - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,14			Xã Hiệp Hòa	
92	Phan Thị Thùy	Trang	Nữ	25/08/2000	Xã Lục Ngạn - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,24	DT	5	Phường Vân Hà	
93	Vũ Thị	Tuyết	Nữ	22/07/1995	Xã Hợp Thịnh - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,78			Xã Hợp Thịnh	
94	Hoàng Thanh	Hiền	Nữ	22/02/2000	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,38			Xã Hiệp Hòa	
95	Nghiêm Thị	Nhã	Nữ	30/09/1992	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,15			Xã Hiệp Hòa	
96	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	29/06/2003	Xã Xuân Lương - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,95	DT	5	Xã Phúc Hòa	
97	Trịnh Thị	Lệ	Nữ	23/11/1990	Xã Sóc Sơn - Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,35			Xã Hiệp Hòa	
98	Lê Hải	Yến	Nữ	21/11/1996	Phường Việt Yên - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18			Xã Cảnh Thụy	
99	Phạm Thị	Hoa	Nữ	12/06/1994	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,34			Xã Hiệp Hòa	
100	Ngô Thị	Thành	Nữ	21/02/2001	Xã Đại Sơn - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,26	DT	5	Phường Tiền Phong	
101	Ngô Thị	Hường	Nữ	11/08/2000	Xã Tam Giang - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	XS	3,88			Xã Hiệp Hòa	
102	Đỗ Thị Ánh	Quyên	Nữ	18/11/1994	Xã Xuân Lương - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,95			Phường Tân An	
103	Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	05/9/1995	Đông Anh, Hà Nội	ĐH	VLVH	GD Tiểu học	Khá	3,17			Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Hà Cẩm	Chi	Nữ	01/01/2003	Xã Côn Minh - Thái Nguyên	ĐH	CQ	Sư phạm Tin học	Khá	2,60			Xã Nam Dương	
2	Hoàng Thị	Ngân	Nữ	08/12/1994	Vĩnh Tường, Phú Thọ	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	Khá	7,21			Tân An	CCSP
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 19													
1	Nguyễn Tiến	Trung	Nam	08/06/1999	Xã Tiên Du - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,75			Xã Bảo Đài	
2	Chu Thị Bích	Phương	Nữ	25/08/1999	Xã Hiệp Hòa - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,96			Xã Phượng Sơn	
3	Kiều Thị Thùy	Trang	Nữ	19/05/2001	Xã Tam Giang - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,33			Xã Tiên Lục	
4	Lưu Thị	Quyên	Nữ	17/03/2001	Xã Trung Giã - Hà Nội	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,63			Xã Lạng Giang	CCSP
5	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	09/03/2001	Phường Vân Trung - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,76			Xã Kép	
6	Ngô Thị Minh	Thúy	Nữ	13/01/2000	Xã Từ Sơn - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	TB	2,36			Xã Tiên Lục	
7	Thân Thị	Hiếu	Nữ	14/10/1995	Phường Nếnh - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,64			Xã Tiên Lục	
8	Trần Thị	Thảo	Nữ	24/01/2001	Xã Hợp Thịnh - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,84				CCSP
9	Hồ Thị	Nga	Nữ	20/06/1986	Xã Trung Giã - Hà Nội	ĐH	VLVH	Tiếng Anh sư phạm	Khá	7,00				
10	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	Nữ	17/12/1999	Phường Nam Sơn - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,55			Xã Tiên Lục	
11	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	18/07/2000	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,81				
12	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	02/05/1997	Xã Yên Trung - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,03			Xã Tiên Lục	
13	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	01/10/2002	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,77			Xã Kép	
14	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	01/02/2000	Xã Tam Đa - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,90				
15	Ngô Thị	Linh	Nữ	15/06/1997	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,03			Xã Tiên Lục	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
16	Hoàng Thị	Nga	Nữ	10/11/1996	Xã Sóc Sơn - Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,45			Xã Tiên Lục	
17	Lê Thị	Lý	Nữ	12/10/1997	Phường Việt Yên - Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,06			Xã Kép	
18	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	02/11/1999	Xã Xuân Cẩm - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,53				CCSP
19	Trần Thị	Duyên	Nữ	26/02/1999	Xã Yên Phong - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,50				
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 33													
1	Nguyễn Phúc Quỳnh	Anh	Nữ	02/06/2001	Dược Thượng, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,14			Xã Hiệp Hòa	
2	Ngô Hoàng	Minh	Nữ	09/03/2000	Xã Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,81			Xã Hiệp Hòa	
3	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	15/08/1995	Xã Đa Phúc, TP Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Ngữ văn	Giỏi	3,43			Xã Hợp Thịnh	
4	Đinh Thị	Duyên	Nữ	20/09/1991	Xã Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,78			Xã Hiệp Hòa	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	09/08/1994	Yên Lãng, Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ văn	Giỏi	3,20			Xã Hợp Thịnh	
6	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	01/06/2003	Xã Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,96			Xã Hiệp Hòa	
7	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	16/10/1992	Thụy Hòa, Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Văn - Sử	Khá	2,85			Xã Hợp Thịnh	
8	Nguyễn Thị Minh	Khanh	Nữ	14/05/2002	Xã Đa Phúc, TP Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,16			Xã Hợp Thịnh	
9	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	Nữ	12/06/1992	Xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,49			UBND xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang	
10	Ngô Hồng	Thắm	Nữ	01/7/1999	Xã Văn Môn, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ văn	Khá	2,95			UBND xã Hiệp Hòa	
11	Đinh Thị	Thủy	Nữ	18/09/1996	Xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,63			UBND xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp	
12	Ngô Ngọc	Anh	Nữ	29/11/2003	Xã Thư Lâm, TP Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,05			Xã Hợp Thinh, huyện Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
13	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	02/12/2002	Chùa Dận, Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,27			Hiệp Hòa	
14	Trần Thị	Khánh	Nữ	20/02/1985	Khám Lạng, Lục Nam, Bắc Giang	ĐH	CQ	Ngữ văn	TBK	6,87			Xã Bảo Đài, Lục Nam	CCSP
15	Ngọ Thị Mỹ	Uyên	Nữ	19/05/2002	Xã Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,40			Xã Hiệp Hòa	
16	Ngô Thị	Mai	Nữ	19/11/2003	Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,07			UBND xã Hiệp Hòa	
17	Nguyễn Kiều	Trang	Nữ	31/01/2001	Xã Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,30			Vân Hà, thị xã Việt Yên	
18	Ngô Thị	Trang	Nữ	05/05/1993	Hương Lâm, Hiệp Hòa, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Văn - Sử	Khá	2,75			Xã Hiệp Hòa	
19	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	09/07/2003	Phường Đồng Nguyên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,08			UBND xã Tự Lạn, thị xã Việt Yên	
20	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	17/10/1994	Xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,25			Xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	
21	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	07/05/2002	Khu phố 3 Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, tỉnh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,04			Xã Hiệp Hòa	
22	Ngô Thị	Hiền	Nữ	14/08/1991	Xuân Dục, xã Sóc Sơn, TP Hà Nội	ĐH	CQ	SP Văn - Sử	Khá	2,76			Xã Hiệp Hòa	
23	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	08/11/2003	Thôn Trung Bạn, xã Văn môn, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,96			Xã Hiệp Hòa	
24	Lê Thị	Huyền	Nữ	12/02/1999	Xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,41			Hiệp Hòa	
25	Đinh Thị	Hoa	Nữ	23/08/1998	Thôn Đông Trước, xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,96			Xã Hợp Thịnh	
26	Trần Lan	Anh	Nữ	16/06/2002	Xã Yên Phụ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,87			Xã Hoàng Vân	
27	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	14/11/2000	Thôn Lai Cách, xã Đa Phúc, TP Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,31			Xã Hoàng Vân	
28	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	08/10/1989	Quế Nham, Tân Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	Ngữ văn	Khá	2,88			Xã Hợp Thịnh	Có CCNVSP
29	Nguyễn Thị	Hạ	Nữ	08/05/1992	Bắc Lý, Hiệp Hòa, Bắc Giang	ĐH	CQ	Văn học	Khá	2,89			Xã Hiệp Hòa	Có CCNVSP
30	Lê Thị Mỹ Thúy	Hường	Nữ	23/12/1986	Sóc Sơn, TP Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Ngữ văn	TBK	6,78	CTB	5	Xã Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
31	Dương Thị Kiều	Ninh	Nữ	03/01/2003	Thôn An Ninh, xã Văn Môn, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,13			Xã Hiệp Hòa	
32	Cao Thị Phương	Anh	Nữ	11/12/2002	Xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, TP Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,90			Xã Hiệp Hòa	
33	Trần Thị	Hường	Nữ	17/05/1987	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngữ văn	Khá	7,04			Xã Hợp Thịnh	Có CCNVSP
	Giáo viên Lịch sử: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 03													
1	Đoàn Thị	Hương	Nữ	24/12/1998	Thôn Tê, xã Mỹ Thái, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,55			Xã Hợp Thịnh	
2	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	17/06/1992	Mai Hạ, Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,52			Xã Hợp Thịnh	
3	Hoàng Khánh	Huân	Nam	12/07/2002	Thôn Đông A, xã Yên Phúc, tỉnh Lạng Sơn	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,83	DT	5	Phường Nếnh	
	Giáo viên Địa lý: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Thị	Mùi	Nữ	22/01/1995	Kiên Thành, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,89	DT	5	Xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang	
2	Hoàng Ngọc	Mơ	Nữ	22/08/2001	Phường Gia Sàng, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,67	DT	5	UBND xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp	
3	Hoàng Thị	Thủy	Nữ	17/04/1995	Lại Tân, Đèo Gia, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,94	DT	5	Xã Tự Lạn, Bắc Ninh	
4	Nguyễn Thị	Hiền`	Nữ	05/11/2002	Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Địa lý	Giỏi	3,21			Xã Hiệp Hòa	
	Giáo viên GDCD: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 02													
1	Hoàng Thị	Liễu	Nữ	09/02/2002	Xóm Bản Xà, xã Quang Long, tỉnh Cao Bằng	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	Khá	2,75	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
2	Vi Thị	Vân	Nữ	30/12/2002	Bản Đền Hồng, xã Đồng Kỳ, tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	Khá	3,11	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 05, đăng ký: 54													
1	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	21/06/1995	Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng anh	Giỏi	3,33			Phường Vân Hà	
2	Ngọ Thị	Tâm	Nữ	08/02/2001	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,00			Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
3	Đàm Thị Thanh	Huyền	Nữ	25/10/2003	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,24			Hiệp Hòa	
4	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	25/08/1999	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,51			Việt Yên	
5	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	23/10/2003	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,93			Hợp Thịnh	
6	Phạm Mai	Hoa	Nữ	24/09/2002	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ anh	Giỏi	3,34			Việt Yên	CCSP
7	Nguyễn Diệu	Thúy	Nữ	27/10/2001	Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,27			Hoàng Vân	
8	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	19/03/1998	Sóc Sơn, TP Hà Nội	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,52			Hiệp Hòa	Thạc sĩ LL và PP dạy học môn Tiếng
9	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	02/01/2003	Đồng Nguyên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,17			Vân Hà	
10	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	24/02/2002	Kiều Phú, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,86			Hoàng Vân	
11	Nguyễn Hồng	An	Nữ	11/12/2000	Trung Giã, Hà Nội	ĐH	CQ	Ngôn ngữ anh	Khá	3,09			Hợp Thịnh	CCSP
12	Đồng Thị Minh	Thu	Nữ	22/11/1999	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ anh	Khá	2,98			Hợp Thịnh	CCSP
13	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	07/06/2003	Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,93			Hợp Thịnh	
14	Hoàng Thị Thảo	Lan	Nữ	14/08/2002	Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,71			Hợp Thịnh	
15	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	07/02/2002	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,45			Hiệp Hòa	
16	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	04/06/1999	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,06			Kép	
17	Lê Thị	Lan	Nữ	12/11/2002	Nam Dương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,43			Trường Sơn	
18	Hoàng Như	Quỳnh	Nữ	26/04/2002	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,93			Hợp Thịnh	
19	Lê Thị	Hòa	Nữ	02/07/2003	Đông Phú, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,21			Tự Lạn	
20	Giáp Thị Tuyết	Mai	Nữ	28/12/2000	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng anh	Khá	3,05			Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
21	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	05/06/1997	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng anh	Giỏi	3,43			Hiệp Hòa	
22	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	Nữ	05/02/1997	Sóc Sơn, TP Hà Nội	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,07			Hợp Thịnh	
23	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	26/02/2002	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,02			Hợp Thịnh	
24	Nguyễn Yến	Phương	Nữ	12/06/1999	Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng anh	Khá	2,82			Hợp Thịnh	
25	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	15/05/1981	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	TC	SP Tiếng anh	Khá	7,50			Hợp Thịnh	
26	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	Nữ	18/09/1999	Ninh Xá, Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ anh	Khá	2,96			Việt Yên	
27	Ngô Thị	Hà	Nữ	16/11/2003	Hương Lâm, Hiệp Hòa, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,04			Hợp Thịnh	
28	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	26/09/2003	Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,93			Hợp Thịnh	
29	Nghiêm Thị Thúy	Hân	Nữ	05/07/2000	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,51			Hiệp Hòa	
30	Cao Thị Yến	Như	Nữ	17/03/1999	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,91				
31	Đào Thị	Dịu	Nữ	27/12/1997	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	TX	Ngôn ngữ anh	Giỏi	3,34			Tiên Lục	
32	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	10/10/1999	Bồng Lai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ anh	Khá	2,52			Tự Lạn	
33	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	18/12/2002	Phù Lãng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3.12			Hợp Thịnh	
34	Đặng Thị	Được	Nữ	14/05/1995	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	VLVH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,78	DT	5	Hợp Thịnh	
35	La Thị	Hương	Nữ	23/11/1997	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ anh	Khá	2,70			Hoàng Vân	
36	Đào Minh	Huệ	Nữ	01/09/2001	Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,38			Hiệp Hòa	
37	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	20/08/1993	Sóc Sơn, TP Hà Nội	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,75			Hợp Thịnh	
38	Chu Ngọc	Mỹ	Nữ	29/05/2003	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,05			Trường Sơn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
39	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	17/06/2000	Sóc Sơn, TP Hà Nội	ĐH	CQ	Ngôn ngữ anh	Giỏi	3,29			Hợp Thịnh	
40	Vũ Thị Thanh	Hương	Nữ	09/07/2000	Ninh Xá, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,96			Hợp Thịnh	
41	Nguyễn Thị	Dương	Nữ	28/09/2000	Sóc Sơn, TP Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Tiếng anh	Khá	2,82			Hợp Thịnh	
42	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	15/05/2000	Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,09			Việt Yên	
43	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	03/08/2001	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng anh	Khá	2,92			Hợp Thịnh	
44	Nguyễn Thị Xuân	Dung	Nữ	16/05/1994	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ anh	Khá	2,94			Hợp Thịnh	Có CCNVSP
45	Trần Thanh	Huyền	Nữ	10/11/2000	Bích Động, Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,56			Hợp Thịnh	
46	Phùng Thị	Huyền	Nữ	06/04/1997	Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng anh	Giỏi	3,43			Nếnh	
47	Chung Thị Khánh	Ly	Nữ	13/09/1996	Hương Lâm, Hiệp Hòa, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,81			Hợp Thịnh	
48	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	10/12/2003	Đào Viên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,41			Hợp Thịnh	
49	Ngô Thị Thúy	Hằng	Nữ	10/12/2002	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,73			Hoàng Vân	
50	Phạm Cao Mai	Lan	Nữ	04/10/2003	Kim Sơn, Ninh Bình	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,90			Hợp Thịnh	
51	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	18/12/1996	Thắng, Hiệp Hòa	ĐH	VLVH	SP Tiếng anh	Giỏi	3,40			Hợp Thịnh	
52	Nguyễn Thị Mai	Thùy	Nữ	06/08/2001	Bích Động, Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,93			Việt Yên	
53	Lê Thị	Nhài	Nữ	27/07/2000	Bắc Lý, Hiệp Hòa, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,48			Hiệp Hòa	Thạc sĩ LL và PP dạy học môn Tiếng
54	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	01/11/1999	Trí Quả, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,34			Tự Lạn	
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 41													
1	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	16/12/2001	Xã Thư Lâm, TP Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,79			Xã Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Mẫn Thị	Yến	Nữ	26/10/2002	Xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,21			Xã Hiệp Hòa	
3	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	22/11/2000	Phường Tam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,96			Xã Hợp Thịnh	
4	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	21/3/2003	Châu Minh, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,74			Xã Hiệp Hòa	
5	Ngô Thị	Tình	Nữ	08/5/1994	Xã Thư Lâm, TP Hà Nội	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	Khá	3,17			Xã Hợp Thịnh	
6	Ngô Thị	Lan	Nữ	13/11/1990	Xã Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	Khá	7,96			Xã Hiệp Hòa	
7	Nguyễn Thị	Hải	Nữ	11/08/1998	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	3,05			Xã Hợp Thịnh	
8	Nguyễn Cao	Khánh	Nam	07/5/1998	Đông Anh, Hà Nội	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,43			Phường Việt Yên	
9	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	19/10/1992	Xã Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Toán học	Khá	2,76			Xã Hiệp Hòa	Có CCNVSP
10	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	08/3/2001	Xã Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,85			Xã Hiệp Hòa	
11	Dương Thanh	Thủy	Nữ	07/10/2002	Phường Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	3,04			Xã Hợp Thịnh	
12	Đàm Thị Thu	Phượng	Nữ	27/9/2002	Phường Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,31			Xã Hiệp Hòa	
13	Nguyễn Chí	Thành	Nữ	10/02/1999	Xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	TB	2,40			Xã Hợp Thịnh	
14	Nguyễn Thị	May	Nữ	05/6/1999	Xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,38			Xã Vân Hà	
15	Chu Thị	Hiền	Nữ	25/02/1998	Phường Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,28			Xã Tân Dĩnh	
16	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	18/02/1999	Xã Văn Môn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,62			Xã Hiệp Hòa	Thạc sĩ LL và PP dạy học môn Toán
17	Đàm Thị	Linh	Nữ	17/11/2000	Phường Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	3,01			Xã Hoàng Vân	
18	Nguyễn Thị	Thảnh	Nữ	18/11/2003	Phường Trí Quả, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,57			Xã Hợp Thịnh	
19	Đặng Thị	Nga	Nữ	22/6/1993	Xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,58			Xã Hiệp Hòa	Thạc sĩ Toán học

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
20	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	13/12/2003	Xã Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,22			Xã Kép	
21	Phạm Đại	Dương	Nam	24/01/1995	Xã Hương Lâm, Hiệp Hòa	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,35			Xã Hiệp Hòa	
22	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	26/3/1998	Phường Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,51			Phường Việt Yên	
23	Hoàng Thị	Thu	Nữ	05/9/2001	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	3,01			Phường Vân Hà	
24	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	27/4/2001	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,96			Xã Hiệp Hòa	
25	Lê Thị Hải	Yến	Nữ	17/10/2001	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,99			Xã Hiệp Hòa	
26	Vũ Thị Thu	Hoài	Nữ	06/7/2000	Phường Mão Điền, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,86			Xã Hợp Thịnh	
27	Trần Thị	Hoan	Nữ	07/01/1994	Xã Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,77			Xã Hiệp Hòa	
28	Trần Thị	Ngân	Nữ	15/6/2002	Trung Giã, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,78			Xã Hoàng Vân	
29	Phạm Thị	Lương	Nữ	16/7/1994	Hưng Hà, Thái Bình	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	Khá	3,04				
30	Trịnh Thị	Yến	Nữ	08/12/1999	Xã Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	3,19			Xã Hoàng Vân	
31	Ngô Thị Hoài	Ngọc	Nữ	08/01/1998	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,40				Thạc sĩ Toán giải tích
32	Ngô Thị Hoài	Anh	Nữ	18/3/2003	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,73			Xã Hợp Thịnh	
33	Vũ Thị Kim	Thu	Nữ	01/12/1999	Phường Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,49			Phường Nếnh	
34	Trần Thanh	Ngọc	Nữ	13/01/1997	Xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,32			Xã Hiệp Hòa	
35	Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	15/11/1999	Xã Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,53			Xã Hiệp Hòa	
36	Nguyễn Thị Hiền	Giang	Nữ	30/12/2003	Xã Văn Môn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,95			Xã Hiệp Hòa	
37	Trương Thị Thùy	Linh	Nữ	23/02/2001	Phường Trí Quả, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,90			Phường Việt Yên	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
38	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	09/10/2002	Xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,21			Xã Hiệp Hòa	
39	Lê Quang	Hiệp	Nam	13/01/1997	Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	TB	2,37			Xã Hoàng Vân	
40	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	24/02/1999	Xã Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	Khá	3,17			Xã Hiệp Hòa	
41	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	Nữ	18/11/1999	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	TB	2,32			Xã Lạng Giang	
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Vũ Thị	Thúy	Nữ	13/09/2002	Hoàng Thanh, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,89			Nếnh	
2	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	04/10/2000	Tiến Thắng, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Vật lý	Giỏi	3,32			Hiệp Hòa	
	Giáo viên Hoá học: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 33													
1	Ngô Thành	Cương	Nam	18/04/1995	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	TB	2,45			Xã Hợp Thịnh	
2	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	31/08/1996	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Hóa học	KHá	2,81			Xã Biên Sơn	
3	Hoàng Anh	Quân	Nam	30/07/2003	Hợp Thịnh, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	SP Hóa học	Giỏi	3,51			Xã Hợp Thịnh	
4	Nguyễn Hà Lan	Anh	Nữ	21/09/1999	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,75			Xã Hợp Thịnh	
5	Đỗ Thị	Trang	Nữ	10/07/1997	Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,52			Xã Hoàng Vân	
6	Thân Thị Minh	Phương	Nữ	14/08/2002	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	3,25			Phường Tự Lạn	
7	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	03/01/1998	Hạp Lĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	XS	3,83			Xã Hiệp Hòa	Thạc sĩ LL và PP dạy học môn Hóa
8	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	25/06/2003	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	XS	3,71			Phường Tự Lạn	
9	Nguyễn Thị	Chi	Nữ	21/11/1984	Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	7,86			Xã Việt Yên	
10	Lương Mạnh	Cường	Nam	14/02/1988	Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Hóa học	Khá	7,10			Xã Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
11	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	31/03/1996	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Hóa học	Giỏi	3,26			Xã Hợp Thịnh	
12	Trần Thị	Lựu	Nữ	27/04/1987	Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Cử nhân Hóa học	Khá	6,24			Xã Hoàng Vân	Có CCNVSP
13	Trịnh Thị	Hà	Nữ	13/06/1994	Phù Đổng, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Hóa học	Giỏi	3,26				
14	Trần Thanh	Hương	Nữ	21/03/1999	Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,65			Xã Hoàng Vân	
15	Nguyễn Văn	Bích	Nam	23/01/1986	Nguyệt Đức, Phú Thọ	ĐH	CQ	Cử nhân Hóa học	TBK	6,57			Xã Hợp Thịnh	Thạc sĩ Kỹ thuật hóa học (có CCNVSP)
16	N guyễn Thảo	Huyền	Nữ	04/04/2003	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,90			Xã Hiệp Hòa	
17	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	09/09/1997	Đông Cứu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	TB	2,18			Phường Việt Yên	
18	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	03/04/1999	Mão Điền, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,75			Phường Cảnh Thụy	
19	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	08/03/1998	Ý Yên, Nam Định	ĐH	CQ	SP Hóa học	Giỏi	3,45			Xã Hiệp Hòa	
20	Nguyễn Thị	Lân	Nữ	03/08/1990	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Cử nhân Hóa học	Khá	7,85			Xã Hiệp Hòa	Thạc sĩ LL và PP dạy môn Hóa học
21	Đinh Thị	Loan	Nữ	08/07/1999	Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,93			Xã Hợp Thịnh	
22	Ngô Thị	Bắc	Nữ	18/08/2001	Tam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP KHTN	Khá	2,79			Xã Phượng Sơn	
23	Nguyễn Thị Kim	Thuy	Nữ	13/12/1983	Quỳnh Phụ, Hưng Yên	ĐH	CQ	Cử nhân Hóa học	Giỏi	8,58			Xã Hiệp Hòa	Có CCNVSP
24	Trương Công	Tùng	Nam	06/12/2002	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,63			Xã Hiệp Hòa	
25	Vũ Thị Khánh	Huyền	Nữ	23/10/1995	Trực Ninh, Ninh Bình	ĐH	CQ	SP Hóa học	XS	3,63			Phường Việt Yên	
26	Dương Thị	Duyên	Nữ	28/11/1993	Văn Môn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Cử nhân Hóa học	Giỏi	3,20			Xã Hợp Thịnh	Có CCNVSP
27	Giáp Thị Hồng	Nga	Nữ	05/11/2002	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,52			Xã Đồng Việt	
28	Hoàng Thị Thùy	Trang	Nữ	05/08/2002	Cẩm Thủy, Thanh Hóa	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,61			Phường Phượng Sơn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
29	Lê Thị	Liên	Nữ	12/05/1998	Mỹ Hào, Hưng Yên	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,85			Phường Cảnh Thụy	Thạc sĩ Hóa học
30	Phạm Thị Nguyệt	Cầm	Nữ	15/09/2003	Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,99			Xã Hiệp Hòa	
31	Ngô Thùy	Dung	Nữ	28/05/1999	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Giỏi	3,44			Xã Hợp Thịnh	
32	Đào Thị	Cúc	Nữ	19/09/2003	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Giỏi	3,45			Xã Hiệp Hòa	
33	Hoàng Long Tiến	Vũ	Nam	21/11/2003	Yên Mô, Ninh Bình	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	3,01			Xã Hợp Thịnh	
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 06													
1	Trần Thị	Hường	Nữ	27/01/1997	Thư Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,83			Hiệp Hòa	
2	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	21/07/1994	Định Hóa, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,50			Hợp Thịnh	
3	Đàm Thị Hoài	Thu	Nữ	19/10/1990	Hương Lâm, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	Sinh học	TB	2,01	DT	5	Hiệp Hòa	Có CCNVSP
4	Đinh Thị	Thanh	Nữ	05/07/2001	Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Giỏi	3,46			Hiệp Hòa	
5	Dương Bạch	Dương	Nữ	20/09/2002	Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,54	DT	5	Tự Lạn	
6	Ngô Thị	Hiệp	Nữ	20/05/1997	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,83			Hợp Thịnh	
	Giáo viên Công nghệ: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 0													
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Mai Thị Thu	Cúc	Nữ	20/02/1985	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	TC	SP Tin học	TBK	6,77			Hiệp Hòa	
	Giáo viên Âm nhạc: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 03													
1	Nguyễn Văn	Vỹ	Nam	09/09/1985	Lương Phong, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	SP Âm nhạc	Giỏi	8,41			Hợp Thịnh	
2	Nguyễn Văn	Sơn	Nam	15/11/1994	Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Âm nhạc	Khá	7,81			Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
3	Lê Thị	Ngọc	Nữ	02/05/2002	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Âm nhạc	Giỏi	3,32			Hợp Thịnh	
	Giáo viên Mỹ thuật: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Đỗ Hoài	Anh	Nữ	16/01/2001	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Giỏi	3,21			Hiệp Hòa	
2	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	22/06/1987	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Khá	7,95	DT	5	Hợp Thịnh	
3	Ngô Văn	Tiến	Nam	16/05/1988	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Khá	7,28			Hiệp Hòa	
14	**XÃ HỢP THỊNH**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 11, đăng ký: 62													
1	Lê Kim	Chi	Nữ	07/02/2003	Đa Phúc, thành phố Hà Nội	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,70			Xuân Cẩm	
2	Đồng Thị	Thảo	Nữ	12/02/2000	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,87				
3	Khổng Thị	Thanh	Nữ	23/10/1987	Hợp Thịnh, Hiệp Hòa	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,12				
4	Giáp Thị Thúy	Lan	Nữ	02/10/2003	Sơn Hải, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,41			Kiên Lao	
5	Dương Thị	Thảo	Nữ	07/04/1993	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	7,16			Xuân Cẩm	
6	Vũ Phương	Linh	Nữ	05/8/1996	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,16				
7	Tạ Thị	Giang	Nữ	16/02/1984	Thái Sơn, Hiệp Hòa	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	7,52	CTB	5	Hoàng Vân	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
8	Ngô Thị	Nhi	Nữ	23/7/1991	Mai Trung, Hiệp Hòa	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	3,06				
9	Triệu Thị	Thùy	Nữ	21/6/1996	Mai Trung, Hiệp Hòa	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	3,06			Xuân Cẩm	
10	Trần Thị Hồng	Hải	Nữ	20/9/2004	Yên Định, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,10	DT	5	Phượng Sơn	
11	Ngô Thị	Thường	Nữ	06/10/1997	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	3,12			Hiệp Hòa	
12	Hoàng Thị	Hà	Nữ	17/4/1990	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	2,89			Hiệp Hòa	
13	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	17/11/1998	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	2,73			Hoàng Vân	
14	Ngô Thị	Thêu	Nữ	11/10/1998	Sơn Thịnh, Hiệp Hòa	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,01			Hiệp Hòa	
15	Phạm Thị	Na	Nữ	10/09/1990	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	7,61			Hiệp Hòa	
16	Trần Thị Lợi	Hưởng	Nữ	03/11/1997	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Giỏi	3,24			Hiệp Hòa	
17	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	10/8/1996	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,18			Hiệp Hòa	
18	Dương Thùy	Linh	Nữ	03/11/1991	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	7,10			Xuân Cẩm	
19	Lê Thị	Ánh	Nữ	01/4/1984	Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	GD Mầm non	Giỏi	3,34			Hiệp Hòa	
20	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	02/10/1996	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	3,05			Hiệp Hòa	
21	Phùng Thị Lan	Phương	Nữ	28/02/1995	Lan Mẫu,Lục Nam	CĐ	CQ	GD Mầm non	Giỏi	3,30			Đông Phú	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
22	Lương Thị	Dung	Nữ	10/02/1989	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Giỏi	3,23	DT	5		
23	Trần Thị	Nhàn	Nữ	12/10/1994	Phù Lãng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	3,07			Quang Trung	
24	Nguyễn Thị	Quế	Nữ	13/10/1986	Phù Lãng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	3,06			Xuân Cẩm	
25	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	25/11/1994	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	7,78			Xuân Cẩm	
26	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	Nữ	08/6/2003	Mai Trung, Hiệp Hòa	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,63			Xuân Cẩm	
27	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	10/8/2004	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,59			Xuân Cẩm	
28	Nguyễn Minh	Ánh	Nữ	25/11/2000	Nội Bài, Hà Nội	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	3,11			Xuân Cẩm	
29	Đàm Thị Ly	Băng	Nữ	25/9/2003	Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,81			Xuân Cẩm	
30	Đào Thị Phương	Linh	Nữ	10/5/2004	Tiên Lục, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,55			Tiên Lục	
31	Tạ Thị	Lan	Nữ	05/12/1990	Mai Trung, Hiệp Hòa	CĐ	CQ	GD Mầm non	Giỏi	8,06			Xuân Cẩm	
32	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	Nữ	07/01/1998	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	2,91			Hiệp Hòa	
33	Phạm Thùy	Linh	Nữ	16/8/2004	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,74			Hiệp Hòa	
34	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	19/6/1995	Mai Trung, Hiệp Hòa	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	7,97			Xuân Cẩm	
35	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	18/12/1998	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Giỏi	3,25			Hiệp Hòa	
36	Phạm Thị	Tuyết	Nữ	02/10/2004	Tuấn Đạo, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,26			Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
37	Đinh Thị Hương	Ly	Nữ	20/7/2001	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	2,64			Xuân Cẩm	
38	Ngọc Hồng	Anh	Nữ	20/11/2003	Dương Hưu, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	XS	3,74			Kiên Lao	
39	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	23/10/2002	Yên Định, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,11	DT	5	Nghĩa Phương	
40	Ngọc Thị Thu	Huyền	Nữ	25/4/2002	Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,00			Tự Lạn	
41	Lê Phương	Chi	Nữ	15/4/1993	Thái Đào, Lạng Giang	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,18			Tân Dĩnh	
42	Ngô Thị Ngọc	Bình	Nữ	25/11/1995	Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	7,83			Xuân Cẩm	
43	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	28/02/1990	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	7,13				
44	Ngô Thị Thanh	Hà	Nữ	18/6/2003	Tân Sơn, Lục Ngạn	ĐH	CQ	GD Mầm non	Khá	2,99			Hoàng Vân	
45	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	02/9/1988	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	3,06			Xuân Cẩm	
46	Trịnh Thị	Túc	Nữ	03/6/1994	Mai Trung, Hiệp Hòa	CĐ	CQ	GD Mầm non	TB	2,01			Xuân Cẩm	
47	Phan Thị Thanh	Trang	Nữ	25/6/1989	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	7,52				
48	Phan Thúy	Hạnh	Nữ	03/2/1996	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Giỏi	3,22				
49	Trần Thị Thu	Chà	Nữ	12/8/2000	Hoàng Vân, Hiệp Hòa	ĐH	VLVH	GD Mầm non	Khá	2,53			Hoàng Vân	
50	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	04/10/2003	Tân An, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,20			Hoàng Vân	
51	Dương Thị Thanh	Trầm	Nữ	27/10/2003	Sơn Thịnh, Hiệp Hòa	CĐ	CQ	GD Mầm non	Giỏi	3,23			Xuân Cẩm	
52	Tăng Thị	Uyên	Nữ	10/11/1994	Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	7,76	DT	5	Hiệp Hòa	
53	Triệu Mùi	Lưu	Nữ	11/4/1994	Nghiên Loan, Thái Nguyên	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,84	DT	5	Hiệp Hòa	
54	Phạm Thị	Linh	Nữ	01/01/1998	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,95			Xuân Cẩm	
55	Vũ Thùy	Ánh	Nữ	12/6/2003	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Mầm non	Giỏi	3,30			Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
56	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	27/11/2003	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	3,13			Hiệp Hòa	
57	Hoàng Thị	Hương	Nữ	09/5/2003	Hùng Thái, Hiệp Hòa	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,77			Hoàng Vân	
58	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	15/9/2001	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD Mầm non	Giỏi	3,22			Xuân Cẩm	
59	Huỳnh Thị Kim	Dịu	Nữ	25/9/1984	Hồng Thái, Việt Yên	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	7,61			Vân Hà	
60	Đoàn Hương	Giang	Nữ	26/3/2001	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Giỏi	3,44			Hiệp Hòa	
61	Dương Thị	Thủy	Nữ	18/6/2003	Sơn Thịnh, Hiệp Hòa	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,91			Hiệp Hòa	
62	Ngọ Thị Thu	Thảo	Nữ	26/7/2001	Sơn Thịnh, Hiệp Hòa	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	2,77				
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 08													
1	Ngô Thị	Lan	Nữ	03/3/2003	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD tiểu học	Khá	2,84			Hiệp Hòa	
2	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	18/5/2003	Quang Minh, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	GD tiểu học	Giỏi	3,41			Xuân Cẩm	
3	Trần Hải	Nam	Nam	18/3/1998	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GD tiểu học	Khá	2,98			Xuân Cẩm	
4	Đào Thị	Nga	Nữ	16/3/1991	Vạn Xuân, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GD tiểu học	Giỏi	3,38			Ngọc Thiện	
5	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23/8/1999	Trung Giã, Hà Nội	ĐH	VLVH	GD tiểu học	Giỏi	3,21			Hiệp Hòa	
6	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	21/7/2002	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	GD tiểu học	Giỏi	3,48			Xuân Cẩm	
7	Hoàng Ngọc	Linh	Nữ	15/11/2003	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GD tiểu học	Giỏi	3,43			Xuân Cẩm	
8	Bùi Phương	Trang	Nữ	11/10/2003	Trung Giã, Hà Nội	ĐH	CQ	GD tiểu học	Khá	3,01			Xuân Cẩm	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Đồng Thanh	Bằng	Nam	02/9/1989	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP TDTT	Khá	7,33			Việt Yên	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Nguyễn Thạch	Luân	Nam	14/11/1992	Thụy Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	SP TDTT - GDQP	TB	2,08				
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 06, đăng ký: 56													
1	Trịnh Thị Minh	Trang	Nữ	31/5/1996	Tích Lương, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,44			Hiệp Hòa	
2	Trương Thị	Linh	Nữ	04/7/2001	Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,29			Xuân Cẩm	
3	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24/10/2000	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,11			Hiệp Hòa	
4	Dương Cẩm	Vân	Nữ	10/7/2002	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,06			Xuân Lương	
5	Trương Thị	Xuân	Nữ	14/12/1997	Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	TB	2,39	DT	5	Hoàng Vân	
6	Nguyễn Thị Thu	Liễu	Nữ	27/11/1997	Bắc Quang, Tuyên Quang	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,60	DT	5	Hiệp Hòa	
7	Hoàng Thị	Phúc	Nữ	13/4/1985	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Văn học (CC sư phạm)	Khá	7,29			Mỹ Thái	
8	Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	17/8/1988	Phổ Yên, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	7,73			Hiệp Hòa	
9	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	12/4/1999	Tân Minh, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,31				
10	Nguyễn Thị	Ngát	Nữ	09/6/1991	Nam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,30			Tự Lạn	
11	Nguyễn Thị Đoan	Trang	Nữ	09/10/1999	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,81			Hiệp Hòa	
12	Bùi Thu	Thảo	Nữ	24/4/2003	Cao Dương, Phú Thọ	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,40	DT	5	Hiệp Hòa	
13	Hoàng Thị	Thu	Nữ	08/10/1995	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,35			Tự Lạn	
14	Cao Thị Cẩm	Vân	Nữ	29/8/2003	Tam Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,11			Tự Lạn	
15	Ngô Thu	Phương	Nữ	02/7/2003	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,91			Hiệp Hòa	
16	Tạ Thị	Dung	Nữ	30/8/1990	Điềm Thụy, Thái Nguyên	ĐH	CQ	Văn học	Khá	2,99			Hiệp Hòa	CCSP

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
17	Lê Thị	Huệ	Nữ	12/8/1991	Hương Sơn, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	3,16			Tự Lạn	
18	Nguyễn Thị Hoài	Nam	Nữ	19/5/2001	Mão Điền, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,42			Vân Hà	
19	Nguyễn Thị	Thái	Nữ	01/8/1999	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,08			Xuân Cẩm	
20	Phan Thị Huyền	Trang	Nữ	10/10/2000	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,35			Xuân Cẩm	
21	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	17/9/1997	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	3,17			Hiệp Hòa	
22	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	24/6/2003	Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,99			Việt Yên	
23	Đỗ Thị	Quí	Nữ	08/11/1993	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	3,02	CTB	5	Hiệp Hòa	
24	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	17/8/2002	Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,47			Hiệp Hòa	
25	Hà Thị	Hạnh	Nữ	05/6/1993	Phúc Thuận, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,84	DT	5	Hiệp Hòa	
26	Lê Minh	Thu	Nữ	16/10/1990	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,61			Xuân Cẩm	
27	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	30/4/2003	Lạng Giang, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,73			Hiệp Hòa	
28	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	12/5/2003	Chi Lăng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,49			Tự Lạn	
29	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	23/6/1990	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,51			Xuân Cẩm	
30	Nguyễn Phương	Thanh	Nữ	17/4/2000	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,01			Xuân Cẩm	
31	Nguyễn Thị Bích	Trang	Nữ	20/8/1995	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,81			Hiệp Hòa	
32	Đặng Thị Thảo	Linh	Nữ	14/8/2002	Na Rì, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,32	DT	5	Hiệp Hòa	
33	Nguyễn Minh	Đức	Nam	25/12/2003	Hợp Đức, Tân Yên	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,04			Tự Lạn	
34	Đỗ Hoài	Thương	Nữ	08/3/2003	Thanh Quân, Thanh Hóa	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,95	DT	5	Hiệp Hòa	
35	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	16/10/1999	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,94			Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
36	Nguyễn Thị	Trà	Nữ	06/10/2003	Trí Quả, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,30			Hoàng Vân	
37	Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	11/4/1993	Thư Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Văn học	Khá	2,53			Hiệp Hòa	CCSP
38	Nguyễn Lan	Hương	Nữ	25/9/1996	Vũ Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,42			Tự Lạn	
39	Hoàng Minh	Anh	Nữ	27/7/2003	Trung Giã, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,84			Xuân Cẩm	
40	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	16/12/1998	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,63			Hiệp Hòa	
41	Ngô Thị	Nho	Nữ	21/01/1995	Dương Hưu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,94			Tiên Lục	
42	Đàm Phương	Anh	Nữ	12/6/2002	Trung Giã, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,56			Hiệp Hòa	
43	Hoàng Thị Bảo	Nhung	Nữ	29/11/2003	Tam Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	XS	3,67			Hiệp Hòa	
44	Nguyễn Đỗ Nguyệt	Quế	Nữ	09/3/2003	Đại Đồng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	XS	3,62			Hiệp Hòa	
45	Lương Trà	My	Nữ	20/01/1993	Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	CQ	Văn học	XS	3,63			Hiệp Hòa	CCSP
46	Mai Thu	Trang	Nữ	25/8/2003	Đào Viên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,80			Vân Hà	
47	Vũ Hải	Yến	Nữ	31/01/2003	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,93			Xuân Cẩm	
48	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	18/4/1996	Hương Lâm, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,11				
49	Phạm Văn	Tuấn	Nam	22/12/1991	Tân Thanh, Lạng Giang	ĐH	CQ	SP Văn - Sử	Khá	2,54			Tiên Lục	
50	Trần Thị	Hải	Nữ	14/12/1997	Đào Viên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,09			Hiệp Hòa	
51	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	20/9/1992	Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Văn - Sử	Khá	2,74			Xuân Cẩm	
52	Vũ Thị	Phương	Nữ	10/12/2002	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,39			Hiệp Hòa	
53	Đoàn Thị Thanh	Hoa	Nữ	16/6/1991	Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	3,08			Hiệp Hòa	
54	Trần Thị	Hằng	Nữ	09/6/1989	Phúc Lộc, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,42	CTB	5	Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
55	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	08/01/2003	Trường Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,81			Hoàng Vân	
56	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	11/11/1999	Phường Mão Điền, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ văn	Khá	3,15			Xã Hiệp Hòa	
	Giáo viên Lịch sử: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 03													
1	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	04/3/2003	Tam Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,87			Hiệp Hòa	
2	Ngô Thị Ngọc	Minh	Nữ	10/9/2003	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,53			Hoàng Vân	
3	Nguyễn Văn	Trung	Nam	18/5/1993	Việt Ngọc, Tân Yên	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Giỏi	3,42			Hoàng Vân	
	Giáo viên Địa lý: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 05													
1	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	29/01/1999	Châu Minh, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	SP Địa lý	Giỏi	3,24			Xuân Cẩm	
2	Hoàng Hồng	Quyên	Nữ	30/5/1997	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,69	DT	5	Hiệp Hòa	
3	Vi Thị	Dung	Nữ	03/8/1989	Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	3,00	DT	5	Xuân Cẩm	
4	Xa Thị	Huệ	Nữ	02/11/2003	Đa Bắc, Hòa Bình	ĐH	CQ	SP Địa lý	Giỏi	3,54	DT	5	Tiên Lục	
5	Triệu Thị	Huyền	Nữ	14/02/1997	Đồng Phúc, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Địa lý	TB	2,35	DT	5	Hoàng Vân	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Hoàng Văn	Thiện	Nam	10/01/2001	Hòa Sơn, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	GDTC	Khá	2,89			Hiệp Hòa	
2	Hoàng Thị	Uyên	Nữ	11/8/1993	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC-GDQP	Khá	2,78			Hiệp Hòa	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 11													
1	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	23/3/2002	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,85			Trường Sơn	
2	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	23/7/2002	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,08			Xuân Cẩm	
3	Dương Thu	Phương	Nữ	10/8/1999	Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Giỏi	3,43			Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
4	Ngô Minh	Anh	Nữ	10/4/2000	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,72			Xuân Cẩm	
5	Hoàng Thị Trà	Mi	Nữ	01/12/2001	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Giỏi	3,39			Xuân Cẩm	
6	Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	20/12/2001	Trung Giã, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,18			Hoàng Vân	
7	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	22/11/2003	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Giỏi	3,48			Xuân Cẩm	
8	Dương Minh	Quỳnh	Nữ	24/11/1999	Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Giỏi	3,29			Xuân Cẩm	
9	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	12/6/2001	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Giỏi	3,27			Hoàng Vân	
10	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	06/12/2000	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Khá	3,15			Xuân Cẩm	
11	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	16/12/1987	Trung Giã, Hà Nội	ĐH	CQ	Cử nhân Tiếng Anh	Khá	2,69			Xuân Cẩm	CCSP
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 21													
1	Nguyễn Thị	Ngà	Nữ	02/11/1992	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán Tin	Khá	2,51			Xuân Cẩm	
2	Nguyễn Văn	Vinh	Nam	28/12/1991	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	2,92			Hiệp Hòa	
3	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	22/8/1994	Cao Xá, Tân Yên	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,20			Hoàng Vân	Thạc sĩ
4	Phạm Thị	Hà	Nữ	18/3/1995	Tam Hồng, Phú Thọ	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,31			Xuân Cẩm	
5	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	27/11/1996	Trí Quả, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,41			Hoàng Vân	Thạc sĩ
6	Trần Thị Hoài	Linh	Nữ	07/9/1994	Vạn Xuân, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,26			Hiệp Hòa	
7	Nguyễn Thị My	Xuân	Nữ	28/4/2001	Ngọc Thiện, Tân Yên	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,06			Hoàng Vân	
8	Chu Thị	Hà	Nữ	01/9/1995	Tây Phương, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,24			Hiệp Hòa	
9	Vũ Thùy	Anh	Nữ	25/9/1993	Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,91			Xuân Cẩm	Thạc sĩ
10	Ngô Thúy	Hằng	Nữ	15/7/1996	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,26			Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
11	Nguyễn Thu	Ngân	Nữ	15/12/1998	Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,21			Xuân Cẩm	
12	Phạm Thị	Hậu	Nữ	01/02/2003	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,10			Hoàng Vân	
13	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	14/8/1996	Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,61			Nếnh	
14	Trần Thị	Thu	Nữ	13/01/2001	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,10			Xuân Cẩm	
15	Nguyễn Văn	Pho	Nam	15/01/1992	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Toán học	Khá	3,19			Hiệp Hòa	
16	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	20/7/1993	Phố Hiến, Hưng Yên	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,77			Xuân Cẩm	
17	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	18/4/1998	Trí Quả, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,23			Tiên Lục	Thạc sĩ
18	Nguyễn Thảo	Ly	Nữ	01/02/2001	Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,10			Hiệp Hòa	
19	Dương Thị	Hằng	Nữ	11/7/2002	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,95			Hoàng Vân	
20	Ngọ Thị	Hòa	Nữ	28/7/2002	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,69			Hoàng Vân	
21	Trần Thị	Dịu	Nữ	22/8/1994	Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,69			Chũ	
	Giáo viên Hoá học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	01/10/1993	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,74			Đồng Việt	Thạc sĩ
2	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	08/01/1999	Trung Giã, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Hóa học	Giỏi	3,24			Hiệp Hòa	
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 09													
1	Ngô Thị Ngọc	Anh	Nữ	01/10/1995	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Giỏi	3,47			Hiệp Hòa	
2	Lê Phương	Thảo	Nữ	26/11/1995	Đa Phúc, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Sinh học	Giỏi	3,30			Xuân Cẩm	
3	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	20/4/1985	Phổ Yên, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Sinh học	TBK	6,84			Xuân Cẩm	
4	Hoàng Thị	Phương	Nữ	29/7/1996	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Giỏi	3,39				

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
5	Thân Thị Hồng	Nhung	Nữ	01/02/1998	Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	3,01			Tân Sơn	
6	Nguyễn Thị	Hiển	Nữ	30/3/2000	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Giỏi	3,46			Hiệp Hòa	
7	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	20/6/1994	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,69			Xuân Cẩm	
8	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	24/4/1994	Vũ Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,91			Xuân Cẩm	
9	Hoàng Thanh	Tùng	Nam	15/03/1996	Cát Thành, Ninh Bình	ĐH	VLVH	SP Sinh học	Khá	3,02			Hiệp Hòa	
	Giáo viên Công nghệ: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 02													
1	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	18/6/2003	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Công nghệ	Khá	3,05			Hiệp Hòa	
2	Vũ Thúy	Bình	Nữ	28/10/2003	Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Công nghệ	Khá	2,99			Xuân Cẩm	
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Đỗ Thị Thu	Thủy	Nữ	20/4/1999	Phường Nếnh - Bắc Ninh	ĐH	CQ	CNTT	Khá	2,58				CCSP
	Giáo viên Âm nhạc: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Ngô Thị	Hà	Nữ	11/01/1994	Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Âm nhạc	Khá	7,50			Xuân Cẩm	
	Giáo viên Mỹ thuật: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Tạ Thị Ngọc	Khánh	Nữ	21/10/1992	Vân Hà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Khá	3,07			Hiệp Hòa	
2	Đào Kim	Anh	Nữ	30/10/1996	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	2,63			Xã Hiệp Hòa	
15	**XÃ HOÀNG VÂN**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 10, đăng ký: 45													
1	Vũ Thị Thanh	Hoài	Nữ	14/02/2002	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Khá	3,13			Xã Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Phạm Thị	Hương	Nữ	29/08/1997	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	2,94			Xã Ngọc Thiện	
3	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	30/09/1997	Toàn Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,25				
4	Lý Thị Ngọc	Ánh	Nữ	04/05/1993	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,80	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
5	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	16/02/1991	Phường Chũ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,13			Xã Hiệp Hòa	
6	Trịnh Thị	Long	Nữ	04/08/1992	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	2,81			Xã Hiệp Hòa	
7	Hà Thị Hoa	Tươi	Nữ	26/08/1995	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Giỏi	3,22			Xã Hiệp Hòa	
8	Dương Thị	Giang	Nữ	03/05/1994	Bảo Lý, Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,13			Xã Hiệp Hòa	
9	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	28/08/1996	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,91				
10	Trần Thị	Hảo	Nữ	18/06/1994	Điềm Thụy, Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,35			Xã Hiệp Hòa	
11	Triệu Thị	Phương	Nữ	27/09/1999	Điềm Thụy, Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,22	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
12	Hà Thị	Thương	Nữ	10/08/1989	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,27				
13	Trần Thị	Huệ	Nữ	05/03/1990	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	TBK	6,61			Xã Hiệp Hòa	
14	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	22/10/2002	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Giỏi	3,58			Xã Kép	
15	Dương Thị	Hưng	Nữ	21/07/2003	Phường Vân Hà, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,23			Phường Vân Hà	
16	Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	19/11/1988	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,06			Xã Hiệp Hòa	
17	Nguyễn Thị	Lượng	Nữ	01/02/1985	Toàn Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	2,97				
18	Vi Thị	Quỳnh	Nữ	27/11/2002	Xã Tân Thành, Thái Nguyên	ĐH	CQ	GDMN	Khá	2,76	DT	5	Phường Việt Yên	
19	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	05/12/1992	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,10			Xã Hiệp Hòa	
20	Ngô Quỳnh	Trang	Nữ	24/11/2004	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,33				

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
21	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	06/11/1995	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,34			Xã Hiệp Hòa	
22	Lê Xuân	Hương	Nữ	21/01/2003	Ngọc Sơn, Hiệp Hòa, Bắc Giang	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,08	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
23	Trần Thị	Phương	Nữ	15/03/1993	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	7,19			Xã Hiệp Hòa	
24	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	12/10/1997	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,04			Xã Xuân Cẩm	
25	Nông Thị	Yến	Nữ	17/08/1994	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	2,87	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
26	Lý Thị	Dự	Nữ	17/02/1993	Xã Biên Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,05	DT	5	Xã Mỹ Thái	
27	Hà Thị	Lý	Nữ	29/03/1994	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,98			Xã Quang Trung	
28	Lê Thị Linh	Chi	Nữ	12/11/2004	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,99			Phường Việt Yên	
29	Nguyễn Thị	Tuyển	Nữ	02/06/1986	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,08				
30	Đặng Thu	Thưởng	Nữ	23/10/1994	Xã Kha Sơn, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,14	DT	5	Xã Ngọc Thiện	
31	Vũ Thị	Hòa	Nữ	18/10/2003	Nghĩa Hưng, Lạng Giang, Bắc Giang	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,88			Xã Ngọc Thiện	
32	Trần Thị	Hân	Nữ	10/06/2004	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,30			Xã Hiệp Hòa	
33	Nguyễn Thị	Hiển	Nữ	25/05/1993	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,43			Xã Hợp Thịnh	
34	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	18/07/1995	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,22				
35	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	16/09/1989	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	7,42			Xã Hiệp Hòa	
36	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	30/08/1995	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,16			Xã Hợp Thịnh	
37	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	02/02/1993	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,50			Phường Tự Lạn	
38	Lê Thị	Phương	Nữ	02/09/2000	Xã Tân Thành, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,31			Xã Ngọc Thiện	
39	Dương Thị Minh	Hòa	Nữ	17/11/2003	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,60			Xã Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
40	Dương Thị	Huyền	Nữ	18/11/1999	Xã Phú Bình, Thái Nguyên	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,75			Xã Hiệp Hòa	
41	Nguyễn Thị Lý	Tình	Nữ	04/08/1992	Xã Kha Sơn, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,51			Xã Hiệp Hòa	
42	Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	14/07/2003	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,16				
43	Bùi Thị	Ngọc	Nữ	21/01/1993	Xã Bảo Yên, Lào Cai	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,45			Xã Hiệp Hòa	
44	Nguyễn Thị	Sao	Nữ	10/8/1995	Tân Yên, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GD Mầm non	Khá	7,82	CBB	5	Ngọc Thiện	
45	Hà Thị	Vẹn	Nữ	15/9/1989	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GD Mầm non	Khá	7,34	DT	5	Hợp Thịnh	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	20/09/2003	Xã Hoàng Vân, Hiệp Hòa, Bắc Giang	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,53			Xã Hiệp Hòa	
2	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/09/1995	Cổ Ngõa, Liên Minh, Hà Nội	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,44			Xã Nghĩa Phương	
3	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	03/01/2003	Tiên Hưng, Hiệp Hòa, BN	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,15			Xã Tân Yên	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 10													
1	Trần Thị Bích	Thủy	Nữ	21/06/2001	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,34				
2	Hoàng Văn	Trung	Nam	05/08/1996	Tân Hoa, Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,59	DT	5	Xã Bảo Đài	
3	Trần Thị Thu	Huyên	Nữ	29/09/1995	Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,72			Xã Hiệp Hòa	
4	Dương Thị	Hoài	Nữ	26/11/2002	Xã Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,12			Xã Xuân Cẩm	
5	Hoàng Thị	Huệ	Nữ	17/02/1995	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,65			Xã Ngọc Thiện	
6	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	09/09/1988	Xã Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	TBK	6,98			Xã Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
7	Tạ Thị	Hương	Nữ	24/10/1999	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ văn	Khá	3,02			Xã Hiệp Hòa	
8	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	27/10/2003	Phường Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,32			Xã Hiệp Hòa	
9	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	22/02/1998	Xã Điềm Thụy, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,67			Xã Hiệp Hòa	
10	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	03/10/1997	Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Văn học	Khá	2,96			Hiệp Hòa	
	Giáo viên Lịch sử: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	17/09/1998	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,95			Xã Hiệp Hòa	
2	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	20/09/1990	Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Văn - Sử	Khá	2,92			Xã Hợp Thịnh	
3	Dương Thị	Hải	Nữ	22/07/1993	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	TB	2,01			Xã Hiệp Hòa	
4	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	30/09/2002	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lịch sử	Khá	2,94			Xã Hợp Thịnh	
	Giáo viên Địa lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 0													
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 05													Đã trừ 01 chỉ tiêu NĐ 179
1	Nguyễn Quỳnh	Dương	Nữ	07/09/2001	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,53			Xã Xuân Cẩm	
2	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	28/11/2002	Phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh (CC Sư phạm)	Khá	3,18			Xã Hiệp Hòa	
3	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	10/07/1996	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,81			Xã Hợp Thịnh	
4	Tạ Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	05/08/1999	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,14			Xã Xuân Cẩm	
5	Nguyễn Thị	Nhi	Nữ	04/02/2001	Xã Điềm Thụy, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Giỏi	3,42			Xã Xuân Cẩm	
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 06, đăng ký: 30													
1	Nguyễn Thị	Thêm	Nữ	06/02/2000	Xã Tam Đa, Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,71			Xã Mỹ Thái	
2	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	20/11/1995	Phường Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	3,18			Xã Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
3	Giáp Thị	Mai	Nữ	26/07/1999	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,47			Xã Hợp Thịnh	
4	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	24/05/2001	Đông Thọ, Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,81			Xã Hiệp Hòa	
5	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	16/06/1999	Đông Tiến, Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,71			Xã Xuân Cẩm	
6	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	12/10/1998	Đại Xuân, Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,06			Phường Việt Yên	
7	Ngô Thị Như	Quỳnh	Nữ	06/05/2002	Phường Tam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,56				
8	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	03/05/2001	Phường Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,82			Xã Hiệp Hòa	
9	Hoàng Thu	Phương	Nữ	19/08/2002	Xã Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,35			Xã Hợp Thịnh	
10	Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	08/09/1991	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,71				
11	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	04/12/1997	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,51			Xã Hiệp Hòa	
12	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	26/10/2002	Xã Phật Tích, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,68			Xã Hiệp Hòa	
13	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	28/12/1996	Phường Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,12			Xã Mỹ Thái	
14	Giáp Thị	Huyền	Nữ	12/12/1996	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,54			Xã Hợp Thịnh	
15	Phạm Đăng	Thực	Nam	19/01/1989	Thư Trì, Hưng Yên	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,40			Xã Hiệp Hòa	
16	Lê Thị	Thu	Nữ	04/11/1990	Lộ Bao, Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	3,18			Xã Hiệp Hòa	
17	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	14/02/1997	Xã Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,73			Xã Việt Yên	
18	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	12/01/2000	Việt Hùng, Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,68			Phường Yên Dũng	
19	Đoàn Thị	Trang	Nữ	11/01/1999	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,31			Xã Hợp Thịnh	
20	Bùi Thanh	Tâm	Nữ	21/01/2003	Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,74			Xã Hiệp Hòa	
21	Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	24/03/2002	Xã Nhã Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,36			Xã Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
22	Trần Thị	Loan	Nữ	10/08/1998	TT Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	3,00			Xã Mỹ Thái	
23	Thân Thị	Vân	Nữ	02/01/1998	Xã Phúc Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,83			Xã Hiệp Hòa	
24	Trần Như	Quỳnh	Nữ	17/11/2002	Thị Cầu, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,57			Xã Xuân Cẩm	
25	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	19/09/2000	Xã Tam Đa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,34			Phường Việt Yên	Thạc sĩ Toán ứng dụng
26	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	03/04/1991	Xã Hồng Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Toán học (CC Sư phạm)	Khá	3,15			Xã Xuân Cẩm	
27	Nguyễn Thị	Mầu	Nữ	25/12/1993	Xã Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	7,68			Xã Yên Dũng	
28	Nguyễn Thị Thúy	Trang	Nữ	03/10/2002	Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,28			Việt Yên	
29	Nguyễn Thị	Dinh	Nữ	18/5/1998	Văn Môn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	3,19			Mỹ Thái	
30	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	03/4/1997	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,36	DT	5	Lạng Giang	
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Giáp Ngọc	Duy	Nam	18/11/2002	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Khoa học tự nhiên	Khá	2,80			Xã Hiệp Hòa	
2	Bùi Phương	Mai	Nữ	02/09/1998	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,53			Phường Nếnh	
3	Ngọ Thị Thu	Giang	Nữ	18/11/2001	Xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	3,02			Xã Xuân Cẩm	
	Giáo viên Hoá học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	26/10/2002	Xã Hoàng Vân, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	3,01			Xã Xuân Cẩm	
2	Đặng Thị Thanh	Hoài	Nữ	21/12/1998	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	TB	2,25			Phường Việt Yên	
3	Nguyễn Thị	Hanh	Nữ	03/02/1981	Xã Tam Đa, Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Giỏi	8,22			Xã Hợp Thịnh	
4	Trần Thị	Phương	Nữ	20/07/1994	Xã Nhã Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,56			Phường Việt Yên	
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Lương Thị Thu	Hương	Nữ	15/05/2000	Mỹ Độ, TP Bắc Giang, Bắc Giang	ĐH	VLVH	SP Tin học	Khá	2,94			Xã Hợp Thịnh	
16	**PHƯỜNG BẮC GIANG**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 10													
1	Khổng Thị	Hòa	Nữ	16/03/1998	P. Tiền Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,30			Phường Tiền Phong	
2	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	25/03/1993	Xã Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,24			Phường Tiền Phong	
3	Đỗ Minh	Khánh	Nữ	04/10/2000	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,67				
4	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	26/12/1990	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,15			Phường Tân Tiến	
5	Đỗ Thị Hương	Hảo	Nữ	07/09/1993	Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,51			Phường Tiền Phong	
6	Đàm Thị Bích	Ngân	Nữ	27/02/2002	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,32			Phường Yên Dũng	
7	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	18/02/2003	Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	GDTH	XS	3,68			Phường Tân Tiến	
8	Ngô Phương	Thảo	Nữ	07/02/2003	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,20			Xã Kép	
9	Nguyễn Thị Tuyết	Hoa	Nữ	02/06/2003	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,18				
10	Hà Thị	An	Nữ	18/07/2001	Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,81			Phường Cảnh Thụy	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	23/10/1998	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Giỏi	3,39			Phường Đa Mai	
2	Hoàng Minh	Sinh	Nam	30/05/1998	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Giỏi	8,11			Phường Đa Mai	
3	Lý Tuấn	Anh	Nam	08/06/1995	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Giỏi	8,31			Phường Đa Mai	
	Giáo viên Âm nhạc: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Hoàng Thị Minh	Thùy	Nữ	26/08/1992	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Âm nhạc	Giỏi	3,24	DT	5	Phường Tiền Phong	
2	Bùi Thị Yến	Nhi	Nữ	28/08/1997	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Âm nhạc	Giỏi	8,21				
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 08													
1	Đoàn Thị Ánh	Ngọc	Nữ	09/07/1995	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	3,10			Xã Tân Dĩnh	
2	Thân Thủy	Tiên	Nữ	15/02/2003	Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	2,88			Xã Mỹ Thái	
3	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	19/11/1986	Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Toán cơ	Khá	7,43			Phường Chũ	
4	Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	30/06/1997	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán	Giỏi	3,31			Phường Yên Dũng	
5	Phạm Thị Ngọc	Hoa	Nữ	30/01/2003	Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Giỏi	3,46			Phường Việt Yên	
6	Bùi Quỳnh	Trang	Nữ	27/09/2002	Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	2,92			Phường Yên Dũng	
7	Nguyễn Vân	Anh	Nữ	05/03/1990	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	2,97			Phường Yên Dũng	
8	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	16/01/1998	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	TB	2,29			Xã Tiên Lục	
17	**PHƯỜNG TÂN AN**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 11, đăng ký: 27													
1	Cao Thị Thúy	Nga	Nữ	08/01/2003	Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,07			Phường Tân Tiến	
2	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	29/09/2002	P Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,25			Phường Tân Tiến	
3	Bùi Thị	Tuyết	Nữ	07/05/1992	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,20			Phường Yên Dũng	
4	Nguyễn Hà	Phương	Nữ	28/08/2001	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	XS	3,72			Phường Tân Tiến	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
5	Phan Thị Vân	Anh	Nữ	09/11/2002	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,36			Phường Yên Dũng	
6	Phạm Hà Thu	Quỳnh	Nữ	17/10/2003	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,50			Phường Tân Tiến	
7	Dương Thị	Luyến	Nữ	23/11/2001	Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,16			Xã Ngọc Thiện	
8	Đỗ Thị Thu	Hải	Nữ	20/08/1998	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,15			Xã Đồng Việt	
9	Trần Thị	Lý	Nữ	24/09/1997	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,25			Xã Bảo Đài	
10	Nguyễn Thị	Thịnh	Nữ	19/05/2001	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,13			Xã Lục Ngạn	
11	Tạ Mai	Hương	Nữ	15/09/2003	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,27			Phường Bắc Giang	
12	Dũng Thị	Dung	Nữ	30/09/2002	Lục Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH-SPTA	XS	*3,60*	DT	5	Xã Trường Sơn	
13	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	16/11/1988	Nam Trực, Nam Định	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,23	DT	5	Phường Bắc Giang	
14	Chu Thị Tố	Uyên	Nữ	14/07/2000	Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,20			Xã Lục Ngạn	
15	Hà Thị	Hằng	Nữ	27/05/2003	Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,24	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
16	Nông Thị	Trang	Nữ	25/08/1998	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,30			Phường Nếnh	
17	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	20/11/1998	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,25			Phường Đa Mai	
18	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	23/09/2003	Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,18			Phường Yên Dũng	
19	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	09/09/1999	Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,18			Phường Chũ	
20	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	16/03/1996	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,33			Phường Nếnh	
21	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	31/05/2000	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,24			Phường Tân Tiến	
22	Trần Thị Thảo	Trang	Nữ	16/03/1995	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,20	DT	5	Phường Bắc Giang	
23	Đỗ Kiều	Chi	Nữ	04/07/2003	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,27			Xã Bảo Đài	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
24	Trần Linh	Chi	Nữ	25/06/2002	Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	XS	3,60			Phường Việt Yên	
25	Hồ Thị Phương	Nga	Nữ	20/05/1994	Nhã Nam Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,25			Phường Yên Dũng	
26	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	01/06/2003	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,89			Xã Đồng Việt	
27	Đàm Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	01/01/2003	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,21	DT	5	Phường Tân Tiến	
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	20/12/2000	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tin	Khá	3,12			Xã Bảo Đài	
2	Nguyễn Diệu	Hương	Nữ	22/05/2003	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tin	TB	2,21			Phường Tiên Phong	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 02													
1	Ngọc Thị	Nghị	Nữ	10/04/2002	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	3,10	DT	5	Phường Đa Mai	
2	Nguyễn Đức	Đường	Nam	06/02/1999	Cẩm Lý, Bắc Giang	ĐH	CQ	GDTC	Giỏi	8,18			Xã Đồng Việt	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Lịch sử: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Trần Thanh	Hoa	Nữ	04/06/1996	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lich sử	Giỏi	3,33				
2	Nguyễn Thanh	Nga	Nữ	28/03/1997	Xã Đồng Việt ,Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lich sử	Khá	2,91			Phường Nếnh	
3	Ngô Thị	Hà	Nữ	23/01/1996	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lich sử	Khá	3,08			Xã Hợp Thịnh	
4	Nguyễn Văn	Nguyên	Nam	20/05/1995	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Lich sử	Khá	2,86			Phường Nếnh	
	Giáo viên GDCD: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Dương Thị	Hà	Nữ	24/02/1988	Cảnh Thụy, BắcNinh	ĐH	CQ	SP GDCD	Khá	7,49			Phường Việt Yên	
2	Giáp Thị Mỹ	Duyên	Nữ	16/07/2003	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP GDCD	Khá	2,89			Phường Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
3	Nguyễn Thị	Vẻ	Nữ	02/03/2001	Phường Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP GDCD	Giỏi	3,26			Phường Việt Yên	
18	**PHƯỜNG CẢNH THỤY**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 11, đăng ký: 18													
1	Lê Thị	Thảo	Nữ	07/06/1990	Phù Lãng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,97			Phường Tân An	
2	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	17/08/2002	Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,44			Phường Tân Tiến	
3	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	11/01/2001	Cảnh Thụy, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	XS	3,65			Phường Yên Dũng	
4	Giáp Thị Thu	Hiền	Nữ	06/01/2000	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,33	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
5	Đỗ Thị Hà	Giang	Nữ	15/06/1998	Ninh Xá, Bắc Ninh	ĐH	LTCQ	GDTH	Khá	3,07				
6	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	13/07/1998	Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,19			Phường Nếnh	
7	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	25/11/2003	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,07			Xã Đông Phú	
8	Hoàng Thị	Ngân	Nữ	26/04/2002	Cảnh Thụy, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,13			Phường Yên Dũng	
9	Đỗ Minh	Thu	Nữ	13/06/2002	Chi Lăng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,03			Xã Xuân Cẩm	
10	Dương Thị	Huyền	Nữ	13/12/1992	Đào Viên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,18			Phường Đa Mai	
11	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	09/08/2003	Đại Lai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,00			Phường Tiền Phong	
12	Vũ Thị	Mai	Nữ	01/09/1994	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,12			Phường Yên Dũng	
13	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	08/06/1987	Tiền Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,25			Phường Nếnh	
14	Dương Thành	Nam	Nam	28/09/2003	Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,37			Phường Yên Dũng	
15	Lê Thị	Quyên	Nữ	02/08/1993	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,20			Xã Đồng Việt	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
16	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	27/07/2000	Yên Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,09			Phường Tân An	
17	Trần Thị	Phượng	Nữ	29/06/1996	Cảnh Thụy, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,37			Xã Đồng Việt	
18	Lưu Hải	Vân	Nữ	06/12/1992	Cảnh Thụy, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,46			Phường Yên Dũng	
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 05													
1	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	08/03/1990	P. Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Tin học ứng dụng	TBK	6,70			Phường Tân An	CCSP
2	Nguyễn Đăng	Mạnh	Nam	17/07/2000	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tin học	Khá	2,77			Phường Nam Dương	
3	Nguyễn Thị	Liu	Nữ	12/06/1988	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	ĐTTX	CNTT	Khá	7,51			Phường Tiền Phong	CCSP
4	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	25/10/2003	P. Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tin học	Khá	2,50			Phường Tiền Phong	
5	Nguyễn Thái	Sơn	Nam	22/11/1999	P. Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	CNTT	Khá	2,54			Phường Tiền Phong	CCSP
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Nguyễn Văn	Bảo	Nam	04/02/1993	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Giỏi	8,18			Phường Tân An	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 0													
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Trần Thị	Duyên	Nữ	25/05/2003	P. Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	2,66			Phường Yên Dũng	
2	Cao Văn	Bảo	Nam	05/01/1998	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	2,75			Xã Lạng Giang	
3	Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	31/08/2001	P. Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	3,17			Phường Yên Dũng	
	Giáo viên Hoá học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Đàm Thị	Vân	Nữ	09/12/1996	Nam Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa	Khá	2,76	DT	5	Xã Biên Sơn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	01/09/1998	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa	Giỏi	3,57			Xã Đồng Việt	Thạc sĩ công nghệ Hoá học
3	Thân Thị	Tuyết	Nữ	25/05/1997	Tiên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa	TB	2,36			Phường Tự Lạn	
4	Nguyễn Thị	Chi	Nữ	19/09/1996	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa	Khá	2,63	DT	5	Xã Biên Sơn	
19	**PHƯỜNG TIỀN PHONG**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 12, đăng ký: 24													
1	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	20/11/2002	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,32			Phường Tân An	
2	Phan Thị	Sen	Nữ	16/07/2003	Phường Tiền Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,90			Phường Tân An	
3	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	12/01/2003	Xã Hiệp Hòa,Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,05			Xã Hiệp Hòa	
4	Ngô Ngọc	Huyền	Nữ	03/01/2003	Tam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,35			Phường Tân An	
5	Vi Thị	Nguyệt	Nữ	21/06/2003	Sơn Hải, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,00	DT	5	Xã Sa Lý	
6	Giáp Ngọc	Quyên	Nữ	25/07/2001	Tân Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,23			Phường Vân Hà	
7	Ngô Thị Hồng	Nhung	Nữ	18/05/2002	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,90			Phường Cảnh Thụy	
8	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	07/07/1999	Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,19			Phường Nếnh	
9	Nguyễn Thục	Anh	Nữ	02/03/2001	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,98			Phường Yên Dũng	
10	Lê Thị	Thư	Nữ	11/04/1999	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,05			Phường Yên Dũng	
11	Trần Thanh	Huyền	Nữ	03/08/1998	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,39			Xã Kép	
12	Vũ Thùy	Liên	Nữ	06/06/1997	Xã Tân Yên,Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,29			Phường Bắc Giang	
13	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	12/11/2002	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,92			Phường Cảnh Thụy	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
14	Hoàng Bích	Ngọc	Nữ	22/03/1991	Phường Tiền Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,23	DT	5	Phường Tân An	
15	Lương Dược	Đức	Nam	30/12/2002	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,86	DT	5	Xã Bảo Đài	
16	Thân Thị	Thư	Nữ	30/04/1997	Phường Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,26			Phường Cảnh Thụy	
17	Đặng Thị Thu	Hương	Nữ	09/03/1995	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,72			Phường Bắc Giang	
18	Phạm Thị Khánh	Linh	Nữ	04/09/2002	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,34			Phường Yên Dũng	
19	Phạm Thị Mai	Anh	Nữ	19/08/2001	P. Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,79			Phường Phượng Sơn	
20	Nguyễn Xuân Thanh	Thuận	Nữ	10/10/2000	P. Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,45			Phường Tân Tiến	
21	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	01/08/2002	Xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,12			Xã Xuân Cẩm	
22	Trần Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	24/03/2003	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,92			Phường Tân An	
23	Hoàng Thảo	Linh	Nữ	31/05/2003	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,15			Phường Cảnh Thụy	
24	Trần Thị	Hiền	Nữ	09/04/2002	Vân Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,30	DT	5	Phường Nếnh	
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	28/09/2000	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tin học	Khá	3,08			Xã Xuân Cẩm	
	Giáo viên Âm nhạc: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Nguyễn Lê	Vân	Nữ	20/07/1998	Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Âm nhạc	Khá	2,53			Phường Bắc Giang	
20	**XÃ ĐỒNG VIỆT**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 10, đăng ký: 19													
1	Lục Thị	Duyên	Nữ	10/08/2003	Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,02	DT	5	Xã Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Vũ Thị	Thu	Nữ	29/09/2000	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,90			Phường Yên Dũng	
3	Trần Thị	Nga	Nữ	09/01/2000	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,15			Phường Yên Dũng	
4	Lê Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	22/10/2002	Đồng Việt, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,42			Phường Cảnh Thụy	
5	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	06/12/2003	Đồng Việt, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,09			Phường Cảnh Thụy	
6	Nguyễn Thị	Tiến	Nữ	26/10/2001	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,26			Xã Mỹ Thái	
7	Đặng Hà	Phương	Nữ	01/11/2000	Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,17			Xã Phúc Hòa	
8	Hoàng Trần Quỳnh	Anh	Nữ	20/06/2002	Đồng Việt, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,46			Phường Tiền Phong	
9	Nguyễn Thị Thu	Trà	Nữ	25/12/2003	Đồng Việt, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,40			Phường Cảnh Thụy	
10	Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	20/02/2003	Đồng Việt, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,19			Phường Cảnh Thụy	
11	Trần Thị Lệ	Thu	Nữ	21/03/2002	Cảnh Thụy, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,07			Phường Cảnh Thụy	
12	Ngọc Trung	Hiến	Nam	20/08/1994	Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,21			Xã Phúc Hòa	
13	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	05/12/2002	Đồng Việt, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,38			Phường Cảnh Thụy	
14	Lê Thị	Thủy	Nữ	20/11/2002	Đồng Việt, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,16			Phường Cảnh Thụy	
15	Hoàng Thu	Hà	Nữ	26/09/2003	Đồng Việt, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,10			Phường Cảnh Thụy	
16	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	05/01/2002	Lạng Giáng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,93			Phường Tiền Phong	
17	Nguyễn Thị Thúy	Nga	Nữ	09/11/1999	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,33			Phường Yên Dũng	
18	Chu Ước	Hạnh	Nữ	08/05/2002	Biên Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,22	DT	5	Xã Lục Ngạn	
19	Hoàng Thị	Linh	Nữ	05/03/2003	Đồng Việt, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,39			Phường Cảnh Thụy	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 04													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Kim Anh	Thái	Nam	24/10/1983	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	7,38			Phường Tân An	
2	Phạm Huy	Thiệp	Nam	12/02/1986	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	TBK	6,91			Phường Yên Dũng	
3	Nguyễn Việt	Anh	Nam	30/09/1985	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	7,32			Phường Tân An	Thạc sĩ GDTC
4	Trần Đăng	Thi	Nam	18/03/1984	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SPTDTT	Khá	7,04			Phường Nam Dương	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 07													
1	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	04/03/1992	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,89			Xã Bảo Đài	
2	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	20/06/1992	Đồng Việt, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,06			Xã Ngọc Thiện	
3	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	03/02/1991	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,80			Xã Hiệp Hòa	
4	Trần Thị	Hà	Nữ	26/06/1992	Phù Lãng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	TB	2,42			Xã Hoàng Vân	
5	Bùi Thị	Huệ	Nữ	01/06/1994	Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	LTCQ	Văn học	Giỏi	3,49			Xã Sa Lý	
6	Đào Thủy	Tiên	Nữ	11/10/1996	Cảnh Thụy, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,42			Xã Bảo Đài	Thạc sĩ
7	Trần Thị	Lý	Nữ	12/08/2001	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,76			Phường Tự Lạn	
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Trần Thị	Tâm	Nữ	18/10/2003	Xã Đồng Việt, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	2,93			Phường Yên Dũng	
2	Phạm Thị	Thảo	Nữ	09/08/2000	Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Giỏi	3,20				
	Giáo viên Hoá học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Trần Thị Lan	Anh	Nữ	03/12/2002	Đồng Việt, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP KHTN	Khá	3,10			Phường Cảnh Thụy	
2	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	20/07/2002	P.Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa	Khá	2,50			Phường Cảnh Thụy	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
21	**PHƯỜNG TÂN TIẾN**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 09, đăng ký: 23													
1	Đặng Thị Lan	Anh	Nữ	13/03/2003	Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,37			Phường Đa Mai	
2	Lê Hải	Yến	Nữ	23/01/2003	Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,47			Xã Kiên Lao	
3	Phan Hồng	Hoa	Nữ	11/04/2003	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,17			Phường Nếnh	
4	Đồng Thu	Hường	Nữ	22/09/2003	xã Lục Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,27			Xã Trường Sơn	
5	Dương Thị	Oanh	Nữ	27/06/2000	xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,07			Phường Yên Dũng	
6	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	20/04/1999	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,28			Phường Tiền phong	
7	Bùi Thị	Thư	Nữ	12/05/2001	Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,65			Phường Nếnh	
8	Đào Thị	Mến	Nữ	15/06/2002	Vô Tranh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,21	DT	5	Phường Đa Mai	
9	Ngô Thu	Hiền	Nữ	12/09/2000	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,23			Phường Việt Yên	
10	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	13/01/1997	Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,05			Phường Tân An	
11	Đinh Thị Bích	Thủy	Nữ	13/06/1989	Vũ Ninh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,18			Phường Bắc Giang	
12	Ngô Thị Quỳnh	Anh	Nữ	01/10/2001	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,23			Phường Tiền Phong	
13	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	26/09/2001	Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH - SP Tiếng Anh	Giỏi	3,56			Phường Tân An	
14	Lãnh Thị Quỳnh	Châu	Nữ	28/09/2003	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,14			Phường Tiền Phong	
15	Hoàng Thảo	Phương	Nữ	09/02/2002	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	XS	3,65			Phường Bắc Giang	
16	Vũ Thu	Trang	Nữ	27/06/2002	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,19				

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
17	Bùi Thị	Thảo	Nữ	19/12/2003	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,97			Phường Tiền Phong	
18	Mai Thị	Dung	Nữ	20/12/1994	Biển Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,46			Phường Bắc Giang	
19	Ngô Cẩm	Tú	Nữ	17/04/2002	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,25			Phường Tân An	
20	Nông Thị	Uyên	Nữ	24/05/2002	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,39	DT	5	Phường Nếnh	
21	Hà Hải	Thanh	Nữ	18/04/1998	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,89			Phường Đa Mai	
22	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	17/09/2003	Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,27			Phường Tân An	
23	Vương Thị Thanh	Tâm	Nữ	31/07/2002	Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	TB	2,39			Phường Tiền Phong	
22	**PHƯỜNG YÊN DŨNG**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 12, đăng ký: 31													
1	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	04/02/2003	P. Đào Viên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH - SP Tiếng Anh	XS	3,70			Phường Cảnh Thụy	
2	Đoàn Thị	Quỳnh	Nữ	22/01/2003	X. Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,07			Phường Cảnh Thụy	
3	Hoàng Thị Thu	Hằng	Nữ	05/11/2003	X. Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,96	DT	5	Phường Cảnh Thụy	
4	Đàm Thị	Yến	Nữ	12/04/2001	P. Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,24			Phường Việt Yên	
5	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	15/12/2000	P. Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,15			Xã Xuân Cẩm	
6	Lương Thị	Chinh	Nữ	11/12/1992	X.Xuân Lương, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,78	DT	5	Xã Kép	
7	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	21/08/2003	P. Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,27			Phường Cảnh Thụy	
8	Phùng Thị	Tuyết	Nữ	13/10/1999	P. Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,13			Phường Việt Yên	
9	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	23/05/1990	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,20			Phường Vân Hà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
10	Nguyễn Thị	Tám	Nữ	05/09/1999	Song Liễu, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,10			Phường Cảnh Thụy	
11	Nguyễn Thị Kim	Hoàn	Nữ	24/09/2002	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,13			Phường Cảnh Thụy	
12	Nguyễn Phạm Mai	Phương	Nữ	18/12/2003	P. Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,16			Phường Nếnh	
13	Nguyễn Thị Hà	Tiên	Nữ	21/06/2003	P. Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,39			Phường Cảnh Thụy	
14	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nữ	24/07/2003	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,17			Phường Vân Hà	
15	Bùi Thị Thanh	Nga	Nữ	10/08/2002	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,05			Phường Tân Tiến	
16	Hà Thị	Vi	Nữ	12/12/2000	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,13			Phường Cảnh Thụy	
17	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	19/09/2001	Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,35			Xã Phúc Hòa	
18	Ong Thị Mỹ	Duyên	Nữ	22/07/1997	Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,08			Phường Cảnh Thụy	
19	Hoàng Thùy	Dương	Nữ	05/10/1995	Quảng Hòa, Cao Bằng	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,40	DT	5	Phường Cảnh Thụy	
20	Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	15/06/1997	Nhân Hòa, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,84			Phường Việt Yên	
21	Phạm Thị	Loan	Nữ	27/08/1999	Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,89			Phường Tự Lạn	
22	Nguyễn Thị	Nữ	Nữ	19/10/1998	Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,98			Phường Nếnh	
23	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	14/11/1997	Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,15			Phường Nếnh	
24	Nguyễn Mai	Hương	Nữ	06/03/2003	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,27			Phường Cảnh Thụy	
25	Lê Phương	Anh	Nữ	27/06/2003	Tiền Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,28			Phường Tiền Phong	
26	Vi Thị	Loan	Nữ	07/01/1992	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,25	CTB	5	Phường Cảnh Thụy	
27	Hà Thị Loan	Phượng	Nữ	07/12/1998	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,21			Phường Tân An	
28	Đỗ Diệu	Hương	Nữ	21/09/2003	Hồng Vân, Hà Nội	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,93			Phường Tân An	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
29	Vi Thị	Mai	Nữ	12/03/2002	Tân Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,23	DT	5	Phường Nam Dương	
30	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	09/11/2003	Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,04			Phường Nếnh	
31	Trần Phương	Nga	Nữ	23/12/2001	Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,23			Phường Tân An	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	28/10/1994	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Giỏi	8,44			Phường Cảnh Thụy	Thạc sĩ giáo dục học
	Giáo viên Mỹ thuật: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 05													
1	Ngụy Thị	Tình	Nữ	21/07/1991	Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Mĩ Thuật	Khá	2,76			Xã Sa Lý	
2	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	Nữ	31/07/1995	Bắc Lũng, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Mĩ Thuật	Khá	3,02			Xã Quang Trung	
3	Nguyễn Đức	Long	Nam	25/03/2000	Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mĩ Thuật	Giỏi	3,41			Xã Quang Trung	
4	La Thị	Hải	Nữ	27/07/1991	P.Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mĩ Thuật	Khá	7,72	DT	5	Xã Quang Trung	
5	Vi Thị	Tuyết	Nữ	22/03/1991	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mĩ Thuật	Khá	7,96	DT	5	Xã Quang Trung	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Dương Quang	Minh	Nam	12/11/2003	Hải Dương, Hải Phòng	ĐH	CQ	GDTC	Khá	2,71			Phường Vân Hà	
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 15													
1	Lưu Thị Thanh	Huyền	Nữ	30/6/2002	Phường Cảnh Thụy, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Giỏi	3,46			Phường Cảnh Thụy	
2	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	08/10/1997	Ninh Sơn, Việt Yên	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	2,75			Phường Việt Yên	
3	Đáo Thị	Bình	Nữ	10/4/1991	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán	Giỏi	8,11			Xã Cảnh Thụy	
4	Nguyễn Văn	Tân	Nam	26/03/1997	Xã Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	2,81			Xã Tân Dĩnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
5	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	12/06/2003	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	7,59			Phường Việt Yên	
6	Tạ Thị	Duyên	Nữ	03/10/2003	Phường Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	3,04			Phường Bắc Giang	
7	Chu Thị Thu	Nghĩa	Nữ	30/9/1995	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán	Khá	3,20			Xã Hiệp Hòa	
8	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	25/4/2001	Phường Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	2,77			Xã Mỹ Thái	
9	Hoàng Thị Nhật	Huyền	Nữ	18/05/2001	Xã Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	2,61			Xã Mỹ Thái	
10	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	24/04/2003	Đông Cứu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Giỏi	3,29			Phường Việt Yên	
11	Phùng Thị Ngọc	Bích	Nữ	30/9/1996	Phù Lãng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán	Khá	3,12			Xã Đồng Việt	
12	Lương Thị Minh	Nguyệt	Nữ	25/02/2003	Phường Nếnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	TB	2,39			Phường Bắc Giang	
13	Lê Thu	Thảo	Nữ	15/6/1997	Phường Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	LTCQ	SP Toán	Khá	3,05			Phường Đồng Việt	
14	Ngô Thị	Bính	Nữ	27/8/1997	Xã Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Khá	2,55			Phường Đồng Việt	
15	Dương Thị Nguyệt	Minh	Nữ	11/09/2003	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	Giỏi	3,22			Xã Hiệp Hòa	
23	**PHƯỜNG ĐA MAI**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 08													
1	Vũ Thị Lệ	Thủy	Nữ	02/02/2004	Đa Mai, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,54			Xã Tân Yên	
2	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	25/06/1998	Đa Mai, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,98				
3	Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	02/04/1984	Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,36			Xã Xuân Cẩm	
4	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	21/09/1999	Đa Mai, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,49	DT	5	Phường Việt Yên	
5	Vi Thị	Yến	Nữ	10/05/1995	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,27			Phường Việt Yên	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
6	Nguyễn Mai	Hiền	Nữ	07/05/2003	Tân Yên, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,49			Xã Quang Trung	
7	Hoàng Thị	Tuyết	Nữ	21/03/1992	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,15			Xã Tân Yên	
8	Hoàng Thị Thanh	Hiền	Nữ	28/03/2004	Xuân Cẩm, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,36			Xã Xuân Cẩm	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	10/08/2003	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,02	DT	5	Xã Phúc Hòa	
2	Trần Quỳnh	Mai	Nữ	18/07/2001	Đông Phú, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,19			Phường Bắc Giang	
3	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	28/06/2001	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,78			Xã Đồng Việt	
4	Phạm Thị	Hậu	Nữ	13/05/1995	Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	2,94			Phường Việt Yên	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	22/04/1999	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Giỏi	3,47			Phường Việt Yên	
2	Nguyễn Mạnh Trường	Anh	Nam	26/09/1997	Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	2,91			Phường Việt Yên	
24	**XÃ LẠNG GIANG**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 06													
1	Trịnh Phương	Anh	Nữ	17/09/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,41			Xã Mỹ Thái	
2	Đặng Thị	Huế	Nữ	20/06/1995	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,37			Xã Tân Dĩnh	
3	Trần Hương	Giang	Nữ	29/11/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,04			Xã Bảo Đài	
4	Trần Thị Bắc	Hà	Nữ	16/08/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,10			Xã Bảo Đài	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
5	Phạm Hoàng Hương	Giang	Nữ	10/12/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,76	TB	5	Xã Bảo Đài	
6	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	15/03/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,03			Xã Bảo Đài	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Địa lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Hoàng Ngọc	Linh	Nữ	25/11/2003	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Giỏi	3,36	DT	5	Xã Hiệp Hoà	
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 12													
1	Lê Đặng Hải	Hà	Nữ	24/08/1988	Phường Thạch Thất - Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	TBK	6,95			Xã Hiệp Hòa	
2	Đỗ Thị	Hảo	Nữ	23/12/2000	Xã Bảo Đài - Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,21			Xã Kép	
3	Trần Ánh	Dương	Nữ	06/02/2002	Xã Nhã Nam - Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,26			Xã Mỹ Thái	
4	Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	26/11/2003	Xã Lạng Giang - Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,69	DT	5	Xã Tiên Lục	
5	Nguyễn Minh	Cường	Nam	26/06/1996	Xã Bố Hạ - Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,60			Xã Mỹ Thái	Thạc sĩ
6	Giáp Thị Hồng	Thúy	Nữ	12/05/2000	Xã Tân Yên - Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,93			Xã Kép	
7	Lê Thị	Hiền	Nữ	02/12/1997	Xã Lạng Giang - Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,74			Xã Tiên Lục	
8	Đinh Thị	Hà	Nữ	11/04/2002	Xã Lạng Giang - Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,84			Xã Tiên Lục	
9	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	29/09/1988	Xã Lạng Giang - Bắc Ninh	ĐH	CQ	Toán - Tin ứng dụng	TBK	6,58			Xã Kép	Thạc sĩ
10	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	27/05/2001	Xã Lạng Giang - Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,61			Xã Hiệp Hòa	
11	Đặng Thu	Vân	Nữ	17/10/1990	Xã Tam Nông - Phú Thọ	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,32			Xã Mỹ Thái	
12	Phạm Như	Nguyệt	Nữ	23/12/1996	Xã Yên Định - Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,45	DT	5	Xã Tân Dĩnh	
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Bùi Thị	Thuỷ	Nữ	11/06/1999	Xã Kim Đông, Ninh Bình	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,72			Xã Tiên Lục	
25	**XÃ TÂN DĨNH**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 05, đăng ký: 31													
1	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	09/01/1998	Phường Tân An, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,29			Xã Mỹ Thái	
2	Doãn Thị	Hợp	Nữ	24/11/1987	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,19				
3	Đặng Thị	Nam	Nữ	01/06/1990	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	TBK	6,61				
4	Nguyễn Thị	Thiện	Nữ	20/12/1995	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,03			Xã Quang Trung	
5	Phòng Thị	Oanh	Nữ	04/11/2001	Phường Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	TB	2,44			Xã Mỹ Thái	
6	Lê Thị Anh	Phương	Nữ	17/08/1993	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,22			Xã Hoàng Vân	
7	Dương Thị Thuỳ	Linh	Nữ	20/11/1995	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,64			Xã Mỹ Thái	
8	Nguyễn Thu	Huyên	Nữ	08/03/1996	Phường Chũ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,85			Phường Chũ	
9	Nguyễn Phương	Trang	Nữ	01/09/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,59			Xã Tiên Lục	
10	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	31/05/2000	Xã Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,25			Xã Mỹ Thái	
11	Nguyễn Ngọc	Minh	Nữ	13/08/2000	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,58			Xã Bảo Đài	
12	Lê Thị	Thơi	Nữ	02/11/1989	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,78				
13	Nguyễn Thị	Thìn	Nữ	06/01/1988	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,08			Xã Mỹ Thái	
14	Ngô Thị Thu	Hằng	Nữ	02/10/1995	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,94			Xã Mỹ Thái	
15	Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	01/09/2003	Phường Mão Điền, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,83			Xã Mỹ Thái	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
16	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	02/10/2003	Xã Nam Dương, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,03			Xã Mỹ Thái	
17	Giáp Thị Thanh	Xuân	Nữ	29/01/2001	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,56				
18	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	08/03/1996	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,00			Xã Mỹ Thái	
19	Nguyễn Thị	Thuý	Nữ	29/02/1992	Phường Tân An, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,23			Xã Quang Trung	
20	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	27/05/2004	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,21			Xã Mỹ Thái	
21	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	05/10/1996	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,95			Xã Hiệp Hoà	
22	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	08/10/2001	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,27	DT	5	Xã Xuân Cẩm	
23	Hạ Thị	Hạnh	Nữ	10/10/1993	Phường Võ Cường, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,30	DT	5	Xã Kép	
24	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	25/08/1995	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,99				
25	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	31/08/1995	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,16			Xã Tiên Lục	
26	Hà Thị	Liên	Nữ	15/3/1993	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,08	DT	5	Xã Mỹ Thái	
27	Trần Hải	Ly	Nữ	19/01/2004	Phường Tân An, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,15			Xã Kép	
28	Dương Thị	Phượng	Nữ	08/10/1988	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,97			Xã Mỹ Thái	
29	Trần Thị	Dương	Nữ	17/11/1995	Xã Đồng Việt, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,42			Xã Mỹ Thái	
30	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	16/10/1993	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,81			Xã Tân Yên	
31	Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	01/09/2003	Xã Lục Nam, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,20			Xã Mỹ Thái	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 04													
1	Lê Hồng	Nhung	Nữ	09/09/2003	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,03			Xã Mỹ Thái	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Phan Thu	Quỳnh	Nữ	28/10/2002	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,08			Xã Ngọc Thiện	
3	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	17/09/1998	Phường Đồng Nguyên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,05			Phường Nếnh	
4	Hà Thị	Thuý	Nữ	07/03/2003	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,06			Xã Bảo Đài	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Đỗ Thanh	Hiền	Nữ	20/12/2001	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,05			Phường Yên Dũng	
2	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	27/06/2003	Phường Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,54			Phường Yên Dũng	
3	Đỗ Minh	Hiền	Nữ	10/11/1998	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	2,99			Xã Lạng Giang	
4	Hoàng Văn	Thịnh	Nam	22/12/1998	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	3,08	DT	5		
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Thị Hải	Ly	Nữ	11/10/1996	Xã Cẩm Lý, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Giỏi	3,21			Xã Mỹ Thái	
2	Dương Thị	Biên	Nữ	26/09/1990	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	3,07	DT	5	Phường Nếnh	
3	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	08/10/1997	Phường Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Giỏi	3,37			Xã Lạng Giang	
4	Ngô Thị Thu	Hoài	Nữ	30/11/1996	Xã Xuân Cẩm, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	3,07			Xã Mỹ Thái	
26	**XÃ MỸ THÁI**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 10, đăng ký: 115													
1	Hoàng Thị	Linh	Nữ	19/7/2001	Thống Nhất, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,06	DT	5	Kép	
2	Nguyễn Lan	Hương	Nữ	16/6/1998	Mỹ Thái, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,29			Tân Dĩnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
3	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	Nữ	14/10/1997	Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,96	DT	5	Quang Trung	
4	Trịnh Thị	Tươi	Nữ	30/12/1998	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,62			Tiên Lục	
5	Nịnh Mỹ	Linh	Nữ	27/5/2000	Lục Ngạn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,32	DT	5	Chũ	
6	Lê Thị Ngọc	Lan	Nữ	03/10/2004	Tiên Lục, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,33			Tiên Lục	
7	Dương Thị	Linh	Nữ	09/11/2000	Lục Ngạn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,51			Kiên Lao	
8	Lãnh Thị	Nam	Nữ	03/9/1991	Biển Động, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,20			Phượng Sơn	
9	Hoàng Thị	Hiên	Nữ	22/7/1991	Mỹ Thái, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,14			Quang Trung	
10	Nguyễn Thị	Cải	Nữ	13/8/1996	Mỹ Thái, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,22			Tân Dĩnh	
11	Lê Thị	Thúy	Nữ	22/10/1999	Bảo Đài, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,42			Xuân Cẩm	
12	Phan Thị	Linh	Nữ	30/9/2003	Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,26			Tân Dĩnh	
13	Trần Thị	Quý	Nữ	29/01/1993	Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,56			Tân Dĩnh	
14	Vũ Thùy	Linh	Nữ	23/4/2004	Mỹ Thái, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,74			Tân Dĩnh	
15	Bùi Thị	Thảo	Nữ	29/5/1995	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,55			Tân Dĩnh	
16	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	17/3/2003	Phượng Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,43			Kép	
17	Tô Thị Thành	Xuân	Nữ	09/01/1999	Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,00			Kiên Lao	
18	Lê Thanh	Huyền	Nữ	25/4/2003	Bố Hạ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,02			Quang Trung	
19	Hà Kiều	Oanh	Nữ	02/01/1996	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,06			Quang Trung	
20	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	16/4/2001	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,10			Tân Dĩnh	
21	Lê Thị	Vân	Nữ	16/7/1994	Tuấn Đạo, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,21			Chũ	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
22	Vy Thị	Vĩ	Nữ	24/02/2004	Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,36			Hợp Thịnh	
23	Phạm Thùy	Dương	Nữ	20/4/2003	Yên Định, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,13	DT	5	Tân Dĩnh	
24	Hoàng Thị	Lý	Nữ	11/5/1986	Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Giáo dục mầm non	TBK	6,39			Tân Dĩnh	
25	Hoàng Thị Minh	Lý	Nữ	22/8/1996	Tam Thanh, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	TBK	6,54	DT	5	Hoàng Vân	
26	Hoàng Thị	Mơ	Nữ	28/11/1996	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,40			Phượng Sơn	
27	Hà Thị Minh	Thư	Nữ	07/11/2004	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,41			Trường Sơn	
28	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	07/02/2002	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,50			Đông Phú	
29	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	Nữ	25/3/2003	Mỹ Thái, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,82			Tân Dĩnh	
30	Bế Thị	Hân	Nữ	24/9/1994	Yên Dũng, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,00	DT	5	Tân Dĩnh	
31	Trần Thị	Thúy	Nữ	17/02/1988	Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,20			Tân Dĩnh	
32	Ngô Khánh	Ngọc	Nữ	24/12/2001	Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,39			Đa Mai	
33	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	13/12/2003	Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,22			Tiên Lục	
34	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	23/7/2002	Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,21	DT	5	Vân Hà	
35	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	29/10/2002	Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,03				
36	Hữu Thị	Thủy	Nữ	25/9/1986	Lục Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,58			Nghĩa Phương	
37	Hoàng Thị Thanh	Lịch	Nữ	03/05/1997	Mỹ Thái, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,59			Đa Mai	
38	Lê Thị Như	Xuân	Nữ	19/9/2004	Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,17			Tân Dĩnh	
39	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	20/02/2003	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,26			Phượng Sơn	
40	Lý Thị	Hằng	Nữ	24/12/1995	Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,95	DT	5	Kép	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
41	Kim Thị	Phượng	Nữ	15/02/2004	Xuân Lương, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,39			Ngọc Thiện	
42	La Thị Bích	Ngọc	Nữ	24/4/1999	Bố Hạ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,83	DT	5	Tiên Lục	
43	Nguyễn Minh	Ánh	Nữ	03/12/1996	Bắc Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,88			Tân Dĩnh	
44	Hà Thị Kim	Chi	Nữ	05/12/2002	Mỹ Thái, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,36			Kiên Lao	
45	Ngọc Thị	Thảo	Nữ	10/5/1993	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,58	DT	5	Kép	
46	Hoàng Thị	Hoan	Nữ	01/12/1993	Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,34	DT	5	Ngọc Thiện	
47	Hoàng Thị	Mai	Nữ	09/9/1991	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,12			Kép	
48	Ngô Thị	Tiên	Nữ	01/10/1994	Minh Tiến, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,96	DT	5	Kép	
49	Ngọc Thị	Hường	Nữ	23/02/1994	Dương Hưu, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,30			Phượng Sơn	
50	Hoàng Thị	Nga	Nữ	21/10/1996	Hữu Lũng, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,96	DT	5	Tiên Lục	
51	Chu Thị	Đào	Nữ	25/5/1993	Yên Định, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,97			Hợp Thịnh	
52	Nguyễn Thị	Diễn	Nữ	22/11/1994	Yên Định, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,40	DT	5	Hợp Thịnh	
53	Lành Thanh	Loan	Nữ	06/10/1995	An Sơn, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,22	DT	5	Quang Trung	
54	Lân Thị	Phượng	Nữ	20/11/2000	Cần Yên, Cao Bằng	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,97	DT	5	Quang Trung	
55	Trần Thị Mến	Thương	Nữ	14/7/2001	Chũ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,33			Chũ	
56	Trương Thị	Ngọc	Nữ	11/3/2002	Bảo Đài, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,31			Hiệp Hòa	
57	Dương Thanh	An	Nữ	12/5/1993	Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,24			Tiên Lục	
58	Đỗ Thị	Thúy	Nữ	03/7/1999	Mỹ Thái, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,90			Bảo Đài	
59	Vi Thị	Mai	Nữ	23/3/1990	Dương Hưu, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,21	DT	5	Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
60	Lương Anh	Thư	Nữ	12/3/2003	Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,02			Tiên Lục	
61	Hoàng Mai	Giang	Nữ	14/9/2003	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,33			Tân Dĩnh	
62	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	09/10/1990	Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,18			Tân Dĩnh	
63	Vũ Thị	Hằng	Nữ	18/7/2003	Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,34			Phượng Sơn	
64	Vũ Thị Hà	Trang	Nữ	18/9/1997	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,42			Tiên Lục	
65	Dương Thùy	Linh	Nữ	02/7/1998	Bắc Sơn, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,18	DT	5	Kép	
66	Lưu Thị Thu	Hương	Nữ	29/7/1994	Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,17	DT	5	Hiệp Hòa	
67	Nguyễn Thị	Vấn	Nữ	06/5/1995	Hữu Lũng, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,91			Tiên Lục	
68	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	21/11/1991	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	TBK	6,51			Tiên Lục	
69	Trần Thị	Mai	Nữ	05/11/1994	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,15			Quang Trung	
70	Đặng Thị	Huệ	Nữ	29/8/1991	Yên Phúc, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,96	DT	5	Kép	
71	Vi Thị	Viên	Nữ	10/7/2003	Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,42	DT	5	Hiệp Hòa	
72	Hoàng Thị Ánh	Hòe	Nữ	18/8/2002	Đa Mai, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,60			Đa Mai	
73	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	27/7/1995	Bắc Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,14			Hiệp Hòa	
74	Nông Thị	Thiết	Nữ	25/11/1993	Đồng Kỳ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,96	DT	5	Hợp Thịnh	
75	Lê Thị	Trang	Nữ	17/8/1998	Lục Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,06			Tân Dĩnh	
76	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	09/01/1999	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,03			Tân Dĩnh	
77	Đặng Thị	Hằng	Nữ	15/4/2000	Tân Ninh, Thanh Hóa	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,39			Tân Dĩnh	
78	Vi Thị	Huệ	Nữ	02/11/1995	Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,03	DT	5		

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
79	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	08/3/1996	Bắc Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,14			Tân Dĩnh	
80	Nông Thị	Thế	Nữ	20/4/1986	Lộc Bình, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,94	DT	5	Hiệp Hòa	
81	Hoàng Thị Hoa	Phượng	Nữ	18/11/2000	Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,91	DT	5	Quang Trung	
82	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	21/7/1990	Tân An, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,74			Tân Dĩnh	
83	Lương Thị	Hằng	Nữ	20/3/1994	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,94	DT	5	Tân Dĩnh	
84	Mai Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	06/7/1997	Tam Tiến, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,42			Tiên Lục	
85	Nguyễn Kim	Hằng	Nữ	30/10/1992	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,29	DT	5	Tân Dĩnh	
86	Chu Ngọc	Ngoan	Nữ	02/10/2000	Lợi Bác, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,81	DT	5	Hiệp Hòa	
87	Hà Thị	Thơ	Nữ	24/12/1991	Đồng Đăng, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,12	DT	5	Tân Yên	
88	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	24/07/1997	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,61			Nghĩa Phương	
89	Vũ Thị	Triệu	Nữ	27/6/1987	Bắc Lũng, Bắc Ninh	CĐ	CQ	SP Giáo dục mầm non	Giỏi	3,49				
90	Chu Linh	Nhâm	Nữ	03/10/2002	Thất Khê, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,94	DT	5	Việt Yên	
91	Hoàng Diệu	Tuyết	Nữ	05/11/1990	Yên Phúc, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	TBK	6,42	DT	5	Tân Dĩnh	
92	Hà Thị Hồng	Liên	Nữ	28/6/2004	Mỹ Thái, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,60			Hiệp Hòa	
93	Nguyễn Hương	Lý	Nữ	13/10/2003	Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,80			Tân Dĩnh	
94	Ngô Thị Hải	Yến	Nữ	28/01/1995	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	TBK	6,56			Tiên Lục	
95	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	18/9/2003	Dương Đức, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,31			Tiên Lục	
96	Nguyễn Thị	Thìn	Nữ	17/9/1992	Bố Hạ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,30			Tiên Lục	
97	Trần Thị	Nguyên	Nữ	09/01/2001	Mỹ Thái, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,21			Tân Dĩnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
98	Ong Thị	Thu	Nữ	24/02/1993	Cảng Thụy, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,18			Tân Dĩnh	
99	Hoàng Thị	Vân	Nữ	17/11/1991	Yên Dũng, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,09			Tiên Lục	
100	Triệu Thị	Dịu	Nữ	16/01/2000	Thiện Tân, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,75	DT	5	Tiên Lục	
101	Ngô Thị Kim	Chi	Nữ	25/4/2004	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,17			Phượng Sơn	
102	Hoàng Thị Mai	Hương	Nữ	20/4/1993	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,48	DT	5	Kép	
103	Tăng Thị	Hoa	Nữ	20/02/1984	Chu Văn An, Hải Phòng	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,49	CTB	5	Tân Dĩnh	
104	Hoàng Thị	Vùng	Nữ	10/8/1997	Đông Kinh, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,30	DT	5	Kép	
105	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	08/12/2000	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,37			Tiên Lục	
106	Vũ Thị	Thu	Nữ	16/02/1994	Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,85			Tân Dĩnh	
107	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	16/6/1989	Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,14			Hiệp Hòa	
108	Hứa Thị	Yến	Nữ	10/12/1989	Chi Lăng, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá		DT	5		
109	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	12/11/1997	Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,62			Việt Yên	
110	Hoàng Thị	Thanh	Nữ	03/9/2004	Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	TB	2,46	DT	5	Kiên Lao	
111	Ngô Thu	Hằng	Nữ	28/4/2000	Tân Dĩnh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,08			Tân Dĩnh	
112	Nông Thùy	Nguyệt	Nữ	19/01/2000	Quan Sơn, Lạng Sơn	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,75	DT	5	Kép	
113	Trần Thị	Lệ	Nữ	03/9/1988	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,71	CTB	5	Kép	
114	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	09/6/2000	Trung Chính, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,36			Tân Dĩnh	
115	Vương Thu	Trang	Nữ	04/10/2000	Bắc Giang, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,14			Kép	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 06, đăng ký: 19													
1	Ngô Thị Ánh	Tuyết	Nữ	27/7/2002	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,29			Lạng Giang	
2	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	27/11/2002	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Đa Mai	
3	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	01/9/2003	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,24			Tân Dĩnh	
4	Tôn Thị	Loan	Nữ	12/10/1993	Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,21			Bảo Đài	
5	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	28/9/2002	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,83			Bắc Giang	
6	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	24/7/2001	Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,08			Lạng Giang	
7	Bùi Thị Thu	Thảo	Nữ	05/10/2003	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,99			Tiên Lục	
8	Nguyễn Phương	Huyền	Nữ	30/8/2002	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,64				
9	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	13/5/2002	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,07			Lạng Giang	
10	Ngô Thị Hải	Yến	Nữ	18/02/2002	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,13				
11	Trần Tú	Lan	Nữ	19/4/2001	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,31			Tiên Lục	
12	Nguyễn Thị	Minh	Nữ	16/01/2003	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,00			Tiên Lục	
13	Ninh Thị Mỹ	Duyên	Nữ	12/12/2003	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,47			Yên Dũng	
14	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	10/5/2003	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,41			Bắc Giang	
15	Ninh Thị Thùy	Dương	Nữ	06/9/2003	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,36			Vân Hà	
16	Ngô Thị Thu	Hà	Nữ	18/10/2002	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,20			Phượng Sơn	
17	Mạc Thị Huyền	Trang	Nữ	13/10/2001	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Tiên Lục	
18	Đào Nguyễn Quý	Thu	Nữ	12/10/2003	Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,47			Tân Dĩnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
19	Phạm Linh	Hương	Nữ	18/02/2002	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,94			Kép	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 18													
1	Phan Thị Lan	Nhi	Nữ	10/9/2003	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,41				
2	Hà Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23/7/2003	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,10			Hợp Thịnh	
3	Nguyễn Thị	Sao	Nữ	07/01/2003	Lục Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,84			Hoàng Vân	
4	Dương Ngọc	Ánh	Nữ	30/12/2003	Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,55			Bảo Đài	
5	Vương Thị Hương	Giang	Nữ	17/4/2001	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,11	DT	5	Việt Yên	
6	Nguyễn Trà	My	Nữ	07/8/2002	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,58			Tiên Lục	
7	Nguyễn Thúy	Linh	Nữ	28/6/2001	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,43			Bảo Đài	
8	Ngô Thị Thu	Uyên	Nữ	16/4/2001	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,48			Tiên Lục	
9	Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	18/01/2002	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,59			Tiên Lục	
10	Nguyễn Thị Huyền	Mỹ	Nữ	02/11/1992	Tam Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ Văn	Khá	3,12				
11	Dương Thị	Phú	Nữ	12/6/1994	Lục Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	TB	2,13	DT	5	Bảo Đài	
12	Triệu Hương	Trầm	Nữ	09/5/1991	Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	TB	2,20	DT	5	Tiên Lục	
13	Vũ Kim	Anh	Nữ	03/8/1995	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,21			Tiên Lục	
14	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	03/3/1988	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Văn học		7,27			Tiên Lục	Thạc sĩ Văn học
15	Đinh Thị	Linh	Nữ	10/10/2002	Phúc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,62			Tiên Lục	
16	Hà Thị Tuyết	Nhung	Nữ	02/8/2002	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	3,05			Hợp Thịnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
17	Trần Thị Linh	Chi	Nữ	14/4/2003	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Khá	2,80			Hợp Thịnh	
18	Hà Thị	Hảo	Nữ	22/6/1998	Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	Giỏi	3,46			Tiên Lục	
	Giáo viên Địa lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Nông Thị	Tốt	Nữ	16/5/1991	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,97	DT	5	Lạng Giang	
2	Đồng Thị Minh	Hằng	Nữ	29/3/1997	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,73			Tự Lạn	
3	Phạm Thị	Nhung	Nữ	05/3/1992	Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Địa lý	Giỏi	8,02	CTB	5	Tiên Lục	
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 06, đăng ký: 48													
1	Nguyễn Xuân	Tuyến	Nam	23/10/1997	Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	LT	SP Toán học	Khá	7,36			Tiên Lục	
2	Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	15/10/2000	Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,12			Tiên Lục	
3	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	14/8/2001	Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,45			Tiên Lục	
4	Nguyễn Văn	Biển	Nam	30/01/1997	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,61			Việt Yên	Thạc sĩ
5	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	04/5/2003	Đông Cứu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,71			Tiên Lục	
6	Tạ Phương	Ngân	Nữ	06/11/2001	Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,56			Bắc Giang	
7	Nguyễn Thị	Thi	Nữ	02/5/1987	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,27			Hoàng Vân	
8	Nguyễn Văn	Bình	Nam	20/11/2003	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,56			Tiên Lục	
9	Lãnh Thu	Hà	Nữ	16/9/2003	Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,00			Lục Ngạn	
10	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	23/01/1993	Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,26			Tiên Lục	
11	Lưu Thị	Mến	Nữ	08/9/1998	Nhân Thắng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,40			Tiên Lục	
12	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23/10/2003	Tân An, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,90			Tiên Lục	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
13	Dương Thu	Hương	Nữ	21/6/2001	Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,44			Tiên Lục	
14	Nguyễn Thị	Miền	Nữ	29/11/1988	Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán	TBK	6,64			Tiên Lục	
15	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	08/01/1995	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,97			Việt Yên	
16	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	05/12/1996	Nhân Thắng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,45			Yên Dũng	
17	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	Nữ	18/02/2003	Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,45			Lạng Giang	
18	Nguyễn Tú	Anh	Nữ	03/3/2001	Lạc Thủy, Hòa Bình	ĐH	CQ	SP Toán	TBK	2,26	DT	5	Lạng Giang	
19	Nguyễn Thị	Mùi	Nữ	20/7/1995	Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,22			Tiên Lục	
20	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	11/3/1993	Đại Xuyên, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,48	CTB	5	Kép	
21	Lê Đình	Tuấn	Nam	24/10/2000	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,51			Đồng Việt	
22	Thân Thị	Hường	Nữ	03/4/2001	Phúc Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,72			Tiên Lục	
23	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	18/6/2000	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,86			Tiên Lục	
24	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	28/9/1998	Vũ Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,94			Việt Yên	
25	Hà Thị	Ly	Nữ	29/5/1990	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,64			Tân Dĩnh	Thạc sĩ
26	Nguyễn Nhật	Lệ	Nữ	04/9/1996	Kinh Bắc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,86			Tiên Lục	Thạc sĩ
27	Ngô Thị	Chung	Nữ	07/02/2002	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,70			Hợp Thịnh	
28	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	17/11/2003	Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,70			Hiệp Hòa	
29	Nguyễn Thảo	Vân	Nữ	15/10/2003	Ninh Xá, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,83			Tiên Lục	
30	Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	09/3/2002	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,74			Lạng Giang	
31	Nguyễn Thị	Hoàn	Nữ	06/12/2002	Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,43			Hiệp Hòa	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
32	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	27/3/2003	Đông Hưng, Thái Bình	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,18			Tiên Lục	
33	Hà Thị Thúy	Hường	Nữ	02/7/2003	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,29				
34	Nguyễn Thị	Vui	Nữ	06/02/1995	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,76			Đồng Việt	
35	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	26/9/2003	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,65			Xuân Cẩm	
36	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	24/3/1997	Văn Môn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,09			Việt Yên	
37	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	02/02/1999	Phù Đổng, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,13			Việt Yên	
38	Lưu Minh	Quý	Nam	25/8/1995	Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,54	DT	5	Tiên Lục	
39	Ngô Thị Hoài	Linh	Nữ	25/7/2001	Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,54			Tiên Lục	
40	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	17/02/2002	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Khoa học tự nhiên	Khá	2,75			Việt Yên	
41	Nguyễn Thanh	Loan	Nữ	20/3/2001	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,27			Tiên Lục	
42	Vũ Thị Thu	Thủy	Nữ	05/01/2003	Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,91			Tiên Lục	
43	Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	02/12/1998	Đào Viên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học		2,77			Tiên Lục	Thạc sĩ
44	Vũ Hồng	Đăng	Nam	28/12/2001	Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,59			Kép	
45	Vũ Thị Khánh	Linh	Nữ	17/9/2003	Nhã Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,91			Hiệp Hòa	
46	Vương Thị Minh	Nguyệt	Nữ	03/6/2001	Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,84			Hoàng Vân	
47	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	06/02/1995	Hưng Đạo, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Toán học	XS	3,70			Tiên Lục	
48	Trần Văn	Khánh	Nam	30/7/2002	Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,34			Tiên Lục	
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	14/5/2002	Ba Chẽ, Quảng Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,84	DT	5	Tiên Lục	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Đàm Thị Bảo	Liên	Nữ	25/5/1993	Bắc Lủng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	3,23	DT	5	Lục Ngạn	
3	Vũ Phương	Thảo	Nữ	03/11/1997	Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,79			Tiên Lục	
4	Lê Thị Minh	Hiền	Nữ	27/12/2002	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Khoa học tự nhiên	Khá	2,71			Tiên Lục	
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Lâm Thị	Thành	Nữ	07/3/1995	Tân Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,55	DT	5	Tân Dĩnh	
27	**XÃ TIÊN LỤC**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 05, đăng ký: 28													
1	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	01/03/2002	Mỹ Hà, Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,27			Xã Mỹ Thái	
2	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	08/02/1994	Xuân Hương, Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,15			Xã Kép	
3	Lương Thị	Thuỳ	Nữ	14/6/1999	Tân Phúc, Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,90			Xã Mỹ Thái	
4	Mai Thị Thanh	Nhã	Nữ	30/01/1995	Nghĩa Hưng, Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,77			Xã Mỹ Thái	
5	Nguyễn Thị	Lụa	Nữ	06/11/1998	Dầm Chúc, Yên Thế, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,17			xã Quang Trung	
6	Hoàng Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/10/1999	Thôn Làng, Bố Hạ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,36			Xã Mỹ Thái	
7	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	29/01/1996	Mỹ Phúc, Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,68				
8	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	18/08/1990	Đồng Kỳ, Yên Thế, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,00			Xã Ngọc Thiện	
9	Hoàng Thị	Chinh	Nữ	13/07/1996	Đồi Giang, Tiên Lục, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,92			Xã Kép	
10	Lê Thị Thuỳ	Dương	Nữ	09/02/2004	Tám Sào, Tiên Lục, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,21			Xã Mỹ Thái	
11	Trần Thị	Nhung	Nữ	10/04/1988	Đồng Kim, Tiên Lục, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,91			Xã Mỹ Thái	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
12	Bùi Thị	Trang	Nữ	20/12/1994	Đông Sơn, Yên Thế, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,31				
13	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	31/12/2002	Pháp Kê, Quảng Trạch, Quảng Trị	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,46			Xã Mỹ Thái	
14	Phạm Thị	Hậu	Nữ	22/04/1999	Thôn Ngoài, Tiên Lục, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,94			Xã Mỹ Thái	
15	Đồng Thị	Tâm	Nữ	29/07/1988	Nghĩa Hoà, Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,66			Xã Mỹ Thái	
16	Trần Thị Thanh	Hằng	Nữ	16/06/1996	Nghĩa Hoà, Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,86			Xã Kép	
17	Hoàng Ngọc	Hoài	Nữ	30/09/2004	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,46			Xã Mỹ Thái	
18	Trần Thị	Mơ	Nữ	21/05/1988	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,88			Xã Kép	
19	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	26/04/2003	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,94			Xã Mỹ Thái	
20	Hoàng Thị	Mai	Nữ	04/12/2003	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,49			Xã Mỹ Thái	
21	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	04/03/2003	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,24			xã Quang Trung	
22	Thân Thị	Huệ	Nữ	17/03/2002	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,24			Xã Mỹ Thái	
23	Lý Thị	Ngọc	Nữ	11/11/2003	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,28	DT	5	Xã Kép	
24	Ngô Thị	Mai	Nữ	20/08/1988	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,43	CTB	5	Xã Kép	
25	Lê Thị	Thiện	Nữ	24/02/2004	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,26			xã Quang Trung	
26	Hồ Thị Minh	Huế	Nữ	06/12/2004	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,28			Xã Mỹ Thái	
27	Trần Thị Hoàng	Yến	Nữ	26/01/1986	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,90			Xã Mỹ Thái	
28	Lê Thị	Thái	Nữ	23/07/1995	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,97				
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 15													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Bùi Thị	Mai	Nữ	27/03/2003	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,84			Xã Mỹ Thái	
2	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	22/10/2003	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Xã Mỹ Thái	
3	Nguyễn Thị	Son	Nữ	16/07/2003	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,96			Phường Yên Dũng	
4	Hoàng Đỗ	Duy	Nam	19/10/1995	Xã Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30	DT	5	Xã Mỹ Thái	
5	Thân Thị Thu	Hiền	Nữ	01/09/2003	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,46			Xã Mỹ Thái	
6	Nghiêm Hồng	Ánh	Nữ	18/10/2003	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,50			Xã Ngọc Thiện	
7	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	16/12/2002	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,85			Phường Việt Yên	
8	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	09/01/2002	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,14			Xã Xuân Cẩm	
9	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/05/2003	Xã Tam Tiến, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,64	DT	5	Xã Ngọc Thiện	
10	Nguyễn Thuỳ	Linh	Nữ	14/01/1994	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Xã Kép	
11	Bùi Thị	Nam	Nữ	06/12/2000	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23			Xã Kép	
12	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	04/11/2000	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,45	DT	5	Xã Hiệp Hoà	
13	Bùi Ngọc	Mị	Nữ	30/01/2001	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Xã Mỹ Thái	
14	Bùi Thị Thu	Giang	Nữ	24/08/2003	Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,96	DT	5	Xã Sơn Hải	
15	Ngô Thị Thu	Uyên	Nữ	07/07/2001	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,12			Phường Đa Mai	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 22													
1	Đỗ Thị	Thuỷ	Nữ	09/11/1991	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	3,05			Xã Xuân Cẩm	CCSP
2	Hà Thị Lan	Phương	Nữ	01/11/1998	Xã Tân Dĩnh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,11			Xã Kép	
3	Thân Thị	Ánh	Nữ	28/05/2001	Phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng anh	Khá	2,68			Xã Kép	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
4	Đồng Thị Phương	Thảo	Nữ	08/09/2002	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,49			Xã Kép	
5	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	07/07/1999	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,02				
6	Nông Thị Huyền	Trang	Nữ	18/03/2001	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	3,51	DT	5	Xã Kép	CCSP
7	Phạm Thị	Hiền	Nữ	14/07/2001	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,93			Xã Kép	
8	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	21/08/1992	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,04			Xã Kép	
9	Trần Thị	Quyên	Nữ	29/10/1999	Xã Nhã Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng anh	Khá	3,15			Xã Bảo Đài	
10	Chu Thị	Thảo	Nữ	10/01/2001	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,26			Xã Bắc Lũng	
11	Thân Thị Thuý	Hằng	Nữ	17/03/2001	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	khá	2,90			Xã Kép	CCSP
12	Vũ Thu	Thuỷ	Nữ	10/07/1996	Phường Hạ Long, Quảng Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	TB	2,10			Xã Kép	CCSP
13	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	31/07/1998	Xã Tam Sơn, Phú Thọ	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	3,16			Xã Kép	CCSP
14	Trần Huyền	Trang	Nữ	17/10/2001	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng anh	Khá	2,64			Xã Kép	
15	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	10/11/1999	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	3,08			Xã Kép	CCSP
16	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	05/09/2001	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,28			Xã Kép	
17	Dương Thị Hiền	Anh	Nữ	17/01/2001	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng anh	Khá	2,64			Xã Kép	
18	Dương Nguyễn Diệu	Phương	Nữ	01/04/2001	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	3,19			Xã Kép	CCSP
19	Dương Thị	Hoài	Nữ	02/09/1999	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,54			Xã Kép	
20	Hoàng Việt	Anh	Nam	14/03/2002	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,06			Xã Kép	
21	Nguyễn Thị Thanh	Thư	Nữ	14/08/2000	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	3,03			Xã Kép	
22	Nguyễn Thị Tường	Vi	Nữ	07/09/2002	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,69			Xã Bảo Đài	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 18													
1	Ngô Thị Hiền	Mai	Nữ	20/02/1998	Xã Liên Bão, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,59			Xã Mỹ Thái	
2	Nguyễn Huyền	Nhung	Nữ	18/03/1997	Phường Tiền Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,75			Phường Vân Hà	
3	Nông Thị	Ngân	Nữ	14/07/2002	Xã Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,22	DT	5	Xã Mỹ Thái	
4	Thân Thu	Hiền	Nữ	14/09/2002	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,38			Phường Tự Lạn	
5	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	13/07/2000	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,49			Xã Mỹ Thái	
6	Thân Thị Ngọc	Lan	Nữ	27/01/1997	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,51			Xã Hợp Thịnh	
7	Đỗ Thị	Hiền	Nữ	18/08/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,78			Phường Tự Lạn	
8	Hoàng Thị Kim	Tuyến	Nữ	04/10/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,06			Phường Việt Yên	
9	Bùi Thị Bích	Ngọc	Nữ	05/10/2002	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,53			Xã Mỹ Thái	
10	Ngô Thị Hương	Giang	Nữ	19/07/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,54			Xã Mỹ Thái	
11	Lê Thị Huyền	Chang	Nữ	05/09/1992	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn		3,57			Xã Mỹ Thái	Thạc sĩ Ngôn ngữ, văn học và VHVN
12	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	30/07/2003	Xã Cai Kinh, Lạng Sơn	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,20			Xã Mỹ Thái	
13	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	17/08/1980	Xã Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Ngữ văn	TBK	6,98			Phường Vân Hà	
14	Dương Thị	Quyên	Nữ	09/07/2003	Xã Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,25			Phường Tự Lạn	
15	Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	21/09/2003	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,07			Phường Tự Lạn	
16	Đặng Khánh	Huyền	Nữ	26/03/2002	Xã Đông Phú, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,07			Xã Bảo Đài	
17	Vũ Thị Mai	Hương	Nữ	08/07/2002	Xã Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Giỏi	3,29			Xã Mỹ Thái	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
18	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	20/09/2000	Xã Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	3,17			Xã Hợp Thịnh	
	Giáo viên Địa lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Hoàng Minh	Ánh	Nữ	18/11/1997	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	TB	2,07	DT	5	Xã Mỹ Thái	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 08													Đã trừ 01 chỉ tiêu NĐ 179
1	Trịnh Thị Ngọc	Anh	Nữ	26/04/2002	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Giỏi	3,28			Xã Kép	
2	Phạm Bùi Ngọc	Linh	Nữ	17/02/1999	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Khá	2,89			Phường Việt Yên	
3	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	26/10/2002	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Giỏi	3,54			Xã Xuân Cẩm	
4	Lương Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08/11/2001	Xã Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,12			Xã Quang Trung	
5	Phạm Thuý	Hiền	Nữ	21/11/2003	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,10			Xã Xuân Cẩm	
6	Đoàn Lan	Anh	Nữ	22/03/2000	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	3,47			Xã Xuân Cẩm	CCSP
7	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	20/08/2002	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,73			Xã Xuân Cẩm	
8	Đỗ Thị	Thương	Nữ	29/06/1999	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,77			Xã Kép	CCSP
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 27													
1	Nguyễn Phương	Lan	Nữ	21/06/2002	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,87			Xã Mỹ Thái	
2	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	12/07/1997	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,31			Xã Mỹ Thái	
3	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	15/08/1997	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,62			Xã Mỹ Thái	
4	Vương Thị Hồng	Ngọc	Nữ	05/11/2002	Phường Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,65			Xã Lạng Giang	
5	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	Nữ	18/09/2002	Xã Phúc Hoà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,55			Xã Tân Dĩnh	
6	Nguyễn Hà	Phương	Nữ	15/06/2002	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,42			Xã Hiệp Hoà	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
7	Đoàn Thế	Sơn	Nam	30/11/2002	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,72			Xã Mỹ Thái	
8	Hoàng Quốc	Đạt	Nam	14/08/1998	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	2,96			Phường Yên Dũng	
9	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	05/04/1992	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,58			Xã Mỹ Thái	
10	Nguyễn Trường	Giang	Nam	28/04/1999	Xã Phúc Hoà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,25	NVQS	2,5	Xã Mỹ Thái	
11	Thân Tú	Uyên	Nữ	07/05/2002	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,26			Phường Bắc Giang	
12	Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	27/04/2001	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,78				
13	Lương Hải	Yến	Nữ	25/05/1999	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,80			Phường Nếnh	
14	Lê Văn	Trọng	Nam	18/09/1999	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,33			Xã Mỹ Thái	
15	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	21/02/2003	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,38			Xã Mỹ Thái	
16	Bùi Thị	Hiện	Nữ	10/09/2000	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,71			Xã Mỹ Thái	
17	Hoàng Thị	Huệ	Nữ	29/10/2001	Phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,10			Phường Nếnh	
18	Bùi Kiều	Trang	Nữ	01/11/1995	Xã Phúc Hoà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,66			Xã Lạng Giang	
19	La Hữu	Trung	Nam	21/12/2003	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,61	DT	5	Phường Chũ	
20	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	30/08/2002	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,58			Xã Mỹ Thái	
21	Lê Thị	Nhung	Nữ	07/09/1993	Xã Hồng Sơn, Hà Nội	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	7,00			Xã Mỹ Thái	
22	Trần Thị Ánh	Tuyết	Nữ	30/08/2002	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,81			Xã Kép	
23	Phạm Hà	My	Nữ	21/08/2001	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Toán học	Khá	2,72	DT	5	Xã Mỹ Thái	CCSP
24	Bùi Thị Hồng	Sâm	Nữ	09/01/2001	Xã Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,74			Xã Hoàng Vân	
25	Mạc Thị Thanh	Vui	Nữ	15/09/2003	Phường Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,71			Xã Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
26	Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	25/10/1997	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	3,07			Xã Mỹ Thái	
27	Hoàng Thị Bạch	Dương	Nữ	12/02/2002	Xã Mỹ Thái, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,39			Xã Mỹ Thái	
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 06													
1	Đỗ Thị	Lan	Nữ	24/02/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	3,12			Xã Mỹ Thái	
2	Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	31/08/2001	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Giỏi	3,43			Xã Kép	
3	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	16/11/1996	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Giỏi	3,27			Xã Mỹ Thái	
4	Trần Thị Thanh	Ngân	Nữ	24/06/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,75			Xã Mỹ Thái	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	31/05/2002	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	2,63			Xã Mỹ Thái	
6	Nguyễn Xuân	Nghiên	Nam	10/03/1998	Phường Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	3,13			Phường Vân Hà	
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 07													
1	Phạm Thị	Liên	Nữ	10/04/1995	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	3,01			Xã Mỹ Thái	
2	Nông Thị	Uyên	Nữ	16/03/1995	Xã Nhã Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	3,01	DT	5	Xã Kép	
3	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	26/10/1996	Xã Phúc Hoà, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,86			Xã Mỹ Thái	
4	Phạm Văn	Thái	Nam	10/02/2001	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,89			Xã Kép	
5	Thân Thị Kim	Phượng	Nữ	21/06/1996	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	3,24			Xã Hiệp Hoà	Thạc sĩ Sinh học thực nghiệm
6	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	19/03/1995	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	2,53			Xã Hợp Thịnh	
7	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	25/03/2000	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Giỏi	3,37				
28	**XÃ KÉP**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 06, đăng ký: 38													
1	Lê Thị Hồng	Thúy	Nữ	02/02/1995	Xã Kép, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,88			Xã Mỹ Thái	
2	Đặng Thị Thu	Hường	Nữ	28/02/1994	Đồng Sơn, Yên Thế, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,20			Xã Mỹ Thái	
3	Đỗ Thị	Huệ	Nữ	19/06/1995	Đồng Vương, Yên Thế, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,65			Xã Lục Nam	
4	Lê Thị	Nga	Nữ	15/02/1996	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	TB	2,18	DT	5	Xã Tiên Lục	
5	Trần Thị	Huyền	Nữ	15/05/2004	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,34			Xã Mỹ Thái	
6	Hoàng Thị	Nhung	Nữ	27/11/1997	Xã Nhân Lý, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,18	DT	5	Xã Mỹ Thái	
7	Nguyễn Thúy	Sơn	Nữ	19/05/1992	Xã Nhân Lý, Lạng Sơn	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,50	DT	5	Xã Tiên Lục	
8	Phạm Thị Hải	Chuyền	Nữ	30/04/2004	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,85	DT	5	Xã Tiên Lục	
9	Hoàng Thị	Quý	Nữ	01/2/1993	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,16			xã Mỹ Thái	
10	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	06/3/2001	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,05			Xã Tiên Lục	
11	Lê Thị	Ngọc	Nữ	02/9/2002	Xuân Lương, Yên Thế	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,11	DT	5	Xã Tân Yên	
12	Lăng Thị	Dung	Nữ	23/7/1992	Xã Kép, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,13	DT	5	Xã Mỹ Thái	
13	Hà Phương	Dung	Nữ	13/11/1993	Xã Kép, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,10			Xã Tiên Lục	
14	Lý Thị	Tuyền	Nữ	01/7/1997	Hữu Lũng, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,57	DT	5	Xã Mỹ Thái	
15	Nguyễn Thị	Toan	Nữ	22/4/1993	Hữu Lũng, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,34			Xã Quang Trung	
16	Trần Thị	Lụa	Nữ	04/10/1994	Xương Lâm, Lạng Giang	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,54			Xã Mỹ Thái	
17	Vũ Thị	Xuân	Nữ	14/9/1984	Xã Tuấn Sơn, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,22			Xã Mỹ Thái	
18	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	18/8/2004	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,57			Xã Mỹ Thái	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
19	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	27/05/2003	Xã Kép, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,55			Xã Hiệp Hòa	
20	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	21/7/1993	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,15			Xã Tân Dĩnh	
21	Hà Thị Kim	Hưởng	Nữ	06/10/2003	Vân Nham, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,18	DT	5	Xã Mỹ Thái	
22	Hoàng Lan	Anh	Nữ	23/11/2004	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,58	DT	5	Xã Trường Sơn	
23	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	20/4/2003	Hộ Đáp, Lục Ngạn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,14			Xã Chũ	
24	Lăng Thị	Phượng	Nữ	01/5/1990	Văn Quan, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,50	DT	5	Xã Ngọc Thiện	
25	Lý Thị Kim	Thảo	Nữ	12/3/2002	Xã Kép, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,05	DT	5	Xã Mỹ Thái	
26	Phạm Thị	Tươi	Nữ	10/9/2003	Xã Cẩm Thạch, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,87	DT	5	Phường Phượng Sơn	
27	Hoàng Thị	Hoa	Nữ	10/9/1984	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,97			Xã Tiên Lục	
28	Ninh Đặng Vân	Anh	Nữ	25/8/2003	Bố Hạ, Yên Thế	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,73			Xã Mỹ Thái	
29	Hoàng Kim	Loan	Nữ	24/3/2001	Xã Bằng Mạc, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,46	DT	5	Xã Tiên Lục	
30	Hà Thị	Thúy	Nữ	08/11/2002	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,31	DT	5	Xã Mỹ Thái	
31	Nghiêm Thị	Phương	Nữ	10/10/1994	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,29			Xã Bảo Đài	
32	Hầu Thị Thanh	Trang	Nữ	12/8/1997	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,54	DT	5		
33	Trần Thị Thu	Phương	Nữ	22/10/1992	Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,21			Xã Mỹ Thái	
34	Trần Thùy	Linh	Nữ	11/6/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,09	DT	5	Xã Mỹ Thái	
35	Lý Thị	Minh	Nữ	11/6/1989	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	7,85	DT	5	Xã Tân Dĩnh	
36	Hoàng Thị	Phấn	Nữ	08/8/1989	Xã Yên Bình, tỉnh Lạng Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,23	DT	5	Xã Mỹ Thái	
37	Đinh Thị	Đào	Nữ	06/7/1995	Xã Yên Bình, tỉnh Lạng Sơn	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,34	DT	5	Xã Mỹ Thái	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
38	Nguyễn Đặng Phương	Thanh	Nữ	02/10/2002	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	XS	3,63			Xã Tân Dĩnh	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 08, đăng ký: 18													
1	Đỗ Thị	Ly	Nữ	19/9/2003	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Khá	3,01			Xã Phúc Hòa	
2	Tô Mai	Hạnh	Nữ	06/01/2003	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,21			Xã Tiên Lục	
3	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	06/3/2001	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,45			Xã Tiên Lục	
4	Lý Hoàng	Hiệp	Nữ	04/8/1998	Tuấn Sơn, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,35	DT	5	Xã Lạng Giang	
5	Đinh Thị Tố	Uyên	Nữ	17/01/2002	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,37			Xã Lạng Giang	
6	Hoàng Thị	Hà	Nữ	24/5/2003	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Khá	3,10	DT	5	Xã Mỹ Thái	
7	Bùi Thị Phương	Thảo	Nữ	19/10/2003	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,23	DT	5	Xã Bảo Đài	
8	Vũ Thị	Khuyên	Nữ	02/02/1998	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	XS	3,83			Phường Nếnh	
9	Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	26/12/2003	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,27			Xã Tiên Lục	
10	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	29/7/2003	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,26			Xã Tiên Lục	
11	Đồng Thị	Tâm	Nữ	29/01/2003	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Khá	3,02			Xã Tiên Lục	
12	Nguyễn Thị Minh	Phong	Nữ	18/01/2001	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,22			Xã Tiên Lục	
13	Hứa Thanh	Thư	Nữ	23/11/2003	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,29	DT	5	Xã Mỹ Thái	
14	Dương Công	Mức	Nam	11/4/1993	Xã Bắc Sơn, Lạng Sơn	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Khá	2,76	DT	5	Xã Lạng Giang	
15	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	16/8/2003	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,21	DT	5	Xã Tiên Lục	
16	Nguyễn Thị Phương	Nga	Nữ	17/7/2002	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,33			Xã Lạng Giang	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
17	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	25/12/2001	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Khá	3,10			Xã Tân Dĩnh	
18	Nguyễn Thị Mai	Linh	Nữ	06/12/2000	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	3,25	TB	5	Phường Tân An	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 12													
1	Vũ Diệu	Hương	Nữ	18/8/2000	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,12			Xã Tiên Lục	
2	Hà Thu	Hằng	Nữ	11/02/1999	Phường Xương Giang	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,80			Xã Tiên Lục	CCSP
3	Đào Nhật	Anh	Nữ	22/10/1996	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Song ngữ Trung-Anh	Khá	2,20			Xã Phượng Sơn	
4	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	01/4/1991	Yên Dũng, Bắc Giang	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,00			Xã Tân Sơn	
5	Nguyễn Thị Thu	Quyên	Nữ	13/9/1993	Hữu Lũng, Lạng Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,95			Xã Tiên Lục	
6	Ngụy Thị Khánh	Chi	Nữ	22/12/2002	Phường Cảnh Thụy, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,50			Xã Tiên Lục	
7	Nguyễn Thị Hà	Giang	Nữ	30/4/2000	Phường Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,59			Xã Tiên Lục	
8	Đàm Thị	Mến	Nữ	22/09/1989	Xã Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,50			Xã Phương Sơn	
9	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	22/3/2000	Bích Động, Việt Yên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	TB	2,32			Xã Tiên Lục	CCSP
10	Đặng Thị Hoa	Chi	Nữ	29/11/2001	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,71			Xã Xuân Cẩm	
11	Đàm Thị	Hòa	Nữ	27/02/1999	Phường Yên Dũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,04			Xã Phượng Sơn	
12	Hà Thị Phương	Phương	Nữ	30/12/2000	Xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,96			Xã Tiên Lục	CCSP
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Lê Thị Ánh	Linh	Nữ	28/06/2000	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,52			Xã Tiên Lục	
2	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	01/9/1999	Xã Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,71			Phường Nếnh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Chu Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/11/2003	xã Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,27			Xã Lạng Giang	
2	Ngô Bá	Thành	Nam	19/12/2000	Tân Trung, Tân Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,50			Xã Chũ	
3	Giáp Chí	Thanh	Nam	21/11/2002	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,90			xã Tân Dĩnh	
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Đào Kim Thị	Dung	Nữ	21/12/2002	Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Vật Lý	Giỏi	3,24			Xã Vân Hà	
2	Ngọc Thị	Viên	Nữ	17/9/1993	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Vật Lý	TB	2,14	DT	5	Xã Tiên Lục	
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Thân Thị	Hoa	Nữ	28/02/1995	Quang Tiến, Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	TX	Sư phạm Sinh học	Khá	2,56			Xã Mỹ Thái	
2	Lò Thị Phương	Thảo	Nữ	06/8/2001	Tân Sỏi, Yên Thế	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	Khá	3,08	DT	5		
3	Đỗ Hoàng	Mai	Nữ	01/7/2003	Xã Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	Giỏi	3,38			Xã Tiên Lục	
29	**XÃ LỤC NGẠN**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 12, đăng ký: 26													
1	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	11/02/2003	Xã Hồng Giang, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,46			Phường Bắc Giang	
2	Nguyễn Thị	My	Nữ	03/10/1996	Xã Phật Tích, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,00			Phường Phượng Sơn	
3	Trần Thị	Hoa	Nữ	25/03/1995	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,36			Phường Tự Lạn	
4	Hoàng Thúy	Nga	Nữ	28/01/2001	Xã Nam Dương, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23			Phường Chũ	
5	Chu Hiểu	Băng	Nữ	03/12/2003	Xã An Lạc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,16	DT	5	Phường Phượng Sơn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
6	Hoàng Thị	Vương	Nữ	03/06/2003	Xã Tân Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,11	DT	5	Xã Sa Lý	
7	Hà Thế	Binh	Nam	11/10/2000	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,71	DT	5	Phường Phượng Sơn	
8	Vi Thị	Vỹ	Nữ	27/01/2003	Xã An Lạc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	XS	3,60	DT	5	Phường Phượng Sơn	
9	Nông Thị	Thúy	Nữ	29/09/1992	Xã Tân Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,08			Phường Phượng Sơn	
10	Bùi Thị	Lê	Nữ	20/07/2000	Xã Nam Dương, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,37			Xã Bảo Đài	
11	Trần Hồng	Nhung	Nữ	20/10/2001	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,22			Xã Nam Dương	
12	Lãnh Thị Thu	Huyền	Nữ	30/01/2001	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,29	DT	5	Xã Sơn Hải	
13	Lãnh Thủy	Chinh	Nữ	27/03/1994	Xã Yên Định, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,31	DT	5	Phường Phượng Sơn	
14	Lê Thị	Yên	Nữ	16/06/1997	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,33	DT	5	Phường Yên Dũng	
15	Hồ Bích	Trâm	Nữ	16/06/2003	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,85	DT	5	Phường Tân Tiến	
16	Tô Thị Thu	Uyên	Nữ	28/06/2001	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18	DT	5	Xã Đồng Việt	
17	Phạm Thị Hương	Giang	Nữ	17/12/2003	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,13	DT	5	Phường Phượng Sơn	
18	Trần Hải	Yến	Nữ	24/06/2002	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25	DT	5	Phường Phượng Sơn	
19	Lã Thu	Hằng	Nữ	11/04/2002	Xã Giáp Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,51	DT	5	Xã Kiên Lao	
20	Trần Thị	Tấm	Nữ	15/09/1989	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,04			Xã Tân Sơn	
21	Lãnh Thị	Hương	Nữ	10/08/1996	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,27			Xã Lạng Giang	
22	Lãnh Thị	Quỳnh	Nữ	25/12/2001	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,16			Xã Tân Sơn	
23	Lăng Thị	Giang	Nữ	24/11/2002	Xã Sơn Hải, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,06	DT	5	Xã Sơn Hải	
24	Vi Thị Ngọc	Linh	Nữ	19/10/2003	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,42	DT	5	Xã Tân Sơn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
25	Lê Thị Kiều	Trang	Nữ	12/03/2003	Phường Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	TB	2,21			Xã Kiên Lao	
26	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	18/11/1995	Xã Nam Dương, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23			Phường Phượng Sơn	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Vũ Ngọc Hoàng	Anh	Nữ	10/08/1999	Phường Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh (CC Sư phạm)	Khá	2,65			Phường Phượng Sơn	
	Giáo viên Âm nhạc: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Vũ Thị	Bích	Nữ	23/04/1994	Xã An Lạc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Âm nhạc	Khá	2,79			Thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn	
2	Hoàng Thị	Phúc	Nữ	16/05/1999	Xã Sơn Hải, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Thanh nhạc (CC Sư phạm)	Khá	3,12	DT	5	Phường Chũ	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 05													
1	Bùi Thị Nhật	Mai	Nữ	28/09/2001	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Giỏi	3,29			Xã Tân Dĩnh	
2	Dương Văn	Kiên	Nam	05/06/1994	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,13	DT	5	Phường Chũ	
3	Dương Thị	Hương	Nữ	27/09/1993	Xã Vĩnh An, Sơn Động, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Toán - Lý	Khá	2,55	DT	5	Phường Chũ	
4	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	20/04/1996	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,04	DT	5		
5	Đặng Ngọc	Huyền	Nữ	03/02/2003	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,36			Xã Mỹ Thái	
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	07/09/1997	Xã Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Khá	3,13			Xã Biên Sơn	
2	Nguyễn Thị Bích	Phương	Nữ	22/08/1994	TT An Châu, Sơn Động, Bắc Giang	ĐH	VLVH	SP Vật lý	Giỏi	3,55	DT	5	Xã Biên Sơn	
30	**XÃ BIỂN ĐỘNG**													
	GIÁO VIÊN THCS													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Phạm Thị	Huế	Nữ	08/02/2002	Xã An Lạc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,01	DT	5	Xã Trường Sơn	
2	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	29/05/2003	Xã Tuấn Đạo, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,96			Xã Trường Sơn	
3	Tăng Phương	Thảo	Nữ	24/08/2000	Xã Yên Định, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,09	DT	5	Xã Biên Sơn	
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 0													
31	**XÃ BIÊN SƠN**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Vi Thị Xuân	Thủy	Nữ	15/01/2002	Xã Biên Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	XS	3,70			Xã Sơn Hải	
2	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	20/09/2001	Xã Quang Trung, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,08	DT	5	Xã Lục Ngạn	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Lê Quỳnh	Hương	Nữ	26/11/2003	Tân Quang, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	2,63			Xã Nam Dương	GCNTN
2	Vũ Thị	Chuyên	Nữ	05/07/1985	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Thể dục thể thao	Khá	7,56			Xã Kiên Lao	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Trần Minh	Nguyệt	Nữ	30/07/2003	Phường Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,02			Xã Trường Sơn	
2	Nguyễn Thảo	Ngân	Nữ	08/06/2003	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,64	DT	5	Xã Biển Động	
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Hà Linh	Chi	Nữ	17/08/2002	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lý	Giỏi	3,27			Phường Phượng Sơn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Hoá học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Nguyễn Thị	Thiết	Nữ	02/09/1996	Xã Tân Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,70			Xã Xuân Cẩm	
2	Trần Thị	Linh	Nữ	15/09/1997	Xã Biên Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,63			Xã Phượng Sơn	
3	Lê Anh	Thư	Nữ	27/10/2002	Phường Ninh Xá, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	3,06			Xã Phượng Sơn	
32	**XÃ SA LÝ**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 0													
	Giáo viên Mỹ thuật: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Phan Văn	Tuân	Nam	25/06/1987	Xã Xuân Phú, Yên Dũng, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Khá	7,91				
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 12													
1	Thân Thị	Yến	Nữ	24/10/1996	Xã Biên Động, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,84			Phường Việt Yên	
2	Hà Thị	Hạnh	Nữ	01/10/1993	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,76			Xã Mỹ Thái	
3	Nguyễn Hồng	Thoa	Nữ	24/10/1997	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ văn	Khá	2,94			Phường Việt Yên	
4	Lý Thị	Hạnh	Nữ	05/04/1993	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,98	DT	5	Xã Mỹ Thái	
5	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	27/11/2000	Xã Nam Dương, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ văn	Khá	3,08			Xã Mỹ Thái	
6	Lê Minh	Hoàng	Nam	07/09/2002	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,86	DT	5	Xã Mỹ Thái	
7	Lê Thị	Huyền	Nữ	04/05/2000	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ văn	Giỏi	3,36			Xã Bảo Đài	
8	Phạm Thị	Hậu	Nữ	28/07/2001	Xã Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Ngữ văn	Giỏi	3,55			Xã Xuân Lương	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
9	Lâm Thị	Loan	Nữ	26/01/2003	Xã Sa Lý, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,86	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
10	Hoàng Quỳnh	Dư	Nữ	08/05/1990	Xã Thanh Hải, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	TB	2,07	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
11	Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	08/02/2001	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Văn học (CC Sư phạm)	Khá	3,18			Xã Bảo Đài	
12	Bế Thị	Như	Nữ	20/10/1993	Tân Quang, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	Khá	2,77	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
33	**XÃ SƠN HẢI**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Vi Văn	Việt	Nam	16/04/1989	Xã Sơn Hải, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,70	DT	5	Xã Tân Sơn	
2	Lâm Thị Phương	Đông	Nữ	07/09/2003	Xã Sơn Hải, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,90	DT	5	Phường Tự Lạn	
34	**XÃ TÂN SƠN**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 05, đăng ký: 17													
1	Lâm Văn	Hiện	Nam	03/05/1985	Xã Yên Định, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,12	DT	5	Xã Bắc Lũng	
2	Nông Thị	Hương	Nữ	04/03/1997	Xã Sơn Hải, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,16	DT	5	Xã Lục Ngạn	
3	Hà Thị Bích	Ngọc	Nữ	26/09/2001	Phường Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	Khá	Giáo dục tiểu học	Khá	3,12			Xã Sa Lý	
4	Lý Thị	Huế	Nữ	07/07/1993	Xã Cấm Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,27			Xã Lục Ngạn	
5	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	Nữ	21/12/2002	Xã Sa Lý, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,44			Xã Sa Lý	
6	Bùi Thị	Sâm	Nữ	25/08/2002	Xã Biên Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,37			Xã Lục Ngạn	
7	Bùi Thị	Thái	Nữ	21/06/1996	Xã Biên Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,28			Xã Bắc Lũng	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
8	Nguyễn Thu	Hồng	Nữ	29/01/2001	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23	CBB	5	Xã Nam Dương	
9	Nông Thị	Nga	Nữ	02/02/2003	Xã Biên Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,15	DT	5	Xã Lục Ngạn	
10	Phan Thị	Vui	Nữ	23/11/2003	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,47	DT	5	Phường Chũ	
11	Dương Thị	Mơ	Nữ	03/10/1989	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,22	DT	5	Phường Vân Hà	
12	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	12/06/2001	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,70			Xã Tiên Lục	
13	Bùi Thị	Nguyệt	Nữ	09/06/1992	Xã Kim Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,37			Xã Sơn Hải	
14	Lăng Thị	Ánh	Nữ	05/05/2003	Xã Tân Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,42	DT	5	Xã Sa Lý	
15	Ngô Thị	Loan	Nữ	14/10/2003	Xã Tân Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,10			Xã Sa Lý	
16	Vi Thị	Phùng	Nữ	08/05/1989	Xã Vân Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,12	DT	5	Xã Sa Lý	
17	Vi Thị	Diệp	Nữ	24/11/2002	Xã Tân Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,44			Xã Sơn Hải	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 20													
1	Vi Thị	Thảo	Nữ	11/02/1998	Trị trấn Đông Hưng, Thái Bình	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh (CC Sư phạm)	Khá	2,65			Phường Phượng Sơn	
2	Vũ Thị Quỳnh	Ngọc	Nữ	04/02/1994	Quế Lộc, Quế Sơn, Quảng Nam	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh (CC Sư phạm)	Khá	2,68			Xã Tiên Lục	
3	Vi Thị	Thanh	Nữ	06/07/1992	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh (CC Sư phạm)	Khá	2,76	DT	5	Phường Phượng Sơn	
4	Lâm Thị	Yến	Nữ	30/09/1998	Trù Hựu, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,77	DT	5	Phường Phượng Sơn	
5	Trịnh Thị	Thúy	Nữ	06/03/2001	Xã Tân Mộc, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Khá	2,79			Xã Lục Ngạn	
6	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	19/05/1999	An Dương, Tân Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,51			Phường Phượng Sơn	
7	Vi Thị	Thương	Nữ	28/05/1991	Phường Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh (CC Sư phạm)	Khá	7,04			Phường Phượng Sơn	
8	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	19/04/2001	Phường Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,00			Xã Nam Dương	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
9	Vi Ngọc	Dung	Nữ	18/11/2002	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,92			Xã Lục Ngạn	
10	Hoàng Thị	Nga	Nữ	23/06/1992	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh (CC Sư phạm)	Khá	2,65	DT	5	Xã Nam Dương	
11	Vi Thị	Hằng	Nữ	27/04/1993	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Song ngữ Nga - Anh	Khá	2,07	DT	5	Phường Phượng Sơn	
12	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	17/11/1981	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh (CC Sư phạm)	Khá	2,64	CTB	5	Phường Phượng Sơn	
13	Nguyễn Thị Minh	Phượng	Nữ	18/11/2002	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	3,00				
14	Nịnh Thị Khánh	Hạ	Nữ	22/12/2000	Xã Yên Định, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,55	DT	5	Xã Lục Ngạn	
15	Nguyễn Thúy	Huyền	Nữ	12/12/2002	Xã Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,77			Xã Bảo Đài	
16	Nguyễn Thị Linh	Nhi	Nữ	18/02/1999	Xã Bố Hạ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,84			Xã Tiên Lục	
17	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	22/01/2003	Phường Tự Lạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,80			Xã Bắc Lũng	
18	Lý Thị	Bình	Nữ	13/12/2001	Xã Phong Vân, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Giỏi	3,28	DT	5		
19	Phạm Thị	Bình	Nữ	22/12/2000	Trù Hựu, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Khá	2,75			Phường Phượng Sơn	
20	Nguyễn Thị	Thuyên	Nữ	10/07/2001	Hồng Giang, Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,68	DT	5	Phường Phượng Sơn	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Đặng Thị	Tươi	Nữ	08/03/2001	Xã Biên Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	XS	3,64	DT	5	Xã Hợp Thịnh	
2	Bùi Thị	Dịu	Nữ	18/04/1997	Xã Yên Định, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	TB	2,14	DT	5	Phường Nếnh	
3	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	12/02/1994	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	TB	2,03			Xã Hiệp Hòa	
4	Hoàng Thị	Mai	Nữ	19/01/1996	Xã Dương Hưu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Sinh học	Khá	3,17			Xã Tân Dĩnh	
	Giáo viên Mỹ thuật: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Vũ Minh	Thúy	Nữ	19/06/1993	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Khá	7,60				
2	Mai Thị	Nhẫn	Nữ	23/01/1993	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Mỹ thuật	Khá	2,79	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
35	**PHƯỜNG CHŨ**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Lý Thị	Tâm	Nữ	20/6/1993	Xã Sa Lý, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	2,93	DT	5	Phường Phượng Sơn	
2	Bùi Hoàng	Ngân	Nữ	01/12/2003	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN-SP.TA	Khá	3,10			Phường Phượng Sơn	
3	Đỗ Thị	Hoàn	Nữ	22/7/1993	Phường Chũ, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	7,46			Xã Lục Nam	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Đào Khánh	Chi	Nữ	13/01/2003	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,49			Xã Tân Sơn	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 05													
1	Hoàng Thị	Mai	Nữ	22/4/1999	Xã Yên Định, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Giỏi	3,30	DT	5	Phường Nam Dương	
2	Nông Văn	Năm	Nam	15/9/2001	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	2,92			Xã Biên Sơn	
3	Nông Văn	Thuần	Nam	18/7/1990	Xã Vân Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	TBK	6,89	DT	5	Phường Nam Dương	
4	Trần Nguyệt	Minh	Nữ	21/10/1996	Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	GDTC	Khá	7,49			Xã Biên Sơn	
5	Đỗ Minh	Thanh	Nam	15/4/2001	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	2,56			Phường Việt Yên	
	Giáo viên Âm nhạc: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 04													
1	Phương Thị	Huyền	Nữ	11/8/1996	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Âm nhạc	Giỏi	3,46			Xã Lục Ngạn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	15/9/1997	Phường Đa Mai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Âm nhạc	Khá	7,89				
3	Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	05/12/1979	Xã Tiên Lục, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Âm nhạc	Khá	7,49			Xã Lục Ngạn	
4	Vũ Văn	Đức	Nam	06/01/1995	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Âm nhạc	Giỏi	3,28	CTB	5	Xã Lục Ngạn	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 06													
1	Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	03/10/1991	Phường Phương Sơn	ĐH	CQ	SP Toán học	TB	2,12				
2	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	26/02/2001	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SPKHTN	Khá	2,59			Xã Lục Ngạn	
3	Đàm Thị	Mai	Nữ	13/8/2001	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,93	DT	5	Xã Lục Ngạn	
4	Phùng Thị Thu	Hạnh	Nữ	15/8/2003	Xã Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,07			Xã Mỹ Thái	
5	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	23/3/2000	Xã Đông Phú, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Toán học	Khá	2,89			Phường Bắc Giang	
6	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	09/10/1996	Xã Điềm Thụy, Thái nguyên	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,85			Xã Lạng Giang	
36	**XÃ KIÊN LAO**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 09													
1	Lý Thị	Mai	Nữ	19/8/1993	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	7,85	DT	5	Phường Phượng Sơn	
2	Lý Thị	Hường	Nữ	27/7/1991	Xã Sa Lý, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	2,93	DT	5	Phường Phượng Sơn	
3	Lâm Thị	Miền	Nữ	06/7/1990	Phường Chũ, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	7,97	DT	5	Phường Phượng Sơn	
4	Trần Thị	Nghĩa	Nữ	07/8/1990	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	7,19	DT	5	Phường Phượng Sơn	
5	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	29/5/1997	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,17	DT	5	Phường Phượng Sơn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
6	Ninh Thị	Thúy	Nữ	15/01/1987	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	7,74	DT	5	Phường Phượng Sơn	
7	Hoàng Thị	Sáu	Nữ	06/5/1994	Xã Yên Bình, Lạng Sơn	CĐ	VLVH	GDMN	Giỏi	3,23	DT	5	Phường Chũ	
8	Vũ Thị	Vui	Nữ	15/8/1988	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,13			Xã Hợp Thịnh	
9	Lý Thị	Nguyên	Nữ	10/11/1986	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	7,53	DT	5	Phường Phượng Sơn	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 05													
1	Vi Yến	Nguyệt	Nữ	05/5/2001	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,18	DT	5	Xã Tân Sơn	
2	Vũ Hải	Tú	Nữ	20/01/2003	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,11			Phường Vân Hà	
3	Lê Thị	Thơm	Nữ	27/10/2003	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,20			Xã Tân Sơn	
4	Hoàng Thúy	Hường	Nữ	09/02/2000	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,45			Phường Phượng Sơn	
5	Leo Thị	Mão	Nữ	11/01/2000	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,23	DT	5	Xã Lục Ngạn	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Vũ Văn	Hùng	Nam	01/4/1983	Phường Nam Dương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	7,36			Phường Việt Yên	
2	Lý Thị Ngọc	Huyền	Nữ	20/11/2003	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	3,09	DT	5	Phường Phượng Sơn	
37	**PHƯỜNG PHƯỢNG SƠN**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 28													
1	Hoàng Thị Hồng	Mai	Nữ	15/12/1993	Dương Hưu, Bắc Ninh	CĐ	LT	GDMN	Giỏi	8,33			Xã Nghĩa Phương	
2	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	18/09/2003	Phường Chũ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,22			Phường Chũ	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
3	La Thị Hương	Quỳnh	Nữ	05/09/2002	Phường Chũ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,38			Phường Chũ	
4	Ngô Thị Thanh	Thủy	Nữ	13/10/1996	P. Phượng Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,98			Phường Chũ	
5	Trịnh Thị Bích	Ngọc	Nữ	17/12/2004	Giáp Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,08	DT	5	Phường Chũ	
6	Nông Thị	Mai	Nữ	09/12/1996	Phường Chũ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,99	DT	5	Phường Chũ	
7	Vi Thị	Liên	Nữ	10/04/1991	P. Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,20	DT	5		
8	Hoàng Thị	Chiêm	Nữ	17/02/1992	Xã Dương Hưu, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,19	CĐHH	5	Xã Nghĩa Phương	
9	Lý Thị	Lan	Nữ	10/05/1992	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,03	DT	5	Xã Kiên Lao	
10	Lương Thị Ngọc	Oanh	Nữ	30/3/2003	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Giỏi	3,27			Xã Nghĩa Phương	
11	Chu Thị	Hoa	Nữ	21/03/1995	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,62	DT	5		
12	Vi Thị	Quyên	Nữ	18/05/1989	P. Phượng Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,22			Xã Đông Phú	
13	Cháng Thị	Quỳnh	Nữ	01/09/2003	Đường Hồng, Tuyên Quang	CĐ	CQ	GDMN	Khá	7,68	DT	5	Xã Quang Trung	
14	Giáp Thị Kiều	Vi	Nữ	09/09/2003	Phường Chũ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,13			Xã Mỹ Thái	
15	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	23/02/2003	Phường Chũ, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,15			Xã Mỹ Thái	
16	Hoàng Thị	An	Nữ	23/09/1993	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,91	DT	5	Xã Quang Trung	
17	Nguyễn Phương	Như	Nữ	27/10/1998	Xã Đông Phú, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	2,78			Xã Lục Nam	
18	Phạm Thị	Huyền	Nữ	03/10/1994	Lục Ngạn, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	XS	3,60	DT	5	Xã Mỹ Thái	
19	Vi Thị	Ngọc	Nữ	13/01/2003	Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Khá	3,18	DT	5	Phường Chũ	
20	Hà Thị	Hương	Nữ	13/01/1991	Xã Tây Yên Tử, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	Khá	7,22	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
21	Vũ Thị	Phượng	Nữ	27/07/1993	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,37	DT	5	Xã Xuân Cẩm	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
22	Hoàng Thị Hương	Lan	Nữ	13/05/2003	Lộc Bình, Lạng Sơn	ĐH	CQ	GDMN	Giỏi	3,33	DT	5	Phường Chũ	
23	Bế Thị	Liên	Nữ	28/02/1993	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,28	DT	5	Phường Chũ	
24	Trần Thị	Tình	Nữ	03/03/1991	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	7,53			Xã Kiên Lao	
25	Lưu Thị	Thu	Nữ	13/11/1987	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,28	CĐHH	5		DT
26	Vũ Thị Bích	Đào	Nữ	21/07/1979	P. Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,03				
27	Vi Thị	Hường	Nữ	21/12/2004	Xã Kiên Lao, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	XS	3,65	DT	5	Phường Chũ	
28	Hoàng Thị	Nga	Nữ	26/11/2002	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Giỏi	3,27	DT	5	Xã Hiệp Hòa	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 10, đăng ký: 15													
1	Nguyễn Thị Diệu	Thoa	Nữ	30/04/2001	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,18			Xã Lục Ngạn	
2	Hoàng Thu	Thủy	Nữ	07/03/2003	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,47	DT	5	Phường Tân Tiến	
3	Ngọc Hồng	Quyên	Nữ	07/11/2002	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,16	DT	5	Xã Sơn Hải	
4	Hoàng Ánh	Tuyết	Nữ	02/01/2001	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,90	DT	5	Xã Sa Lý	
5	Nguyễn Thị Hải	Chiều	Nữ	25/03/2001	P. Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,42				
6	Bùi Hương	Nhài	Nữ	20/03/2002	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	XS	3,61			Phường Chũ	
7	Nguyễn Thu	Trà	Nữ	17/11/1997	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,47			Xã Bảo Đài	
8	Lê Thanh	Loan	Nữ	17/10/2002	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,38	DT	5	Phường Chũ	
9	Dương Thị Ánh	Tuyết	Nữ	26/05/2003	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,34			Xã Biên Sơn	
10	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	05/08/2000	Phường Thanh Hải, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,45			Phường Bắc Giang	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
11	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	01/09/2003	Xã Lục Nam,Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,03			Xã Lục Ngạn	
12	Giáp Thị Hồng	Ngát	Nữ	23/06/2003	Phường Nam Dương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	2,87			Xã Lục Ngạn	
13	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	03/09/2001	Phường Phương Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,27			Xã Xuân Cẩm	
14	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	25/08/2002	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Khá	3,10	DT	5	Xã Đồng Việt	
15	Thăng Thị	Thúy	Nữ	22/01/2003	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,50	DT	5	Xã Lục Ngạn	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 09													
1	Ngô Thị Kim	Ngân	Nữ	02/08/1997	Xã Hiệp Hòa,Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Khá	2,92			Xã Tân Sơn	
2	Nguyễn Thị	An	Nữ	02/10/2000	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Khá	3,07			Xã Kép	
3	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	26/03/1998	Xã Biên Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Khá	2,84			Xã Tân Sơn	
4	Ong Thị Phương	Nhi	Nữ	07/03/1997	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	TB	2,16	DT	5	Xã Nam Dương	
5	Ngọc Thị	Hương	Nữ	20/09/1992	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	Từ xa	Ngôn ngữ Anh	XS	3,62	DT	5	Xã Tân Sơn	
6	Hoàng Thị	Trang	Nữ	22/01/2001	Xã Phúc Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,94			Xã Kép	
7	Trần Thanh	Nguyệt	Nữ	15/12/2001	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Khá	2,85				
8	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	01/08/2002	Xã Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	Khá	2,54			Xã Bảo Đài	
9	Đỗ Thu	Thảo	Nữ	31/10/1997	Phường Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Khá	3,03			Xã Xuân Cẩm	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Nguyễn Công	Tập	Nam	15/08/1994	Xã Sa Lý, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTC	Khá	7,54				
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Phùng Thị Mỹ	Linh	Nữ	15/08/1995	Xã Biển Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lí	Giỏi	3,32			Xã Lục Ngạn	
2	Phạm Như	Bách	Nam	13/08/1996	Xã Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Vật lí	Giỏi	3,26			Xã Kép	
	Giáo viên Hoá học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Trần Ngọc	Khánh	Nam	17/03/1995	Xã Tam Tiến, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Hóa	Khá	2,53			Phường Cảnh Thụy	
2	Đỗ Quỳnh	Hương	Nữ	29/01/1999	Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Hóa học	Khá	2,84			Phường Việt Yên	Thạc sĩ
38	**XÃ NAM DƯƠNG**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	05/03/2002	Phường Nam Dương,Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,39			Phường Chũ	
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 01													
1	Phương Thị	Thuận	Nữ	21/02/1996	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Kỹ sư CNTT	Khá	2,72	DT	5		CCSP
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Nguyễn Thu	Thêu	Nữ	24/09/2001	Phường Nam Dương,Bắc Ninh	ĐH	VLVH	SP Tiếng Anh	Khá	3,02			Phường Phượng Sơn	
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 03													
1	Nguyễn Thị Trà	Mi	Nữ	15/08/2002	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP GDTC	Khá	3,17			Xã Đồng Việt	
2	Đỗ Đức	An	Nam	31/07/2003	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP GDTC	Khá	2,88	DT	5	Xã Kiên Lao	
3	Trần Hữu	Hiển	Nam	08/11/1988	Lục Ngạn, Bắc Giang	ĐH	CQ	GDTC-GDQP	Khá	2,57			Phường Chũ	
39	**XÃ TRƯỜNG SƠN**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 15													
1	Đinh Thị	Duyên	Nữ	13/03/2004	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,25	DT	5	Mỹ Thái	
2	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	15/08/2001	Lục Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non - CTXH	Khá	2,95			Nghĩa Phương	
3	Ngô Thị	Hà	Nữ	12/10/1992	Trường Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,16				
4	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	02/04/1997	Vô Tranh, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,13				
5	Vy Thị	Vui	Nữ	15/01/1995	Long Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,02			Nghĩa Phương	
6	Hoàng Thị	Hà	Nữ	05/04/1989	Lục Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,37			Nghĩa Phương	
7	Vi Thị	Trang	Nữ	14/07/1987	Vĩnh An, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,40	DT	5	Phượng Sơn	
8	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	29/11/1990	Trường Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,19			Mỹ Thái	
9	Tạ Thị	Lan	Nữ	21/01/1993	Trường Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,27			Nghĩa Phương	
10	Nguyễn Thị	Mến	Nữ	28/02/1985	Trường Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,10	TB	5	Nghĩa Phương	
11	Đặng Thị Thanh	Tuyền	Nữ	28/02/2001	Lục Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non-CTXH	Khá	2,88	DT	5		
12	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	10/03/1999	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,40			Hiệp Hoà	
13	Nguyễn Minh	Hương	Nữ	30/11/1995	Trường Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,26			Nghĩa Phương	
14	Nguyễn Thuý	Ngần	Nữ	01/11/1999	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	3,16			Mỹ Thái	
15	Lý Thị	Thuỷ	Nữ	21/07/2003	Lục Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Khá	2,95	DT	5	Đông Phú	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 10													
1	Hoàng Thị	Hậu	Nữ	15/4/2003	Trường Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,98	DT	5	Bảo Đài	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Nguyễn Thảo	Ly	Nữ	23/5/2001	Trường Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23			Bảo Đài	
3	Nguyễn Thị	Hợi	Nữ	06/7/1994	Vô Tranh, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,29			Lục Nam	
4	Tơ Thị	Thắm	Nữ	06/4/2002	Lục Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,79	DT	5	Nếnh	
5	Hoàng Thị	Giang	Nữ	16/4/2001	Nam Dương, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,18	DT	5	Xuân Cẩm	
6	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	04/5/1998	Tân Mộc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	XS	3,62			Bảo Đài	
7	Nguyễn Chí	Công	Nam	10/6/1995	Lục Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	XS	3,75			Nghĩa Phương	
8	Đặng Thị Phương	Thảo	Nữ	06/11/2000	Trường Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,99	DT	5	Tự Lạn	
9	Hoàng Thị	Linh	Nữ	16/3/1998	Trường Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,37			Lục Nam	
10	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	14/9/2003	Trường Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,02	CĐHH	5	Nghĩa Phương	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Nguyễn Thị	Phấn	Nữ	11/6/2001	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng Anh	Khá	2,72			Bảo Đài	
2	Đào Thuý	Vinh	Nữ	6/01/2002	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng Anh	Khá	2,94			Tân Sơn	
3	Nguyễn Thị	Thuỷ	Nữ	17/8/2001	Lục Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng Anh	Khá	2,84			Bảo Đài	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 03													
1	Hoàng Thu	Yến	Nữ	22/3/2002	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng Anh	Khá	2,96			Biển Động	
2	Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	25/4/2001	Cẩn Lý, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	3,40			Việt Yên	CCSP
3	Hà Thị Yến	Vi	Nữ	22/02/2001	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng Anh	Khá	2,69			Biển Động	
40	**XÃ NGHĨA PHƯƠNG**													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 14													
1	Trịnh Nhật	Như	Nữ	24/02/1997	Bắc Lũng, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,07	DT	5		
2	Lê Thị	Loan	Nữ	20/12/1992	Huyền Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,32				
3	Tằng Thị	Luyện	Nữ	11/11/1997	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,40	DT	5	Chũ	
4	Trần Thị	Huệ	Nữ	18/01/1991	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,26				
5	Phùng Thị	Xuyến	Nữ	10/01/1984	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Khá	3,02				
6	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	02/07/1991	Lan Mẫu, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	7,36			Lục Nam	
7	Ngô Thị	Hằng	Nữ	13/07/1994	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	7,96			Hợp Thịnh	
8	Hoàng Thị	Mai	Nữ	10/02/1998	Thanh Luận, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	3,40			Kép	
9	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	04/02/1994	Lục Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,31			Trường Sơn	
10	Vi Thị	Ngạn	Nữ	11/12/1990	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	GDMN	TBK	6,68			Chũ	
11	Đoàn Đông	Du	Nữ	11/12/2002	Bảo Đài, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	2,91			Hiệp Hoà	
12	Nguyễn Thị	Học	Nữ	13/07/1991	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Khá	7,62				
13	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	19/02/1994	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDMN	Giỏi	3,39			Lục Nam	
14	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	Nữ	17/02/1995	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,28				
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 02													
1	Bế Thị Thu	Hương	Nữ	12/09/2001	Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,30	DT	5	Bảo Đài	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Phí Thị Ngọc	Mai	Nữ	08/10/2002	Việt Yên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDTH	Giỏi	3,49			Vân Hà	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 08													
1	Hoàng Thị	Phượng	Nữ	06/2/1998	An Châu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm toán học	TB	2,12	DT	5	Tiên Lục	
2	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	21/10/1992	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm toán học	Khá	2,73			Lục Ngạn	
3	Vũ Yến	Linh	Nữ	22/12/2002	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm toán học	Khá	2,54			Tiên Lục	
4	Vũ Thị	Trang	Nữ	29/8/1995	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm toán học	Khá	2,50			Mỹ Thái	
5	Trần Thị Khánh	Ly	Nữ	12/10/2001	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm toán học	Khá	2,88			Tân Dĩnh	
6	Trần Thị Thu	Hương	Nữ	26/5/1993	Cẩm Lý, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm toán - tin	Khá	2,73			Tân Dĩnh	
7	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	14/7/2000	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm toán học	Khá	3,16				
8	Đinh Thị Kiều	Trang	Nữ	5/11/2001	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm toán học	Khá	3,07			Lục Ngạn	
41	**XÃ LỤC NAM**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 08													
1	Phùng Thị	Xiêm	Nữ	14/10/1991	Bắc Lũng, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,35				
2	Ngô Thị	Thu	Nữ	25/08/1991	Đồi Ngô, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,22			Xuân Cẩm	
3	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	Nữ	15/12/2001	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	2,92			Nghĩa Phương	
4	Trần Thị	Linh	Nữ	03/8/1998	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,19				
5	Vi Thị	Bé	Nữ	18/09/1985	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	8,34	DT	5	Bảo Đài	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
6	Nguyễn Thị	Toán	Nữ	26/03/1987	Lục Nam, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,39			Nghĩa Phương	
7	Phạm Thị Phương	Anh	Nữ	15/11/2003	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,55			Bảo Đài	
8	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	17/04/1992	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,30				
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 04, đăng ký: 05													
1	Nguyễn Anh	Tuấn	Nữ	29/6/2002	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giá dục Tiểu học	Giỏi	3,21			Bắc Giang	
2	Lương Thị	Tình	Nữ	29/7/2002	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giá dục Tiểu học	Giỏi	3,34			Đông Phú	
3	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	04/01/2001	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giá dục Tiểu học	Khá	2,93			Bắc Lũng	
4	Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	12/11/2001	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giá dục Tiểu học - SPTA	Giỏi	3,41	DT	5	Bắc Lũng	
5	Lê Phương	Thảo	Nữ	28/02/2002	Xuân Lai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giá dục Tiểu học	Khá	3,09			Tân Yên	
42	**XÃ BẢO ĐÀI**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 07													
1	Lương Thị	Mận	Nữ	02/07/1991	Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	3,03			Lục Nam	
2	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	19/08/1992	Lãng Sơn, Bắc Giang	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,20			Nghĩa Phương	
3	Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	14/06/1992	Bảo Đài, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,52	CBB	2,5	Đông Phú	
4	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	17/06/1992	Thanh Lâm, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,64				
5	Ngô Thị Thuý	Hà	Nữ	16/03/1992	Thanh Lâm, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Khá	7,41				
6	Dương Thị	Bình	Nữ	26/09/2002	Bảo Đài, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,34			Kép	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
7	Lê Thị	Huệ	Nữ	05/10/1993	Bảo Đài, Bắc Ninh	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	Giỏi	3,52			Mỹ Thái	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 19, đăng ký: 73													
1	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	12/03/2003	Bình Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,11			Trường Sơn	
2	Mai Việt	Nhật	Nữ	03/11/2003	Đan Hội, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,31			Lục Nam	
3	Dương Thị	Tịnh	Nữ	10/11/1992	Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,94			Hiệp Hoà	
4	Lăng Thị Ánh	Tuyết	Nữ	06/02/2003	Biên Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,89	DT	5	Biên Sơn	
5	Lê Thị Ngọc	Hường	Nữ	15/11/1993	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,87			Bắc Lũng	
6	Lê Thị	Hạnh	Nữ	08/08/1997	Đông Hưng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,99			Đông Phú	
7	Trịnh Thị Hồng	Ngọc	Nữ	01/10/2003	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,27			Bắc Lũng	
8	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	06/04/1995	Dương Hưu, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,11	DT	5	Nghĩa Phương	
9	Đỗ Thị Thu	Huyền	Nữ	12/10/2000	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,67			Bắc Lũng	
10	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	10/11/2000	Lục Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,90			Bắc Lũng	
11	Trần Thu	Phương	Nữ	06/10/2001	Đại Lai, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,55			Phượng Sơn	
12	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	11/07/2003	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,14			Phượng Sơn	
13	Diệp Thị Phương	Duyên	Nữ	04/03/1999	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,22			Mỹ Thái	
14	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	23/08/2003	Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,63	DT	5	Kép	
15	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	24/02/1996	Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,28			Lục Nam	
16	Vũ Thị	Thơ	Nữ	19/09/1997	Cẩm Lý, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,12	CTB	5	Bắc Lũng	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
17	Trần Thị	Tiến	Nữ	03/02/2003	Can Lộc, Hà Tĩnh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,38			Hiệp Hoà	
18	Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	21/12/1996	Long Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,20	DT	5	Phượng Sơn	
19	Lương Thị Thanh	Mai	Nữ	10/09/2003	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học - SP Tiếng	Giỏi	3,46			Lục Nam	
20	Hoàng Thị	Vy	Nữ	13/06/2003	Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,95	DT	5	Hiệp Hoà	
21	Hoàng Xuân	Viện	Nữ	11/05/1990	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,88			Trường Sơn	
22	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	24/12/1991	Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,94			Nghĩa Phương	
23	Bùi Thị	Lan	Nữ	13/02/2002	Cương Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,39			Lục Nam	
24	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	24/08/1998	Yên Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,22			Xuân Cẩm	
25	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	05/06/1994	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,94			Bắc Lũng	
26	Nông Thị	Trang	Nữ	05/01/2000	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23	DT	5	Phượng Sơn	
27	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	17/01/1998	Đại Đồng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,33			Bắc Lũng	
28	Chu Thị	Oanh	Nữ	24/10/2002	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,42			Bắc Lũng	
29	Lưu Thị	Ngọc	Nữ	29/08/2003	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,97			Lục Nam	
30	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	Nữ	23/02/2002	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,43			Lục Nam	
31	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	25/07/2003	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,23			Lục Nam	
32	Đào Linh	Chi	Nữ	03/11/1999	Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Phượng Sơn	
33	Lê Thị	Vân	Nữ	20/08/1993	Tam Dị, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,16			Bắc Lũng	
34	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	08/06/1998	Huyền Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,28			Nghĩa Phương	
35	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	28/05/1990	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,24			Sa Lý	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
36	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	11/11/2003	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,38			Lục Nam	
37	Trần Tiến	Hân	Nam	28/11/2001	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,00			Ngọc Thiện	
38	Nguyễn Vân	Anh	Nữ	10/10/2000	Đông Phú, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,74	DT	5	Đông Phú	
39	Ngô Thị	Ngọc	Nữ	23/09/1998	Cẩm Lý, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,09			Bắc Lũng	
40	Đỗ Thị Phương	Duyên	Nữ	12/12/2003	Phương Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,07			Bắc Lũng	
41	Nguyễn Lệ	Chi	Nữ	07/09/2003	Cao Thượng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,81			Kép	
42	Nguyễn Hồng	Hà	Nữ	06/11/2002	Tam Hưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,28			Bắc Lũng	
43	Triệu Thư Kỳ	Anh	Nữ	06/10/2003	Chu Điện, Lục Nam	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,51	DT	5	Lục Nam	
44	Nguyễn Thị Thu	Giang	Nữ	17/08/2001	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,74			Bắc Lũng	
45	Bùi Phương	Hoài	Nữ	02/02/2003	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,22	DT	5	Phượng Sơn	
46	Giáp Thị	Huệ	Nữ	27/01/2003	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,40			Vân Hà	
47	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	26/12/2023	Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,18	DT	5	Đông Phú	
48	Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	10/07/2003	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,33			Bắc Lũng	
49	Nguyễn Mạnh	Hiệp	Nam	18/01/2000	Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,77	DT	5	Tân Sơn	
50	Châu Thị	Hường	Nữ	23/06/1994	Cẩm Lý, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,33			Bắc Lũng	
51	Hoàng Thị	Tâm	Nữ	20/08/1995	Tân Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,74	DT	5	Đông Phú	
52	Trần Diễm	Quỳnh	Nữ	25/11/2001	Phù Khê, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,19			Ngọc Thiện	
53	Nguyễn Mã	Lương	Nam	06/09/2002	Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,85	DT	5	Vân Hà	
54	Đỗ Huy	Hoàng	Nam	07/12/2003	Phương Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,99			Bắc Lũng	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
55	Trương Thị	Phong	Nữ	30/07/1996	Thanh Lâm, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,05			Việt Yên	
56	Vũ Mai	Linh	Nữ	03/05/2001	Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,51			Tự Lạn	
57	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Nữ	24/12/1993	Bào Đài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,03	DT	5	Bắc Lũng	
58	Nguyễn Thị	Thịnh	Nữ	28/11/1992	Xã Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	2,83			Bắc Lũng	
59	Nguyễn Thị	Hoà	Nữ	17/01/1994	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,35			Nghĩa Phương	
60	Ma Thị	Duyên	Nữ	18/09/1992	Phú Lương, Thái Nguyên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,24	DT	5	Vân Hà	
61	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	07/01/2001	Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,26			Bắc Lũng	
62	Phạm Thị	Lệ	Nữ	12/12/2001	Nam Dương, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Tiền Phong	
63	Hoàng Thị	Phương	Nữ	08/02/2003	Dương Hưu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,32	DT	5	Trường Sơn	
64	Giáp Thị	Tâm	Nữ	28/11/2001	Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,20				
65	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	05/06/1989	Bình Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,39			Xuân Cẩm	
66	Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	16/02/2002	Biên Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,50			Lục Ngạn	
67	Nguyễn Thị	Nhâm	Nữ	26/12/1991	Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,43			Đông Phú	
68	Nguyễn Vũ Hương	Ly	Nữ	09/01/2002	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,22			Bắc Lũng	
69	Đoàn Thị Quỳnh	Như	Nữ	28/01/2002	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,05			Bắc Lũng	
70	Đinh Thị	Hà	Nữ	26/01/2001	Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,40			Ngọc Thiện	
71	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	06/11/2003	Dương Hưu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	XS	3,63			Trường Sơn	
72	Đỗ Thị Thảo	Linh	Nữ	02/11/2003	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,44			Nếnh	
73	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	13/06/1999	Văn Môn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,15			Yên Dũng	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Nguyễn Đức	Tâm	Nam	26/11/2000	Tiên Nha, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm tin học	Khá	3,17			Nam Dương	
2	Nguyễn Thị	Thuỷ	Nữ	19/10/2003	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tin học	Khá	2,84			Tân An	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 10													
1	Đồng Thị	Lan	Nữ	09/10/2002	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,73			Phượng Sơn	CCSP
2	Ngô Thị Thu	Huyền	Nữ	11/03/2002	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng Anh	Khá	2,79			Tiên Lục	
3	Vũ Thị	Dựu	Nữ	15/08/2002	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng Anh	Khá	2,61			Phượng Sơn	
4	Lê Thị	Hải	Nữ	01/05/1980	Cương Sơn, Bắc Ninh	ĐH	TC	Tiếng anh sư phạm	Khá	7,30			Bắc Lũng	
5	Phạm Thị	Tĩnh	Nữ	05/01/1992	Đồi Ngô, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,51			Bắc Lũng	CCSP
6	Nguyễn Thị Hải	Chuyền	Nữ	12/05/2002	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng Anh	Khá	2,80			Phượng Sơn	
7	Đỗ Thị	Lan	Nữ	10/03/1983	Đồi Ngô, Bắc Ninh	ĐH	TC	Tiếng anh	TB	5,93	TB	5	Bắc Lũng	CCSP
8	Ngọc Thanh	Hà	Nữ	21/03/1979	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Ngôn ngữ Anh	Khá	7,00	DT	5	Phượng Sơn	
9	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	14/04/2001	Cảnh Thuỵ, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm tiếng Anh	Khá	2,92			Bắc Lũng	
10	Phạm Thị	Mai	Nữ	30/08/1997	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Khá	2,41			Trường Sơn	CCSP
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Triệu Thị	Vân	Nữ	07/12/1991	Tam Dị, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất - GDQP	Khá	2,60	DT	5	Nam Dương	
	GIÁO VIÊN THCS													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Trịnh Diệu	Vân	Nữ	21/10/2003	Trủ Hựu, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm ngữ văn	Khá	2,93	DT	5	Sa Lý	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Vũ Lan	Anh	Nữ	06/07/1999	Thanh Bình, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Sư phạm ngữ văn	Khá	3,03			Việt Yên	
3	Lê Thị Thanh	Bình	Nữ	03/12/2002	Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm ngữ văn	Giỏi	3,43			Mỹ Thái	
43	**XÃ ĐÔNG PHÚ**													
	GIÁO VIÊN MẦM NON													
	Giáo viên Mầm non: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Đoàn Thị	Thắm	Nữ	10/02/1990	Đông Phú, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,23				
2	Trần Thị Tài	Linh	Nữ	09/01/1998	Đông Phú, Bắc Ninh	ĐH	CQ	GDMN	Khá	3,05				
3	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	29/09/1996	Đông Phú, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,26			Chũ	
4	Nguyễn Thị Thu	Quyên	Nữ	08/02/2002	Đại Phúc, Bắc Ninh	CĐ	CQ	GDMN	Giỏi	3,21			Lục Nam	
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 03, đăng ký: 05													
1	Nông Thị	Hoa	Nữ	22/12/1992	Đông Phú, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,44	DT	5	Nếnh	
2	Dương Đa	Ly	Nữ	09/06/1990	Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	7,50			Bảo Đài	
3	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	15/02/1987	Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,35			Bảo Đài	
4	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	08/08/2000	Đông Phú, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Giỏi	3,25			Bảo Đài	
5	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	17/09/1989	Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	GDTH	Khá	3,19			Phượng Sơn	
44	**XÃ BẮC LŨNG**													
	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC													
	Giáo viên Văn hóa tiểu học: Chỉ tiêu: 08, đăng ký: 22													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Chu Thị	Quyên	Nữ	04/02/2002	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,86			Phượng Sơn	
2	Triệu Thị	Xuân	Nữ	26/01/1989	Trường Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,37	DT	5	Trường Sơn	
3	Hoàng Thị	Nga	Nữ	10/09/1997	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,36			Tân An	
4	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	08/08/1987	Trường Sơn, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,26			Nghĩa Phương	
5	Lưu Thị Phương	Thảo	Nữ	05/09/2001	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,20			Lục Nam	
6	Lê Thị Linh	Tuyến	Nữ	01/04/1993	Chu Linh, Hải Phòng	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,21			Bảo Đài	
7	Trần Ngọc	Hà	Nữ	23/05/2003	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,96			Nghĩa Phương	
8	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	28/09/2002	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,92			Bảo Đài	
9	Phạm Huyền	Trang	Nữ	07/03/1991	Cẩm Lý, Bắc Ninh	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	Khá	3,17			Bảo Đài	
10	Trần Thị Nguyệt	Anh	Nữ	18/07/2003	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,29			Tân An	
11	Chu Thuỳ	Dung	Nữ	02/08/2002	Đại Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,93	DT	5	Kép	
12	Nguyễn Thị	Thuỳ	Nữ	04/11/2003	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,02			Đông Phú	
13	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	15/11/2002	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,30			Bảo Đài	
14	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	08/03/2003	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,94			Vân Hà	
15	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	15/04/2003	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,56			Lục Nam	
16	Hoàng Thị	Lan	Nữ	08/02/2000	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,08	DT	5	Bảo Đài	
17	Lương Thị Phương	Linh	Nữ	28/01/2003	Ninh Giang, Hải Phòng	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,25			Bảo Đài	
18	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	25/03/2003	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,86			Tân An	
19	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	23/08/2003	Cẩm Lý, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Giỏi	3,55			Bảo Đài	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
20	Đinh Thị	Thơ	Nữ	27/10/2003	Nghĩa Phương, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,19			Nghĩa Phương	
21	Tống Thị Thuỳ	Linh	Nữ	01/03/2003	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	2,94			Đông Phú	
22	Nguyễn Trần Ngân	Hà	Nữ	26/10/2002	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	Khá	3,05			Bảo Đài	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Trần Thị Thanh	Chúc	Nữ	13/08/2002	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng Anh	Khá	2,57			Tân Sơn	
2	Nguyễn Thị	Luyên	Nữ	01/05/2001	Bắc Lũng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm tiếng Anh	Khá	2,85			Bảo Đài	
II	**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**													
	THPT Lục Ngạn													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 02													02 NĐ 179
	Giáo viên Lịch sử: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 07													
1	Ninh Thu	Hương	Nữ	25/7/1996	Phượng Sơn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Khá	2,77				
2	Đinh Văn	Lợi	Nam	02/10/1995	Sơn Động, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	TB	2,22	DT	5		
3	Lê Doãn Nhật	Anh	Nam	13/5/2001	Phượng Sơn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Khá	2,82				
4	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	18/5/2002	Tân Lập, Lục Ngạn	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	3,45	DT			
5	Hoàng Lan	Anh	Nữ	12/12/1996	An Lạc, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Khá	3,19	DT	5		
6	Lãnh Thu	Hằng	Nữ	20/8/1993	Cẩm Đàn, Sơn Động	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	TB	2,31	DT	5		
7	Phương Thị	Biển	Nữ	16/7/1991	Tân Hoa, Lục Ngạn	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	Khá	2,62				
	Giáo viên Địa lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 06													
1	Thân Thị	Chinh	Nữ	02/03/2003	xã Tây Yên Tử, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Giỏi	3,40			THPT Tứ Sơn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Phùng Văn	Xuân	Nam	27/09/1997	Xã Lục Ngạn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,96	DT	5		
3	Hoàng Thị	Huế	Nữ	25/05/1997	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	2,75	DT	5	THPT Tứ Sơn	
4	Hoàng Thị	Liễu	Nữ	21/01/2001	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Giỏi	3,35	DT	5	THPT Tứ Sơn	
5	Giáp Thị Ánh	Tuyết	Nữ	07/08/1999	Xã Vạn Phú, Thái Nguyên	ĐH	CQ	SP Địa lý	Khá	3,10			THPT Tứ Sơn	
6	Thăng Thị	Lê	Nữ	20/08/2000	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Địa lý	Giỏi	3,27	DT	5		
	Giáo viên Thể dục: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Văn	Linh	Nam	10/10/2000	Biển Động, Lục Ngạn	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	3,21				
2	Nguyễn Văn	Chí	Nam	01/01/2000	Đèo Gia, Lục Ngạn	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	2,88				
3	Trần Lâm	Phú	Nam	27/9/1993	Lục Ngạn, BN	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	7,27	DT	5		
4	Lê Quang	Tuyến	Nam	19/9/1979	Phượng Sơn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm GDTC	TBK	6,81				
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Thị	Sen	Nữ	30/06/1996	Xã An Lạc, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,67			THPT Lương Thế Vinh	
2	Lãnh Thị Chúc	Đài	Nữ	10/02/2001	Xã Sơn Động, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,93	DT	5	THPT Lương Thế Vinh	
3	Lê Việt	Anh	Nam	05/09/2001	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Khá	2,89			THPT Lương Thế Vinh	
4	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	25/09/2000	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng anh	Giỏi	3,35				
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 08													
1	Nguyễn Hải	Hậu	Nữ	14/08/2001	Xã Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,17			THPT Mỏ Trạng	
2	Giáp Huyền	Trang	Nữ	24/04/2002	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,38			THPT Lương Thế Vinh	
3	Vũ Phương	Ngân	Nữ	13/10/2001	Phường Trạm Lộ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Giỏi	3,47			THPT Mỏ Trạng	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
4	Đào Khánh	Linh	Nữ	18/12/2003	Phường Phố Hiến, Hưng Yên	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,09			THPT Mỏ Trạng	
5	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	27/01/1996	Xã Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	3,05			THPT Mỏ Trạng	
6	Dương Thị	Thoa	Nữ	05/10/1999	Xã Bảo Đài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học					THPT Mỏ Trạng	Thạc sĩ Lí luận và PPDH bộ môn Toán
7	Vũ Cẩm	Vân	Nữ	13/01/1996	Phường Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học		3,17			THPT Lương Thế Vinh	Thạc sĩ Toán giải tích
8	Phạm Thị Tâm	Tuệ	Nữ	01/09/2002	Phường Chũ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Toán học	Khá	2,54			THPT Lương Thế Vinh	
	Giáo viên Hóa học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 09													
1	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	17/8/1995	Xã Tân Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	2,56			THPT Lương Thế Vinh	
2	Ngô Xuân	Phú	Nam	27/11/2002	Phường Thuận Thành	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	2,64			THPT Lương Thế Vinh	
3	Nguyễn Hà	Phương	Nữ	16/10/2001	Phường Đa Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	3,07			THPT Lương Thế Vinh	
4	Hoàng Hằng	Hải	Nữ	21/11/2003	Xã Yên Định	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	2,84	DT	5	THPT Lương Thế Vinh	
5	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	29/8/2001	Xã Tiên Du	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	2,66			THPT Lương Thế Vinh	
6	Đoàn Thị	Nga	Nữ	11/3/2000	Xã Lương Tài	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Giỏi	3,21			THPT Lương Thế Vinh	
7	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	17/01/1999	Xã Kép	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	2,56			THPT Lương Thế Vinh	
8	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	02/02/1997	Xã Tuấn Đạo	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	TB	2,34			THPT Lương Thế Vinh	
9	Đặng Mai	Linh	Nữ	29/8/2002	Phường Quế Võ	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Giỏi	3,22				
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Từ Văn	Hoàng	Nam	05/12/1994	Phường Chũ	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	Khá	3,05	DT	5	THPT Tứ Sơn	
2	Vi Thị	Lịch	Nữ	18/02/1993	Phường Phượng Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	Khá	2,96	DT	5		
3	Dương Thị	Huyền	Nữ	18/12/2001	Xã Đồng Việt	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	XS	3,65			THPT Tứ Sơn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
4	Nguyễn Thị Ngân	Hà	Nữ	25/4/1999	Xã Lục Ngạn	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	Khá	2,92			THPT Tứ Sơn	
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 05													
1	Phạm Quang	Hùng	Nam	14/5/1999	Phường Kinh Bắc	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	Giỏi	3,21			THPT Sơn Động 3	
2	Ngô Thanh	Lam	Nữ	23/10/1997	Xã Lạng Giang	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	TB	2,12			THPT Sơn Động 3	
3	Thân Ngọc	Hưng	Nam	28/6/1998	Xã Biển Động	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	Khá	2,54			THPT Sơn Động 3	
4	Ngô Thị	Linh	Nữ	22/11/2003	Phường Đa Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	Giỏi	3,20			THPT Sơn Động 3	
5	Nguyễn Minh	Đức	Nam	21/10/2001	Phường Kinh Bắc	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	Giỏi	3,28			THPT Sơn Động 3	
	THPT Lương Thế Vinh													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 16													
1	Bùi Ngọc	Duy	Nam	26/4/1999	Bố Hạ, Yên Thế	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,90				
2	Vũ Thị Thảo	Vân	Nữ	10/6/2003	Tân Quang, Lục Ngạn	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,90			THPT Tân Yên số 2	
3	Đặng Thị	Hường	Nữ	20/9/2002	Biển Động, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,91	DT	5	TT GDNN-GDTX Sơn Động	
4	Nguyễn Thị Châu	Giang	Nữ	09/9/1996	Việt Ngọc, Tân Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,60			TT GDNN-GDTX Sơn Động	Thạc sĩ Văn học Việt Nam
5	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	30/5/2003	Đồng Tâm, Yên Thế	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	3,15			TT GDNN-GDTX thị xã Chũ	
6	Ngô Thị Thu	Thảo	Nữ	30/9/2003	Xuân Cẩm, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,38			TT GDNN-GDTX Sơn Động	
7	Giáp Thị Ngọc	Bích	Nữ	07/7/1997	Chũ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,29			TT GDNN-GDTX Sơn Động	
8	Dương Minh	Ngọc	Nam	05/01/2000	Thuận Thành, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,36			TT GDNN-GDTX Sơn Động	
9	Nguyễn Kim	Tú	Nữ	16/9/2002	Mão Điền, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,86			TT GDNN-GDTX Sơn Động	
10	Nguyễn Văn	Khởi	Nam	10/01/1997	Chũ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,54	DT	5		

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
11	Lăng Thị	Hồng	Nữ	26/3/2003	Hộ Đáp, Lục Ngạn	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,28	DT	5	THPT Lục Ngạn	
12	Kiều Thị Huyền	Trang	Nữ	01/7/2003	Lập Thạch, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,39			THPT Tân Yên số 2	
13	Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	10/01/1991	Tiên Lục, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,58			TT GDNN-GDTX thị xã Chũ	
14	Hà Thị Thúy	Thanh	Nữ	20/4/1997	Phượng Sơn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	3,05			TT GDNN-GDTX thị xã Chũ	
15	Dương Thị	Hòa	Nữ	29/10/1998	Biển Động, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	3,16	DT	5	TT GDNN-GDTX thị xã Chũ	
16	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	05/8/2003	Yên Thế, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,90	DT	5	TT GDNN-GDTX thị xã Chũ	
	Giáo viên Giáo dục công dân: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Lường Thị Thùy	Linh	Nữ	17/7/2003	Biên Sơn, BN	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	Giỏi	3,44			THPT Sơn Động số 3	
2	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	26/10/2003	Lục Ngạn, BN	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	Khá	2,93			THPT Sơn Động số 3	
3	Hoàng Thu	Trang	Nữ	12/10/2003	Giáp Sơn, Lục Ngạn	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	Khá	2,93	DT	5	THPT Sơn Động số 3	
4	Bàng Thị	Định	Nữ	05/12/1991	Biển Động, BN	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị	TB	2,47	DT	5	THPT Sơn Động số 3	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 02													
1	Ninh Thị Phương	Thanh	Nữ	16/11/2002	Kiên Lao, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,18	DT	5	THPT Tân Yên số 2	
2	Nguyễn Ngọc	Minh	Nữ	19/11/2001	Bắc Tiên Hưng, Hưng Yên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	3,45			THPT Tân Yên số 2	CCSP
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 07													
1	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	Nữ	05/5/2003	Lục Nam, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	3,02			THPT Sơn Động số 3	
2	Tống Thị	Hằng	Nữ	22/5/2003	Nghĩa Phương, Lục Nam	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,56	DT	5	THPT Lục Ngạn	
3	Trần Thu	Thảo	Nữ	27/4/2002	Thuận Thành, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,82			THPT Lục Ngạn	
4	Vũ Quỳnh	Trang	Nữ	11/11/2002	Bố Hạ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,63			THPT Lục Ngạn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
5	Hoàng Thị	Phương	Nữ	09/10/2001	Tân Hoa, Lục Ngạn	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,35	DT	5	THPT Lục Ngạn	
6	Tạ Thị	Hà	Nữ	09/8/1993	Nam Dương, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	TB	2,00			THPT Lục Ngạn	Thạc sĩ
7	Nguyễn Bảo	Anh	Nữ	18/7/2003	Long Châu, Yên Phong	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,22			THPT Mỏ Trạng	
	Giáo viên Hóa học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	15/6/1993	Thanh Hải, Chũ	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Khá	2,81			THPT Lục Ngạn	
2	Nguyễn Vũ Như	Quỳnh	Nữ	10/8/2002	Trung Giã, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	Giỏi	3,47			THPT Lục Ngạn	
	Giáo viên Âm nhạc: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Chu Thị	Nhung	Nữ	08/01/2000	Đại Sơn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	Khá	3,08	DT	5		
2	Đào Thị	Thủy	Nữ	09/02/2001	Chũ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	Khá	2,74				
	THPT Tứ Sơn													
	Giáo viên Địa lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Nguyễn Thị	Tiến	Nữ	02/7/1992	Bắc Lũng, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	Khá	2,86			THPT Lục Ngạn	
2	Đoàn Thị	Nguyên	Nữ	22/7/2003	Võ Cường, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	XS	3,80			THPT Lục Ngạn	
3	Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	24/5/2000	Bắc Lũng, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	Khá	3,00			THPT Lục Ngạn	
4	Đoàn Thị Kim	Oanh	Nữ	01/3/2002	Bắc Lũng, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	Giỏi	3,56			THPT Lục Ngạn	
	Giáo viên Sinh học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													
1	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	04/02/1995	Tây Yên Tử, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	Giỏi	3,29			THPT Lục Ngạn	
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 03													
1	Trương Thị	Ngọc	Nữ	30/10/2003	Kiên Lao, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	3,10			THPT Lục Ngạn	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
2	Cao Thị Lan	Hương	Nữ	17/11/2001	P. Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	XS	3,61			THPT Lương Thế Vinh	
3	Vương Thu	Trang	Nữ	11/4/1998	Vô Tranh, Lục Nam	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,75	DT	5	THPT Lục Ngạn	CCSP
	THPT Tân Yên số 2													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 01													01 NĐ 179
	Giáo viên Tiếng Anh: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 05													
1	Nguyễn Minh	Tâm	Nữ	08/11/2002	Tự Lạn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	2,77			THPT Lương Thế Vinh	
2	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	05/9/2001	Quang Trung, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	XS	3,66				
3	Thân Quang	Đạt	Nam	06/02/2003	Nội Hoàng, Yên Dũng	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,30			THPT Tứ Sơn	
4	Hoàng Mai	Hiền	Nữ	29/11/1995	Ngọc Thiện, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,33			THPT Lục Ngạn	Thạc sĩ
5	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	31/01/2003	Đào Viên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	3,49			THPT Lương Thế Vinh	
	THPT Chuyên Bắc Giang													
	Giáo viên Tiếng Hàn: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Đỗ Thu	Phương	Nữ	16/7/1998	Chũ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Hàn Quốc	Khá	2,97				
2	Trịnh Hiểu	Linh	Nữ	09/12/2003	Tiên Lục, BN	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Hàn Quốc (có chứng	Giỏi	3,27				
	THPT Mỏ Trạng													
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 08													
1	Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	18/3/2003	Nhã Nam, Tân Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	3,07				
2	Đào Thị Huyền	Trang	Nữ	20/12/2001	Nhân Thắng, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,95			THPT Sơn Động số 3	
3	Dương Thị Trà	Giang	Nữ	05/8/2002	Đồng Nguyên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,53			THPT Lương Thế Vinh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
4	Đỗ Thị	Dương	Nữ	28/10/2000	Văn Môn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,98			THPT Lục Ngạn	Thạc sĩ Toán giải tích
5	Nguyễn Văn	Minh	Nam	20/8/2000	Phúc Yên, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,87			THPT Lục Ngạn	
6	Doãn Hoàng	Tuấn	Nam	03/11/2001	Đồng Tiến, Yên Thế	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	3,13			THPT Lục Ngạn	
7	Trần Huệ	Linh	Nữ	15/9/2002	Hồng Kỳ, Yên Thế	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,63			THPT Lục Ngạn	
8	Giáp Văn	Đại	Nam	03/4/1998	Tự Lạn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	TB	2,40			THPT Lục Ngạn	Thạc sĩ Toán giải tích
	THPT Nhã Nam													
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 0													
	THPT Sơn Động số 3													
	Giáo viên Giáo dục công dân: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Ngô Thị	Phương	Nữ	15/4/1995	Thanh Oai, HN	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị	Khá	2,88			THPT Lương Thế Vinh	
2	La Hồng	Thúy	Nữ	10/3/2003	An Lạc, BN	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	Khá	2,70	DT	5	THPT Lương Thế Vinh	
3	Nguyễn Hà	Giang	Nữ	21/01/2003	Tây Yên Tử, Sơn Động	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	Khá	3,03			THPT Lương Thế Vinh	
4	Đặng Gia	Quang	Nam	18/4/2002	Thuận Thành, BN	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	Khá	3,90			THPT Lương Thế Vinh	
	Giáo viên Toán: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 09													
1	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	03/12/2002	Đoài Phương, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,21			THPT Lục Ngạn	
2	Lương Huy	Hoàng	Nam	16/12/2002	Vũ Ninh, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,69			THPT Lục Ngạn	
3	Ngô Thị Hồng	Hoa	Nữ	12/10/2002	Biển Động, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,97			THPT Lục Ngạn	
4	Ngọc Văn	Thụy	Nam	14/7/2003	Sơn Động, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,59	DT	5	THPT Lục Ngạn	
5	Nguyễn Thanh	Lâm	Nam	10/4/1986	Sơn Động, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	TB	5,88			THPT Lương Thế Vinh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
6	Đào Mỹ Hạnh	Anh	Nữ	09/01/2001	Tân Tiến, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Khá	2,82			THPT Lục Ngạn	
7	Ngô Thế	Nghĩa	Nam	12/11/2002	Đồng Nguyên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	Giỏi	3,32			THPT Lương Thế Vinh	
8	Mai Thị Lan	Anh	Nữ	04/6/1997	Bồng Lai, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	TB	2,19			THPT Mỏ Trạng	
9	Nguyễn Hải	Hà	Nữ	22/4/1990	Chũ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	TB	2,41	CBCĐ	1,5	THPT Lương Thế Vinh	Thạc sĩ Toán giải tích
	Giáo viên Vật lý: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 04													
1	Trần Thị	Cúc	Nữ	14/7/2003	Từ Sơn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	Giỏi	3,33			THPT Lục Ngạn	
2	Trần Thị	Huyên	Nữ	20/5/2002	An Bá, Sơn Động	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	Khá	3,07			THPT Lục Ngạn	
3	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	16/07/2003	Ngọc Thiện, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	Khá	2,67			THPT Lục Ngạn	
4	Vũ Thị Thu	Thảo	Nữ	05/7/1996	Quế Võ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	Khá	2,91			THPT Lục Ngạn	
	THPT DTNT Sơn Động													
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 0													
	TTGDNN-GDTX thị xã Chũ													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 11													
1	Ngô Thị	Cúc	Nữ	06/02/1992	Lục Ngạn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	TB	2,42			THPT Lương Thế Vinh	
2	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	18/7/1998	Nam Dương, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	3,13			THPT Lục Ngạn	
3	Nguyễn Đức	Tiến	Nam	04/11/1996	Đồi Ngô, Lục Nam	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	TB	2,07			TT GDNN-GDTX Sơn Động	
4	Nguyễn Thị	Chanh	Nữ	14/10/1993	Phượng Sơn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,30			THPT Lục Ngạn	
5	Ngô Ngọc	Anh	Nữ	04/10/2001	Đồng Nguyên, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,99			THPT Tân Yên số 2	
6	Trịnh Minh	Nguyệt	Nữ	15/6/2000	Lục Ngạn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,40			THPT Lương Thế Vinh	

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
7	Trần Thị	Hằng	Nữ	10/01/1992	Chũ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,86	DT	5	THPT Lục Ngạn	
8	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	03/10/2000	Phường Tân Tiến, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,84			TT GDNN-GDTX Sơn Động	
9	Trương Thị Trà	Giang	Nữ	04/6/2001	Lục Ngạn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,38	DT	5	THPT Lương Thế Vinh	
10	Đoàn Lê Thu	Hòa	Nữ	27/10/2001	Chũ, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,46			THPT Lương Thế Vinh	
11	Trương Thị Thanh	Hương	Nữ	09/7/1999	Đại Phúc, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,20			THPT Lương Thế Vinh	
	TTGDNN-GDTX huyện Sơn Động													
	Giáo viên Ngữ văn: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 10													
1	Phạm Thúy	Hồng	Nữ	01/12/2000	Ngọc Thiện, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	3,01			TT GDNN-GDTX thị xã Chũ	
2	Nguyễn Thị	Ánh	Nữ	19/9/1995	An Châu, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,54	DT	5	TT GDNN-GDTX thị xã Chũ	
3	Nguyễn Huyền	Giang	Nữ	11/12/2002	Tây Yên Tử, Sơn Động	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,61			TT GDNN-GDTX thị xã Chũ	
4	Dương Thị	Thủy	Nữ	25/3/2002	Yên Dũng, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,34			THPT Lương Thế Vinh	
5	Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	19/6/2001	Long Sơn, Sơn Động	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,40			THPT Lương Thế Vinh	
6	Ngô Thị	Tân	Nữ	28/7/1991	Tây Yên Tử, Sơn Động	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,68			THPT Lục Ngạn	
7	Nông Khánh	Phương	Nữ	14/7/2003	Yên Định, Sơn Động	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,26	DT	5		
8	Hoàng Thị	Hà	Nữ	08/02/1996	Yên Định, Sơn Động	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	3,37	DT	5	TT GDNN-GDTX thị xã Chũ	
9	Hứa Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/7/2003	An Bá, Sơn Động	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,98	DT	5	TT GDNN-GDTX thị xã Chũ	
10	Lục Thị	Hợp	Nữ	07/3/1992	Đại Sơn, BN	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	Khá	2,97	DT	5	TT GDNN-GDTX thị xã Chũ	
	Giáo viên Tin học: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 0													
	Giáo viên Chăn nuôi: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 01													

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Vi Cảnh	Mạnh	Nam	20/11/2000	Sơn Động, BN	ĐH	CQ	Thú y	Khá	2,63	DT	5		
III	**TRƯỜNG CAO ĐẲNG MIỀN NÚI BẮC GIANG**													
	Giảng viên Tin học: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 03													
1	Đào Anh	Tuấn	Nam	10/6/1993	Lục Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	TB	2,25				CCSP
2	Hoàng Thị	Thương	Nữ	30/5/1994	Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tin học	TB	2,10				
3	Lăng Thị	Thư	Nữ	19/01/2002	Đại Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	Khá	3,03	DT	5		CCSP
	Giảng viên Tiếng Trung: Chỉ tiêu: 02, đăng ký: 06													
1	Đoàn Thị	Thúy	Nữ	29/5/2000	Nhã Nam, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Trung	Giỏi	3,29				
2	Hoàng Vân	Anh	Nữ	04/3/1999	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi	8,05				CCSP
3	Hà Văn	Nhẫn	Nam	10/7/1997	Kép, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	Giỏi	3,36				CCSP
4	Lý Thị	Ngọc	Nữ	08/6/2001	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Trung Quốc	XS	3,70	DT	5		CCSP
5	Ngô Dịu	Huyền	Nữ	17/8/1997	Trường Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Tiếng Trung	TB	2,30				
6	Hoàng Phương	Thảo	Nữ	26/6/1999	Lạng Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Trung Quốc		3,85				Thạc sĩ - CCSP
	Giảng viên Chính trị: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 09													
1	Đỗ Thị Hải	Luyến	Nữ	16/02/1992	Khoái Châu, Hưng Yên	ĐH	CQ	Triết học	Khá	7,06				CCSP
2	Hoàng Văn	Tùng	Nam	12/11/1993	Khuôn Lùng, Tuyên Quang	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị	TB	2,07	DT	5		
3	Mai Anh	Việt	Nam	05/10/1990	Đào Viên, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị - GDQP	Khá	2,62	BĐXN	2,5		
4	Đoàn Văn	Nam	Nam	24/4/1989	Phượng Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Triết học		3,24				Thạc sĩ
5	Phạm Thị	Trang	Nữ	09/9/1999	Đồng Kỳ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Triết học	Khá	2,60				

STT	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Trình độ	Hệ ĐT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Đơn vị dự tuyển (nguyện vọng 2)	Ghi chú
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
6	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	24/9/1997	Trí Quả, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Triết học		3,29				Thạc sĩ
7	Hoàng Trọng	Hiệp	Nam	15/7/1999	Yên Thế, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Triết học	Khá	2,57	NVQS	2,5		
8	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	11/01/1997	Ngọc Thiện, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị	Khá	2,90				
9	Nguyễn Hồng	Hải	Nữ	04/12/1989	Hiệp Hòa, Bắc Ninh	ĐH	CQ	SP Chính trị học -Triết học		3,06				Thạc sĩ
IV	**TRƯỜNG TRUNG CẤP VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**													
	Giáo viên Giáo dục thể chất: Chỉ tiêu: 01, đăng ký: 02													
1	Đào Văn	Đạt	Nam	07/10/1999	Đại Đồng, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	Khá	2,88				
2	Nguyễn Trọng	Nam	Nam	15/8/1997	Bắc Giang, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	XS	3,61				